

Phụ lục 1

Tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định đối với

Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Báo cáo số: 75/BC-SKHĐT ngày 17/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	GIẢI TRÌNH GÓP Ý CỦA THÀNH VIÊN PHẢN BIỆN			
1	TS. Hoàng Ngọc Phong			
1.1	<i>Về đánh giá điều kiện tài nguyên thiên nhiên và môi trường</i>			
	Báo cáo Quy hoạch đã đánh giá khá đầy đủ, chi tiết các điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, nội dung báo cáo còn nặng về mô tả, liệt kê, chưa thấy rõ nội dung “đánh giá” xem các điều kiện đó có thể mạnh gì, lợi thế gì để làm cơ sở và những lưu ý cần được chú ý khi xây dựng các phương án quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn 2050.		Bảo lưu	Các nội dung đánh giá theo các lĩnh vực được tổng hợp trong Nội dung đánh giá chung để tránh trùng lặp.
	Phân đánh giá tài nguyên nước và chế độ thủy văn, nên gắn với nhau để định hướng và yêu cầu quy hoạch trong việc bảo vệ nguồn nước, phòng chống thiên tai trong bối		Bảo lưu	Việc gắn kết tài nguyên nước và chế độ thủy văn đã được tính đến khi đề xuất phương án quy hoạch khai thác tài nguyên nước, bảo vệ

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cảnh tác động biến đổi khí hậu và hướng khai thác tài nguyên nước một cách hiệu quả phù hợp			nguồn nước và phòng chống thiên tai. Xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp.
	Trà Vinh có nguồn tài nguyên đất khá lớn, đa dạng, thuận lợi phát triển. Xét về quy mô và phân bố các loại đất thấy rằng rất thuận lợi để phát triển các loại cây trồng vật nuôi quy mô lớn. Cần phải đánh giá kỹ hơn tiềm năng, lợi thế để định hướng cho quy hoạch, bảo vệ, khai thác phát triển các hoạt động kinh tế như nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, đô thị và phát triển công nghiệp		Bảo lưu	Các phân tích và đánh giá chi tiết được thực hiện trong báo cáo hợp phần, ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Phân đánh giá đa dạng sinh học khá kỹ, phân đánh giá tài nguyên rừng cũng đã làm rõ được tiềm năng lợi thế của nguồn tài nguyên này. Đã có đánh giá chỉ ra hướng khai thác phát triển tổng hợp lâm nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường của địa phương. Suy thoái nguồn tài nguyên đa dạng sinh học chủ yếu ở khu vực ngư nghiệp. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung các nội dung bảo vệ nguồn lợi thủy sản, gồm vị trí, quy mô, chức năng và các giải pháp quản lý ở các vùng (vùng khai thác, vùng bảo vệ, vùng hạn chế, vùng	Tiếp thu ý kiến		Đã bổ sung phụ lục về các khu vực bảo tồn loại sinh cảnh (bao gồm nguồn lợi thủy sản); Các giải pháp cụ thể được thể hiện trong báo cáo hợp phần và được tích hợp vào các giải pháp chung theo hướng dẫn. Xin phép được bảo lưu.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cầm...) làm căn cứ xây dựng các phương án khai thác nguồn lợi thủy hải sản trong thời kỳ quy hoạch			
	Phân đánh giá thiên tai và biến đổi khí hậu chưa làm rõ <i>nguy cơ</i> do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ở Trà Vinh, cũng như chưa có các phân tích đánh giá tình hình thiên tai, đánh giá tác động của thiên tai đến phát triển kinh tế-xã hội tỉnh, nhất là các loại hình sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán xâm nhập mặn và từ đó đặt ra những yêu cầu về quy hoạch phát triển để vừa khai thác các lợi thế về tài nguyên môi trường, tạo các tiền đề phát triển các hoạt động kinh tế vừa kết hợp phòng chống thiên tai, điều hòa nguồn nước		Bảo lưu	Đã thể hiện ở phần I, mục 1.5. Đánh giá các nguy cơ và tác động của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh
1.2	<i>Phân đánh giá các điều kiện xã hội</i>			
	Nên dùng phương pháp chuyên tuổi để dự báo dân số và lao động, qua đó dễ thấy rõ quy mô dân số theo từng độ tuổi, nam, nữ, từ đó thấy được lực lượng lao động trong độ tuổi, thấy được đến năm 2030 và 2045, dân số phát triển theo xu thế nào, bước vào thời kỳ dân số vàng, hay dân số già hóa, trẻ hóa. Đồng thời thấy được số lượng, chất lượng lao động có đáp ứng cho phát triển giai đoạn		Bảo lưu phương pháp dự báo	Báo cáo này sử dụng số liệu dự báo dân số thành phần (phương pháp chuyên tuổi), sử dụng quy mô, cơ cấu theo giới tính và nhóm tuổi của dân số cấp tỉnh, thành thị, nông thôn từ kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 1/4/2019 làm dân số gốc. Thời kỳ dự

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>quy hoạch tới hay không, từ đó mới có được những giải pháp, chính sách đúng đắn thu hút hay xuất khẩu lao động... sẽ có được các dự báo chuẩn xác hơn</p>			<p>báo: 10 năm, từ 2020 đến 2030, bao gồm 2 giai đoạn 5 năm: 2020-2025, 2025-2030; Dự báo dân số cho thấy Trà Vinh đã ra khỏi thời kỳ có cơ cấu dân số vàng từ năm 2021. Các phân tích cũng cho thấy dân số Trà Vinh đã già hóa từ 2014. Các nội dung này được trình bày chi tiết trong Báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này.</p>
	<p>- <i>Đặc trưng văn hóa dân tộc.</i> Cần được phân tích sâu kỹ hơn để thấy sự khác biệt, nổi trội và rất đặc trưng so với các tỉnh thành khác trong vùng ĐBSCL. Tỉnh Trà Vinh là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, bản sắc văn hoá đa dạng. Đây là một trong các thế mạnh của tỉnh. Nó được <i>hội tụ từ ba yếu tố chính:</i> (i) Lối sống của người dân thích ứng với sự đa dạng về điều kiện tự nhiên (ii) Sự đa dạng về sắc tộc, tôn giáo tín ngưỡng với những công trình kiến trúc tạo nên nét độc đáo riêng ở vùng đất này; (iii) Sự đa dạng về hoạt động sinh kế sản xuất: nông,</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>		<p>Bổ sung phân tích tại điểm 1.2.3, mục 1.2, phần I</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	ngư, thủ công nghiệp và diêm nghiệp. Nguồn lực văn hóa tinh thần này thể hiện sắc thái văn hóa địa phương là nguồn lực rất quan trọng cho phát triển của tỉnh nên khi quy hoạch không thể bỏ qua.			
1.3	<i>Các yếu tố, điều kiện phát triển</i>			
	Nội dung đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển mới chỉ tập trung vào yếu tố nguồn lực tự nhiên và kinh tế - xã hội, các yếu tố khác như: <i>khoa học công nghệ, năng lực cạnh tranh, thể chế quốc gia và văn hóa và truyền thống dân tộc...chưa được đánh giá</i> . Văn biết văn hóa là nguồn lực rất quan trọng cho phát triển hưng thịnh quốc gia. Đặc tính văn hoá có tác động quan trọng đến phát triển, không thể bỏ qua, cần được cập nhật bổ sung đầy đủ	Tiếp thu và chỉnh sửa		Một số nội dung đánh giá về năng lực cạnh tranh, văn hóa và truyền thống dân tộc đã được đánh giá trong nội dung của báo cáo, xin phép được bảo lưu.
	Cần chú ý là trong nội dung quy hoạch tỉnh quy định trong Điều 27 của luật quy hoạch và Điều 28 của Nghị định 37/CP đều ghi rõ “ <i>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố điều kiện phát triển đặc thù của địa phương</i> ”. Trong nội dung này không thấy có dự báo mà chủ yếu là mô tả diễn biến trong thời gian đã qua (từ 2010-2020),		Bảo lưu	Phần lớn các yếu tố thuộc điều kiện phát triển đặc thù của địa phương đã được đánh giá dưới dạng thực trạng và tiềm năng (có tính đến diễn biến tương lai);

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	giống như đánh giá hiện trạng. Khi đánh giá các yếu tố nguồn lực phát triển phải <i>dự báo được quy mô và chất lượng của các nguồn lực</i> đó trong tương lai biến động như thế nào, từ đó phân tích tác động đến phát triển kinh tế-xã hội của thời kỳ quy hoạch. Ví dụ: về tài nguyên khoáng sản phải dự báo được quy mô, trữ lượng từng loại khoáng sản tăng, giảm ra sao?, khả năng tăng thêm những khoáng sản gì trong tương lai..., từ đó mới thấy được sự tác động, ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế trong thời kỳ quy hoạch tới			Một số điều kiện thuộc lĩnh vực cụ thể (nguồn lực phát triển) đã được phân tích, đánh giá và dự báo trong các nội dung cụ thể theo lĩnh vực (dân số, lao động, tài chính, vv). Xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp.
1.4	<i>Vị thế, vai trò của Tỉnh đối với Vùng, Quốc gia</i>			
	Việc đánh giá vị thế, vai trò của Tỉnh đối với Vùng và Quốc gia là nội dung vô cùng quan trọng nhằm xác định được thế mạnh để làm định hướng chiến lược phát triển của Tỉnh trong phát triển Vùng và tạo các mối quan hệ giữa phát triển của Tỉnh trong xu thế phát triển chung của Vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, để có cơ sở đánh giá được đầy đủ nội dung này thì phải sau khi đánh giá thực trạng phát triển các ngành/lĩnh vực kinh tế xã hội của Tỉnh so với sự phát triển của Vùng thì mới có được các kết luận, nhận định đánh giá		Bảo lưu	Cấu trúc các nội dung báo cáo đã được cơ quan chuyên môn của Bộ KH&ĐT (vụ QLQH) rà soát và đảm bảo theo quy định. Ban soạn thảo xin phép ghi nhận ý kiến đóng góp và bảo lưu.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thỏa đáng. Do vậy, mặc dù theo qui định tại Điều 28, Nghị định 37, Mục b) đánh giá vị thế vai trò của Tỉnh đối với Vùng và Quốc gia; Mục c) các yếu tố, điều kiện của Vùng, Quốc gia, Quốc tế tác động đến phát triển Tỉnh, được qui định trình bày tại phần này; nhưng có lẽ hợp lý và logic hơn thì nên chuyển các nội dung này xuống cuối phần II trước khi đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức để xác định, tình ra các chiến lược, định hướng phát triển.			
	Trong phạm vi đánh giá các điều kiện tự nhiên và xã hội, nội dung này cũng cần chỉ ra được những lợi thế của Tỉnh về vị trí, tài nguyên thiên nhiên, các yếu tố xã hội ... có thể tạo động lực phát triển chung cho cả vùng là gì?...		Bảo lưu	Các nội dung đánh giá theo các lĩnh vực được tổng hợp trong Nội dung đánh giá chung về điểm mạnh, điểm yếu để tránh trùng lặp.
	Đánh giá các yêu tố phát triển. Vị trí địa lý, kinh tế, điều kiện tự nhiên: Mặc dù được mô tả, đánh giá khá kỹ, song sẽ tốt hơn, nếu có thêm các bình luận hay kết luận (tiểu kết nhỏ), khẳng định nó (các điều kiện này) tác động thế nào (thuận lợi hoặc khó khăn) đến phát triển KTXH của địa phương trong tương lai?. Đây sẽ là cơ sở quan trọng		Bảo lưu	Xin phép được ghi nhận ý kiến đóng góp, tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin phép được bảo lưu như hiện tại để tránh trùng lặp.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cho việc khái quát những “điểm mạnh, điểm yếu” ở mục 2.9 (tr.285).			
1.5	<i>Về đánh giá thực trạng phát triển kinh tế</i>			
	<i>Phần đánh giá thực hiện quy hoạch thời kỳ trước còn sơ sài, đề nghị bổ sung thêm. Nội dung rà soát, đánh giá quy hoạch thời kỳ trước cần được bám sát các tiêu chí quy định tại Điều 7 Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Trong nội dung này tập trung vào việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thời kỳ trước; đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch các ngành, lĩnh vực của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trên bàn tỉnh Trà Vinh</i>		Bảo lưu	Các nội dung quy hoạch thời kỳ trước của quốc gia, ngành và vùng đã được cập nhật trong Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (điều chỉnh năm 2018) theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Các nhận định đánh giá thực hiện quy hoạch thời kỳ trước đã bám sát các nội dung quy hoạch điều chỉnh nêu trên. Xin phép được bảo lưu để đảm bảo sự nhất quán trong đánh giá.
	<i>Báo cáo đã đánh giá khá đầy đủ về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; về chất lượng tăng trưởng giai đoạn 2011-2020; Tuy nhiên nếu có thêm các đánh giá, phân tích, lý giải sâu về những xu hướng phát triển các ngành khác như: Tỷ lệ lao động qua đào tạo, NSLĐ và TFP..? để đánh giá nền kinh tế của một tỉnh ở trình</i>		Bảo lưu	Các nội dung góp ý đã được phân tích cụ thể trong các báo cáo hợp phần liên quan. Trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp, xin phép được bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp theo hướng dẫn của Bộ KH&ĐT tại Công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/1/2021

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>độ nào trong xu thế công nghiệp 4.0 thì việc phân tích <u>chất lượng tăng trưởng</u> rất quan trọng, trong đó phải chỉ rõ 3 yếu tố tác động đến tăng trưởng của Trà Vinh là: <i>Vốn đầu tư, Lao động, Tổng năng suất các yếu tố (TFP)</i>. Để thấy rõ đặc điểm phát triển của Trà Vinh có đi theo này hay không, nên tính toán phân tích sung bổ thêm các yếu tố về chất lượng tăng trưởng. Cũng nên có thêm so sánh các chỉ tiêu phát triển của tỉnh Trà Vinh trong sự phát triển chung của vùng ĐBSCL (gồm 13 tỉnh) để thấy được Trà Vinh đang ở đâu?, tọa độ, vị thế nào trong tổng thể phát triển của Vùng ĐBSCL chắc chắn sẽ có ý nghĩa hơn</p>			<p>về hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh. Xin phép được bảo lưu.</p>
	<p><i>Thực trạng phát triển các ngành nông, lâm và thủy sản</i> (trang 70-83). Báo cáo đã đề cập khá đầy tình hình phát triển các loại cây trồng vật nuôi, phát triển lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, việc đánh giá tình hình phát triển mỗi loại sản phẩm nông nghiệp mới chỉ dừng lại ở liệt kê, mô tả một cách riêng lẻ, chưa chỉ ra những hạn chế phát triển trong nông, lâm, thủy sản là gì?. Thực trạng các hoạt động phát</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>		<p>Bổ sung phân tích, đánh giá về các nội dung theo góp ý</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>triển từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tổ chức tiếp cận thị trường tiêu thụ; chưa có đánh giá sự liên kết các sản phẩm nông nghiệp với các tỉnh lân cận trong vùng để hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và tiếp cận thị trường...</p> <p>Để hoàn thiện, cần bổ sung thêm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực sản xuất: Làm rõ, các sản phẩm nông nghiệp hiện được tiêu thụ thế nào (tỷ lệ % thị trường trong và ngoài tỉnh) để thấy mức độ "sản xuất hàng hóa" thế nào, nhất là đối với thị trường nội tỉnh và các tỉnh trong vùng ĐBSCL. - Đánh giá kỹ hơn về: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm NN chủ lực: Làm rõ hơn quá trình liên kết theo chuỗi của một số nông sản (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản...); chỉ rõ các hạn chế trong sự hình thành và phát triển của các chuỗi này. + Liên kết trong sản xuất và chế biến: Năng lực chế biến nông sản, thực phẩm hiện tại thế nào. Khả năng cung ứng nguyên liệu (vùng NL); liên kết theo chuỗi giữa công nghiệp chế biến ra sao. 			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Các đánh giá này sẽ cho thấy, nếu còn khiếm khuyết thì đây chính là các trong các nội dung cần hoàn thiện trong thời kỳ quy hoạch tới</p>			
	<p><i>Thực trạng phát triển công nghiệp (83-93)</i>. Báo cáo đã làm rõ kết quả phát triển công nghiệp về tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng VA công nghiệp trong GRDP và hiện trạng phát triển các phân ngành sản xuất công nghiệp, kết quả phát triển các khu, cụm công nghiệp những năm qua.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế của nội dung này là chưa phân tích làm rõ được cơ cấu của các ngành công nghiệp cấp 2 (nhóm CN CBCT); cho nên người đọc không thấy được các trọng tâm phát triển của giai đoạn vừa qua. - Chưa chỉ ra yêu cầu giải quyết những điểm nghẽn trong thu hút đầu tư phát triển khu kinh tế Định An và phát triển công nghiệp như giao thông kết nối, các định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ, thu hút đầu tư và tác động môi trường. - Việc đánh giá hiệu quả của các KCN mới chỉ được đánh giá theo các tiêu chí cũ (tỷ lệ lấp đầy); thiếu các chỉ tiêu về hiệu quả về GO, đóng góp cho ngân sách, thu hút lao động...; 	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>		<p>Bổ sung phân tích, đánh giá về các nội dung theo góp ý</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>đánh giá theo chuỗi giá trị; giá trị gia tăng trên 1 ha đất khu công nghiệp...</p> <p>- Chưa có nội dung đánh giá nhu cầu phát triển công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và thế mạnh phát triển các ngành có tiềm năng, thế mạnh trong thời kỳ quy hoạch như: công nghiệp chế biến, hoặc ngành công nghiệp</p>			
	<p><i>Thực trạng phát triển ngành dịch vụ-du lịch</i> (trang 94-123). Báo cáo đã làm rõ hiện trạng phát triển các ngành thương mại, du lịch, tài chính, Thông tin và truyền thông, và vận tải, logistics (vận tải kho bãi và bưu chính) trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua khối dịch vụ có tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của vùng ĐBSCL và cả nước. Báo cáo đã đề cập khá kỹ tình hình phát triển các hoạt động du lịch. Song cũng cần bổ sung thêm các đánh giá phân tích về: Nhân lực cho phát triển du lịch, bao gồm cả đội ngũ của DN và du lịch cộng đồng; Bên cạnh các tour tuyến nội tỉnh, cần có định hướng liên kết với các địa phương lân cận để xây dựng các tour, tuyến du lịch liên tỉnh, tạo sự hấp dẫn cho du khách.</p>			<p>Các nội dung góp ý về lĩnh vực du lịch đã được tiếp thu và hoàn thiện;</p> <p>Nội dung góp ý về lĩnh vực dịch vụ vận tải, logistics đã được phân tích chi tiết trong báo cáo hợp phần; báo cáo thuyết minh tổng hợp đã tích hợp từ báo cáo hợp phần đảm bảo mức độ tổng hợp theo hướng dẫn (Mạng lưới giao thông kết nối thủy – bộ còn hạn chế, chưa hình thành các đầu mối giao thông, các cảng hàng hóa lớn, chủ yếu là các bến tư nhân, hoạt động nhỏ lẻ. Các tuyến đường bộ kết nối với các cảng biển; cảng thủy nội địa quy hoạch hiện đang khai thác với quy mô</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>-Phân đánh giá dịch vụ vận tải, logistics mới chỉ đề cập tốc độ tăng khối lượng hàng hoá và số lượng hành khách vận chuyển; chưa đánh giá mức độ thuận lợi, nhanh, sẵn có của các dịch vụ vận chuyển là nhân tố quan trọng tác động đến thu hút đầu tư và phát triển các hoạt động kinh tế trên địa bàn, nhất là Khu kinh tế ven biển Định An và các Khu công nghiệp.</p> <p>Điểm lưu ý là trong phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; trong đó phải chỉ ra các tồn tại, hạn chế, phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình phát triển</p>			<p>nhỏ chưa đáp ứng được yêu cầu vận chuyển hàng hóa với tốc độ cao hiện đang là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển và các KCN trên địa bàn). Xin phép được bảo lưu.</p> <p>Hiện trạng phát triển các ngành kinh tế cũng được thể hiện chi tiết trong các báo cáo hợp phần. Báo cáo thuyết minh tổng hợp đã tích hợp từ các báo cáo hợp phần vào các nội dung liên quan theo hướng dẫn. Xin phép được bảo lưu</p>
	<p><i>Đánh giá khả năng huy động nguồn lực.</i> Báo cáo đã đánh giá kết quả huy động vốn đầu tư xã hội, tình hình thu, chi ngân sách trên địa bàn và sự cải thiện về môi trường đầu tư kinh doanh.</p> <p>-Tuy nhiên, Nội dung đánh giá nguồn lực mới chỉ dừng lại ở huy động nguồn vốn đầu tư trong nước, chưa thấy đề cập đến nguồn vốn FDI và các nguồn lực khác. <i>Nguồn lực phát triển không phải chỉ có nguồn vốn mà phải đánh</i></p>		Bảo lưu	<p>Ngoài nội dung đánh giá nguồn lực tài chính và vốn đầu tư trên địa bàn. Các nội dung nguồn lực khác đã được phân tích và đánh giá tại các lĩnh vực chi tiết có liên quan (dân số, lao động, tài nguyên, vv) và được tổng hợp trong đánh giá chung. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<i>giá theo nghĩa rộng như nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai, nguồn lực xã hội...(nguồn lực phải được đánh giá theo nghĩa rộng, bao gồm: Nhân lực, Vật lực và Tài lực) có thể huy động, mức độ khai thác vào phát triển các hoạt động kinh tế của Tỉnh</i>			
1.6	<i>Thực trạng phát triển xã hội, quốc phòng an ninh</i>			
	<i>Thực trạng dân số, lao động (trang 121). Kiểm tra biểu số liệu ở bảng 2.28 trang 121: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh giảm từ 11,1% năm 2010 xuống 7% năm 2020. Tỷ suất sinh thô có xu hướng tăng, từ 15,6% năm 2010 tăng lên 16,7% năm 2016. Điều này cho thấy, việc thực hiện chương trình kế hoạch hóa gia đình ở Trà Vinh chưa phát huy hiệu quả. Nếu số liệu về tỷ suất sinh thô và tỷ lệ tăng tự nhiên là đúng như Báo cáo thì công tác dân số và chăm sóc sức khỏe ở Trà Vinh có vấn đề vì tỷ suất chết trẻ em có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2010-2016, do đó cần được phân tích kỹ hơn về thực trạng này ?.</i>		Bảo lưu số liệu	<p>-Tỷ suất sinh thô (CBR) có xu hướng tăng, từ 15,6% năm 2010 tăng lên 16,7% năm 2016, tuy nhiên, Trà Vinh đang có mức sinh thấp, với TFR nhỏ hơn mức sinh thay thế trong giai đoạn 2010-2020 (bảng 1.1, trang 23), vì vậy, không có nhu cầu kiểm soát hay giảm mức sinh tại đây.</p> <p>-Tỷ suất chết trẻ em không có xu hướng tăng, trong giai đoạn 2010-2016 tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi có xu hướng giảm (bảng 1.5, tr 25). Tỷ suất tăng tự nhiên giảm do tỷ suất chết thô (CDR) của tỉnh tăng, dưới tác động của tiến trình già hóa dân số.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<i>-Bỏ đoạn : Trà Vinh là... ĐBSCL ở trang 121 ở mục Thực trạng dân số và lao động” do trùng với trang 26.</i>			
	<i>Thực trạng hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân (trang 140) cần so sánh với các chỉ tiêu chung của vùng ĐBSCL và cả nước; đánh giá rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu công tác khám chữa bệnh ban đầu của hệ thống y tế cơ sở; khả năng kết nối các hoạt động chẩn đoán và điều trị của các bệnh viện tuyến dưới với các bệnh viện tuyến trên thông qua phương tiện Telemedicine. Cần lưu ý bổ sung đến khả năng tiếp cận của người dân đối với dịch vụ y tế (khoảng cách và thời gian) và nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế (mật độ dân số, mô hình bệnh tật)</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung các phân tích, đánh giá theo ý kiến đóng góp tại các nội dung 2.2.2 và 2.5.2, Phần II của báo cáo thuyết minh.
	<i>Giáo dục và đào tạo (trang 133) cần so sánh về mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục toàn diện và các hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thấy rõ những mặt nào còn hạn chế, nhất là khả năng đáp ứng yêu cầu dạy học trong bối cảnh phòng chống dịch: Phương tiện dạy, học từ xa; điều kiện dạy và học ngoại ngữ; công nghệ thông tin và chuyển đổi số; các phương thức đào tạo nghề nghiệp.</i>		Bảo lưu	Các nội dung phân tích, đánh giá chi tiết đã được thực hiện trong báo cáo hợp phần liên quan. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh tổng hợp. Nội dung đánh giá hiệu quả đào tạo nghề nghiệp không có các dữ liệu thống kê (thứ

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đề thấy rõ hiệu quả của đào tạo nghề nghiệp cần được làm rõ cơ cấu: Đào tạo mới và đào tạo nâng cao; giữa đào tạo cho công chức, viên chức và NLD (DN và cơ sở SX); giữa các ngành nghề chính (NN, CN, DV) và cơ cấu theo địa bàn (thành thị, nông thôn)...			cấp) nên không thể thực hiện đánh giá. Xin phép bảo lưu.
	<i>Về văn hoá, thể thao.</i> (trang 148). Báo cáo cần có đánh giá bổ sung về các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa cấp tỉnh, trung tâm thể dục thể thao, điện ảnh, thư viện... các nội dung này được trình bày nhìn chung còn sơ sài hoặc chưa có (trang 133-136), nhiều nội dung mang tính định tính, không có nội hàm phân bố không gian	Tiếp thu và giải trình		Về các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa cấp tỉnh, trung tâm thể dục thể thao, điện ảnh, thư viện... đã được trình bày đầy đủ, chi tiết trong Hợp phần Quy hoạch phát triển văn hóa và thể thao (Bao gồm cả phần đánh giá thực trạng và quy hoạch). Tuy nhiên, trong báo cáo thuyết minh tổng hợp không thể trình bày hết chi tiết để đảm bảo tính tích hợp. Xin phép được bảo lưu. Về thiết chế thể thao, đã bổ sung và cập nhật theo ý kiến đóng góp.
	<i>Khoa học và công nghệ.</i> (trang 149). Đề nghị phân tích, đánh giá việc chuyển đổi số, Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến, đánh giá nhân sự hoạt động lĩnh vực khoa học - công nghệ; thực trạng lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	Tiếp thu ý kiến và giải trình		Các nội dung đánh giá về chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến được thể hiện trong các nội dung về thông tin, truyền thông.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tập trung phân tích hiện trạng hạ tầng cho khoa học và công nghệ, tránh việc tập trung quá nhiều vào các nội dung không mang nội hàm phân bố không gian như kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, số lượng đề tài, đề án đã nghiên cứu...			Báo cáo đã có đánh giá tích hợp về nhân sự, hạ tầng cho KH&CN. Xin phép được bảo lưu.
1.7	<i>Về phát triển hệ thống đô thị, nông thôn</i>			
	Báo cáo trình bày khá rõ về hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh. Hiện trạng phân 3 vùng đô thị và 4 vùng nông thôn. Song chưa trình bày các thông tin về cơ sở hạ tầng của từng đô thị cũng như chưa đánh giá để làm rõ mối quan hệ và vai trò của mỗi đô thị với phát triển các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực phụ cận; chưa làm rõ nguyên nhân vì sao một số đô thị có tốc độ đô thị hóa phát triển chậm. Báo cáo cũng chưa làm rõ lợi thế và tiềm năng phát triển của mỗi đô thị cũng như xu hướng hình thành các trung tâm đô thị để hình thành các cực phát triển để định hướng quy hoạch. Cần có đánh giá nhận xét hệ thống đô thị đã thực sự hợp lý chưa và cần có những tác động gì (ví dụ cần mở rộng theo hướng nào, nâng cấp như thế nào) để hệ thống đô thị thực sự có tác động hiệu quả đến nền kinh tế Trà Vinh.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Tiếp thu, bổ sung tại mục “2.3.1.2. Thực trạng phân bố không gian đô thị và nông thôn”, mục “3.3.2. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị”, mục “3.3.3. Tình hình quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh (đến năm 2020)” và mục “3.3.5. Đánh giá thực trạng phân bố không gian đô thị” – Phần II

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đối với khu vực nông thôn. Phần này cần phải chỉ ra hiện trạng và tiềm năng hình thành các không gian phát triển kinh tế; khả năng phát triển vùng nông sản tập trung; khả năng phát triển các trung tâm công nghiệp có khả năng thu hút kết nối các hoạt động sản xuất cung cấp nguyên liệu và hình thành các chuỗi cung ứng; các trung tâm đô thị, du lịch dịch vụ và sự hình thành các cực phát triển. Nên bổ sung các đánh giá về thực trạng xây dựng chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung phân tích và đánh giá về thực trạng xây dựng NTM tại điểm 2.2.3, mục 2.2, Phần II
1.8	<i>Hiện trạng kết cấu hạ tầng các khu chức năng</i>			
	<p>Trên địa bàn tỉnh đã hình thành được một số khu chức năng như Khu kinh tế, khu công nghiệp, thương mại, du lịch v.v... Tuy nhiên, vẫn nặng về mô tả thực trạng, thiếu các phân tích đánh giá về kinh tế và nội hàm phân bố không gian (phù hợp hay chưa? còn dư địa và tiềm năng để hình thành các không gian phát triển mới nữa hay không?... Trong phần này đề nghị, làm rõ các nội dung: tình hình phát triển, đóng góp vào kinh tế-xã hội của tỉnh, tác động đến môi trường và những tồn tại cơ bản cần khắc phục.</p>		Bảo lưu	<p>Các nội dung đánh giá chi tiết đã được thể hiện trong báo cáo hợp phần liên quan, cụ thể:</p> <p>Hiện trạng kinh tế biển đã được trình bày trong Mục 4 báo cáo Hợp phần Phương án quy hoạch phát triển không gian biển và kinh tế biển tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050</p> <p>Đối với nhu cầu khai thác không gian đã trình bày trong phần phân vùng, xem Mục 6</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p><i>Đối với hiện trạng không gian biển.</i> Mới chỉ tập trung mô tả, phân tích các đặc điểm tự nhiên, tài nguyên vùng bờ...chưa có các phân tích về nội dung kinh tế biển, các hoạt động kinh tế trong không gian biển, nhu cầu khai thác, sử dụng các hoạt động không gian vùng bờ...Đây là cơ sở để định hướng cho quy hoạch phát triển các không gian kinh tế, các trục phát triển và các phân khu chức năng, nhất là thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</p>			<p>báo cáo Hợp phần Phương án quy hoạch phát triển không gian biển và kinh tế biển tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p> <p>Trong báo cáo hợp phần đã phân tích rất chi tiết các tiêu chí căn cứ, nêu rất rõ thực trạng khai thác không gian biển từ kinh tế biển gồm Nuôi trồng thủy sản, Khai thác khoáng sản, Đánh bắt khai thác hải sản, Giao biển phát triển năng lượng tái tạo.</p> <p>Mục 7 về phân bổ không gian cho từng hoạt động kinh tế biển đã được đề cập.</p> <p>Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).</p>
1.9	<i>Hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật</i>			
	<p>Báo cáo đã đề cập rất chi tiết các thông số kỹ thuật về từng tuyến đường giao thông quốc lộ, tỉnh lộ và khái quát về hệ thống đường huyện, đường thôn, tuyến giao thông đường thủy, cảng biển và cảng thủy nội địa. Tuy nhiên,</p>		Bảo lưu	<p>Các nội dung đánh giá chi tiết đã được thể hiện trong Báo cáo hợp phần.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>đánh giá thực trạng hạ tầng giao thông phải chỉ ra được mức độ đáp ứng yêu cầu về lưu chuyển hàng hoá và đi lại của người dân về khối lượng lưu chuyển, tốc độ và thời gian đáp ứng, khả năng kết nối với các trung tâm trong tỉnh, vùng, và quốc gia. So sánh với mức độ đáp ứng yêu cầu giao thông hiện tại và yêu cầu tiêu chuẩn để thấy được mức độ đáp ứng yêu cầu giao thông của tỉnh. Qua đó sẽ chỉ ra đâu là “điểm nghẽn” làm mức độ đáp ứng giao thông của tỉnh chưa đạt được yêu cầu và phải làm gì để giải quyết nút thắt này trong định hướng qui hoạch</p>			<p>Nội dung đánh giá xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp)</p>
	<p>Hiện trạng các công trình thủy lợi cần đánh giá làm rõ tiềm năng phát triển và mối quan hệ giữa các công trình thủy lợi với hệ thống kênh tưới tiêu, hệ thống cống đập; đề bao...khả năng, lợi ích phát triển điều tiết nguồn sinh thủy, hạn chế lũ lụt hạn hán, tạo môi trường cảnh quan phát triển thủy sản, du lịch.</p>		<p>Bảo lưu</p>	<p>Hiện trạng và Hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và PCTT đã được trình bày chi tiết trong Phần II báo cáo Hợp phần Phương án phát triển thủy lợi, đề điều và phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Cần đánh giá rõ thực trạng cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn và định hướng những vấn đề đặt ra trong thời kỳ quy hoạch	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung theo ý kiến đóng góp tại mục 2.4, Phần II
	Hiện trạng hạ tầng viễn thông mới chỉ đánh giá về phân hoạt động của các cơ quan nhà nước về ứng dụng CNTT giao dịch trực tuyến. Báo cáo cần đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về hạ tầng mạng CNTT đến các đối tượng và các vùng dân cư; khả năng đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số của cơ quan quản lý và phát triển kinh tế số, nhất là yếu tố con người		Bảo lưu	Báo cáo hợp phần đã có đánh giá chi tiết về các nội dung góp ý. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Về xử lý chất thải rắn sinh hoạt cần căn cứ theo Điều 20, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		Bảo lưu	Phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân tích và đánh giá theo các hướng dẫn và quy định hiện hành, đã được cơ quan chức năng (Sở TNMT) thống nhất thông qua.
1.10	<i>Thực trạng phân bố phát triển hạ tầng xã hội</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Trong phần này, cần đánh giá hệ thống cơ sở vật chất hiện tại đã đáp ứng đến đâu yêu cầu của các hoạt động y tế, giáo dục? So với yêu cầu tiêu chuẩn thì cần bổ sung phát triển thêm cơ sở hạ tầng gì? Mức độ đáp ứng yêu cầu về hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo nghề nghiệp. Từ các con số về thực trạng, có thể thấy ngành giáo dục trong tỉnh còn nhiều bất cập, lực lượng lao động có tay nghề thấp, tỷ lệ di cư ra khỏi Tỉnh của lực lượng lao động trẻ cao, hạ tầng cơ sở yếu kém... Vì vậy, cần bổ sung phân tích thực trạng, xác định các lý do căn cơ để có thể đề xuất được các giải pháp hữu hiệu cho phát triển nguồn nhân lực.		Bảo lưu	Tình trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động GDNN được phân tích chi tiết trong báo cáo hợp phần và được tích hợp tại điểm 2.5.1, mục 2.5, phần II. Xin phép được bảo lưu.
	Hệ thống cơ sở vật chất cần có để đảm bảo đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu của hệ thống y tế cơ sở? Khả năng kết nối của các bệnh viện tuyến dưới với các bệnh viện và đội ngũ y bác sĩ tuyến trên trong khám/điều trị từ xa...	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<i>Trong phân phân tích thực trạng vẫn chưa có mục phân tích về thực trạng và hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý hành chính ở Trà Vinh, cần được bổ sung.</i>		Bảo lưu	Nội dung này không thuộc phạm vi nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh theo quyết định 804/2020/QĐ-TTg

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đối với các mục đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng xã hội, cần có đánh giá theo các thiết chế hay định mức quy định trong y tế, giáo dục, văn hóa thể thao. Các kết cấu hạ tầng y tế và giáo dục cần có đánh giá so với nhu cầu thì thiếu/đủ thế nào? kết cấu hạ tầng văn hóa thể thao thì đánh giá so với thiết chế quy định theo từng địa bàn tỉnh.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Các nội dung tiếp thu và chỉnh sửa đã được bổ sung, hoàn thiện và giải trình theo các lĩnh vực liên quan (tại các ý phía trên)
1.11	<i>Về thực trạng sử dụng đất</i>			
	<p>Báo cáo đã trình bày khá chi tiết, đầy đủ tình hình quỹ đất và từng loại đất theo mục đích sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy nhiên, cần đánh giá rõ lý do một số chỉ tiêu qui hoạch đất thực hiện được với tỷ lệ thấp như đất chuyên dùng, đất sử dụng vào các mục đích công cộng, đất phi nông nghiệp... (chỉ có 2/16 chỉ tiêu đạt, còn 14/16 đạt mức thấp và rất thấp) là những hoạt động có vai trò đóng góp tạo ra sự phát triển của kinh tế tỉnh. Đây chính là cơ sở, là căn cứ để định hướng qui hoạch sử dụng đất trong thời gian tới. - Báo cáo chưa đánh giá được sự phù hợp và hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai của Tỉnh để chỉ ra những vấn đề cần giải quyết và thay đổi trong quy hoạch 	Tiếp thu ý kiến		Nội dung này được trình bày chi tiết trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	sử dụng đất thời gian tới. Phân đánh giá hiện trạng hiệu quả sử dụng đất, cần tăng cường đánh giá phân bố không gian sử dụng đất đai có những bất hợp lý như thế nào so với quy hoạch, so với tiềm năng, sự chông chéo trong bố trí các cơ sở sản xuất với khu dân cư, cơ sở sản xuất với hệ thống giao thông, giữa không gian phát triển đô thị và nông thôn			
1.12	<i>Đánh giá chung thực trạng</i>			
	Trên cơ sở chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu của tỉnh và những cơ hội thách thức đặt ra đối với Trà Vinh, nên lập ma trận SWOT để phân tích tìm ra các hướng chiến lược làm định hướng quy hoạch và các giải pháp thực hiện. Phân tích SWOT cần phân biệt cụ thể hơn về Điểm mạnh, Điểm yếu (nội lực) và Cơ hội, Thách thức (ngoại lực).		Bảo lưu	Phân tích SWOT đã được triển khai và trình bày trong báo cáo của hợp phần, các kết quả phân tích được sử dụng làm căn cứ đề xuất các phương án phát triển theo cách tiếp cận quản trị tiên liệu. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu.
	Nhìn chung lại , Đánh giá hiện trạng nói lên thành tựu phát triển KT-XH trong 10 năm qua của tỉnh thì rất tốt, nhưng để làm quy hoạch tỉnh thì cần phải phát hiện những yếu kém mà nói một cách hình tượng là các “ <i>nút thắt</i> ” cản trở phát triển, đặc biệt là các nút thắt về cơ chế	Tiếp thu và chỉnh sửa		Các nội dung về thực trạng đã được bổ sung thêm những nhận định sau phân tích, bổ sung thêm những bất cập trong phân bố không gian phát triển theo quan điểm tích hợp và trong phần ma trận SWOT, đã chỉnh

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chính sách, về kết cấu hạ tầng và về nguồn nhân lực.v.v. để tháo gỡ. Đánh giá hiện trạng chưa thể hiện rõ <i>tính thị trường, tính không gian, tính tích hợp</i> của 10 năm qua. Đánh giá hiện trạng KT-XH vẫn chưa trả lời được câu hỏi tỉnh Trà Vinh đang ở đâu, ở tọa độ phát triển nào so với cả nước. Nếu đánh giá hiện trạng chỉ ra được “nút thắt” và “tọa độ” phát triển (xuất phát điểm) của tỉnh trong nền kinh tế cả nước thì khi xây dựng ma trận SWOT ở phần sau mới thực sự chuẩn xác			lại rõ những nút thắt (điểm yếu quan trọng, đó là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, nguồn nhân lực của tỉnh (chất lượng và suy giảm số lượng)
1.13	<i>Quan điểm, mục tiêu và kịch bản và phương án phát triển</i>			
	Trong 6 quan điểm trong báo cáo đưa ra cơ bản phù hợp. Tuy nhiên các quan điểm 3,4,5 mang sắc thái phương hướng nhiều hơn là quan điểm. Các quan điểm theo quan điểm người đọc vẫn chỉ mang nặng quy hoạch kinh tế - xã hội. cần có quan điểm liên quan tới quy hoạch bảo đảm sự phát triển kinh tế xã hội phải đồng bộ và nhất quán, không mâu thuẫn với các quy hoạch về không gian về đất đai về kết cấu hạ tầng về môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, thuận thiên. v.v... Cần	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã Chỉnh sửa lại quan điểm 3,4,5 cho thể hiện rõ tính quan điểm. Quan điểm 1 bổ sung thêm (cụ thể hóa) quan điểm bền vững bao gồm các nội dung xanh, tuần hoàn, bao trùm.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>có quan điểm về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đặc biệt cần chú ý quan điểm 1 <i>Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững</i> gồm 3 trụ cột quan trọng là: phát triển kinh tế nhanh trên cơ sở bảo đảm công bằng xã hội, giảm chênh lệch giữa tầng lớp dân cư, bảo vệ môi trường sinh thái. Quan điểm, chỉ rõ phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, trước hết là phải bảo vệ môi trường. Bảo đảm tính thích nghi của vùng, thịnh vượng và bao trùm. Đảm bảo không phân tán nguồn lực, phát triển tập trung và liên kết vùng; và trung vào phát triển hạ tầng</p>			
	<p><i>-Về kịch bản phát triển.</i> Báo cáo không thấy xây dựng các kịch bản phát triển theo quy định tại điểm b, mục 3 Điều 28 Nghị định 37: “Nội dung quy hoạch tỉnh”, đề nghị bổ sung xây dựng các kịch bản phát triển. Trong phương pháp làm quy hoạch, thì kịch bản được hiểu là lường trước các yếu tố khách quan ngoài ý muốn sẽ xảy ra như thế nào, từ đó chọn cách phát triển cho phù hợp. Vì vậy, xây dựng kịch bản phải giả định bối cảnh phát triển trong tỉnh, trong nước, khu vực và quốc tế tác động</p>		<p>Bảo lưu</p>	<p>Căn cứ, phương pháp xây dựng kịch bản phát triển đã được luận giải trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp).</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>đến phát triển của tỉnh, từ đó chọn định hướng phát triển. Trên cơ sở phân tích đánh giá sẽ lựa chọn ra kết quả là phương án phát triển. Về Kịch bản phát triển, cần bổ sung các kịch bản phát triển dân số vào nội dung này vì dân số là yếu tố đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng đến mọi quy mô, mọi hoạt động của Tỉnh</p>			
1.14	<i>Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn</i>			
	<p>Tầm nhìn 2050 chính là mục tiêu phát triển tỉnh dài hạn, do đó xếp vào cùng tiêu đề “Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn” là hợp lý. Tuy nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tầm nhìn đến 2050 chưa thấy con đường và đích tới của tỉnh đến 2050 cũng như hướng đích cho phát triển các ngành, các lĩnh vực, các mô hình phát triển không gian kinh tế xã hội. Tầm nhìn phải phù hợp với Nghị quyết số 120/NQ-CP, cho thấy kết quả tích lũy của thực hiện quy hoạch trong từng thời kỳ tạo ra bức tranh rõ ràng trong tương lai. -Mục tiêu tổng quát cần viết theo hướng khái quát cao để khi đọc xong sẽ thấy được hình hài và tầm vóc của Trà Vinh đến 2030 sẽ đạt được đến đâu về mức độ phát triển 	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh lại kết cấu phù hợp theo Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	và có vị thế như thế nào trong tổng thể phát triển vùng và cả nước.			
	<p>-Mục tiêu cụ thể nhìn chung là rất nhiều, song cần chú ý là <i>Quy hoạch hiện nay có tính tích hợp, phải bảo đảm là các ngành các lĩnh vực vì mục tiêu chung toàn tỉnh, không vì mục tiêu riêng của từng ngành</i>, do vậy cần được xử lý tích hợp lại thành 3 nhóm: Kinh tế - xã hội và môi trường. Mặt khác, các mục tiêu cụ thể thiếu độ tin cậy vì không chỉ ra được cơ sở tính toán, dự báo dựa vào đâu, yếu tố nào, thiếu luận cứ. Phương pháp tính toán thế nào để ra các con số đó. Cần phải luận giải rõ cơ sở và phương pháp tính toán các mục tiêu phát triển đặt ra, phải có phụ lục về toàn bộ các số liệu, dữ liệu đầu vào và chỉ rõ phương pháp tính toán, dự báo. Chẳng hạn: Trong phương án chọn, tốc độ tăng GRDP bình quân đạt khoảng <i>11,53%/năm thời kỳ 2021- 2030</i>. Trong đó, giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng <i>10,81%/năm</i>, giai đoạn 2026-2030 đạt <i>12,17%/năm</i>, đây là mức tăng trưởng rất cao, rất tích cực, ấn tượng, song thiếu các luận cứ tính</p>		Bảo lưu	<p>Căn cứ, phương pháp tính toán các mục tiêu (đặc biệt là về kinh tế) đã được luận giải trong báo cáo hợp phần. Các tính toán cụ thể được trình bày bổ sung trong Phụ lục.</p> <p>Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp).</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	toán, nên độ tin cậy thấp, mặt khác giai đoạn 2011-2020 chỉ đạt tốc độ tăng trưởng là 7,61%.			
1.15	<i>Về các đột phá phát triển (trang 311)</i>			
	Báo cáo đưa ra 5 đột phá phát triển, trong đó có đột phá về cơ chế chính sách,.. (2). Đột phá về đầu tư hạ tầng,.. và đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhìn chung 3 đột phá này cũng trùng, đúng với <i>đột phá chung của cả nước và rất nhiều tỉnh làm quy hoạch</i> đã chọn nhưng không luận chứng được tại sao lại chọn 3 đột phá này. Theo tôi, khả năng thực hiện các khâu đột phá trên là rất khó, vì Tỉnh không làm chủ được tình hình, bị phụ thuộc nhiều vào thẩm quyền các cơ quan cấp trên. Nên chăng, các đột phá chiến lược về kinh tế tập trung vào đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối, hạ tầng kinh tế các khu kinh tế, khu công nghiệp, hình thành Trung tâm kinh tế biển; các ngành dịch vụ SX logics; thị trường BĐS và phát triển đô thị bền vững?. Còn đột phá về xã hội nên tập trung vào giảm nghèo, xây dựng đô thị xanh, đô thị thông minh và phát triển nông thôn mới, gắn với nông nghiệp kỹ thuật cao và tăng cường kết nối với vùng, thị trường,		Bảo lưu	Ban soạn thảo xin phép bảo lưu 5 khâu đột phá, tên của 3 đột phá cơ chế chính sách/ kết cấu hạ tầng và nhân lực, mặc dù là chung nhưng nội dung đột phá cụ thể đã được thể hiện khá rõ trong phần trình bày. Các nội dung cụ thể hơn như góp ý đã thể hiện khá rõ trong các phương án phát triển kết cấu hạ tầng, khu chức năng.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thông qua việc xây dựng các hệ sinh thái và kết cấu hạ tầng gắn với các chuỗi cung ứng?...có thể sẽ phù hợp hơn			
1.16	<i>Phát triển các ngành quan trọng</i>			
	<p>Trong nội dung này có đưa ra 3 ngành quan trọng gồm: (i). Công nghiệp, (2) Nông nghiệp, (3) Thương mại dịch vụ với các luận cứ được lựa chọn. Để nâng cao chất lượng báo cáo, trước khi nêu ra các ngành quan trọng báo cáo đã đưa các luận cứ xác định ngành quan trọng. Tuy nhiên, ngoài những luận cứ đó cần bổ sung thêm các tiêu chí cho việc đưa ra các luận cứ đó. Theo kinh nghiệm các nước, các ngành sản phẩm được coi là quan trọng là các ngành sản phẩm có tác động làm biến đổi nền kinh tế, mang lại những đóng góp lớn cho tăng trưởng, có tính chất dẫn dắt, lan tỏa đối với các ngành khác trong kinh tế tỉnh và làm thay đổi về chất cho phát triển kinh tế của tỉnh. Đến nay thường dùng phương pháp so sánh thứ hạng theo 5 chỉ tiêu sau để chọn lựa: (i). Tốc độ tăng trưởng VA ngành; (ii). Tỷ trọng VA ngành so với GRDP của tỉnh; (iii). Hiệu quả vốn đầu tư; (iv). Năng</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Nhất trí bổ sung thêm luận cứ theo gợi ý của hội đồng

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	suất lao động của ngành; (v). Giá trị xuất khẩu của ngành.			
	<p>4.1. Phát triển công nghiệp</p> <p>- Công nghiệp được xác định là ngành quan trọng và việc lựa chọn 4 ngành phát triển công nghiệp chế biến chế tạo là phù hợp.</p> <p>-Việc xác định các sản phẩm công nghiệp ưu tiên cho giai đoạn tới, sẽ là tốt hơn nếu dự kiến được: cơ cấu GO (thể hiện mức độ ưu tiên) của các nhóm sản phẩm này trong tương lai sẽ ra sao...Việc hình thành nên các chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành) thế nào (liên kết nội, ngoại tỉnh và liên kết giữa các ngành: công nghiệp, nông nghiệp...).</p> <p>- Thiếu các giải pháp thực hiện phương án quy hoạch công nghiệp. Các giải pháp về quy hoạch các khu/cụm công nghiệp phải đề xuất được như phân bố ở đâu?, quy mô và định hướng thu hút các ngành gì trong mỗi khu/cụm để tạo khả năng gắn kết hình thành các chuỗi cung ứng; phải có các cơ chế phối hợp như thế nào với</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Công nghiệp Trà Vinh phát triển các ngành sản xuất hàng phục vụ nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng dân cư của tỉnh và các địa phương lân cận ; về dài hạn phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, ít thâm dụng lao động để nâng cao giá trị cho các sản phẩm công nghiệp của tỉnh.</p> <p>Các giải pháp phát triển các KCN, CCN đã được trình bày trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	các địa phương khác trong vùng và các cơ chế chính sách cần có để thu hút các nhà đầu tư.			
	<p>4.2. Phát triển nông, lâm, thủy sản. Phương án quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản chưa thấy có dấu ấn gì mang tính đột phá khác biệt so với tình hình phát triển hiện tại cả về tính chất, trình độ, phương thức tổ chức sản xuất và tốc độ tăng trưởng.</p> <p>Tầm nhìn và mục tiêu tổng quát giống như phương hướng, giải pháp; mục tiêu cụ thể chưa thấy sự thay đổi về trình độ và phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.</p> <p>Do vậy, phương án qui hoạch phát triển nông nghiệp phải làm rõ những thay đổi từ quy hoạch vùng trồng, các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, quy hoạch phát triển các chuỗi liên kết, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước. Con đường phát triển nông nghiệp phải là nâng cao trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng kiểm soát để đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm của thị trường cao cấp để nâng cao giá trị sản phẩm. Thiếu</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Các nội dung tích hợp đã được hoàn thiện theo các ý kiến đóng góp.</p> <p>Giải pháp cụ thể đã được trình bày trong báo cáo hợp phần. Các giải pháp thực hiện quy hoạch chung được tích hợp đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ KH&ĐT. Xin phép được bảo lưu.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	các giải pháp thực hiện phương án quy hoạch nông nghiệp			
	<p>4.3. Ngành thương mại-du lịch.</p> <p>Tầm nhìn phát triển và mục tiêu tổng quát vẫn mang sắc thái là phương hướng. Nội dung quy hoạch thương mại cần bổ sung thêm một số nội dung về phương hướng phát triển hệ thống chợ, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại siêu thị, quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ, hệ thống kho xăng dầu, hệ thống mạng lưới cửa hàng tiện ích tại các khu vực đô thị.</p>		Bảo lưu	Các nội dung quy hoạch hệ thống chợ (chợ đầu mối, chợ) siêu thị, TTTM, hệ thống kho chứa xăng dầu đã được trình bày trong báo cáo thuyết minh. Theo quy định hiện hành, không quy hoạch mạng lưới bán lẻ xăng dầu – khí đốt.
	<p>Đôi với du lịch, cần quy hoạch và phát triển các điểm đến: lấy một yếu tố có giá trị du lịch làm nòng cốt từ đó phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ đi kèm để hình thành lên những quần thể du lịch dịch vụ có sức hấp dẫn thu hút sự lui tới và lưu lại của du khách ở Trà Vinh. Nên kết cấu nội dung quy hoạch du lịch theo hướng các phần quy hoạch điểm đến, quy hoạch các tuyến, các sản phẩm du lịch và phần giải pháp thực hiện. Thiếu các giải pháp thực hiện quy hoạch dịch vụ-du lịch và thương mại</p>		Bảo lưu	Các nội dung quy hoạch du lịch đã được rà soát và hoàn thiện theo góp ý của Bộ VH, TT và DL. Các giải pháp cụ thể được trình bày trong các báo cáo hợp phần và được tích hợp trong các giải pháp chung. Xin phép được bảo lưu.
1.17	Phương án về phát triển các ngành khác			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Quy hoạch phát triển các ngành khác được phân thành các lĩnh vực: kinh tế số; dân số lao động và xã hội; Giáo dục; Y tế và chăm sóc sức khỏe; Văn hóa thể thao; Khoa học & công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thông tin-truyền thông và viễn thông. Nội dung phương án quy hoạch mỗi lĩnh vực gồm: mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể; định hướng phát triển và giải pháp. Nhìn chung, các nội dung trên đề cập trong báo cáo còn rất chung, chưa đủ cơ sở để làm căn cứ cho các quyết định đầu tư, phát triển khi thực hiện các phương án quy hoạch. Các nội dung này cần phải thể hiện rõ mức độ tích hợp cao về quy mô và trình độ, phân bố ở đâu?; mối quan hệ giữa hiện trạng với mô hình qui hoạch và giữa mô hình quy hoạch của lĩnh vực này với quy hoạch các lĩnh vực khác trong không gian phát triển thế nào ?, để làm cơ sở quy hoạch, phân bổ các yếu tố nguồn lực trong không gian (như đất đai, vốn, nhân lực) và ra các quyết định đầu tư trong quá trình thực hiện quy hoạch</p>		Bảo lưu	<p>Các phương án phát triển các ngành/lĩnh vực được trình bày cụ thể và chi tiết trong các báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh.</p>
1.18	<i>Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>1. Việc phân định các vùng liên huyện, vùng huyện là căn cứ vào các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội để xác định các vùng có điều kiện, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế xã hội tương đồng, không phụ thuộc về ranh giới hành chính. Đó là cơ sở định hướng cho thu hút các hoạt động phát triển phù hợp với từng vùng, là cơ sở để quyết định đầu tư các điều kiện hạ tầng có thể phát huy tác dụng lan tỏa cho cả vùng không giới hạn trong một đơn vị hành chính và hình thành nên các trung tâm phát triển.</p> <p>Trong báo cáo này, quy hoạch thành 2 vùng liên huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vùng liên huyện Phía Đông. -Vùng liên vùng liên huyện Phía Tây. <p><i>Phân thành 2 vùng liên huyện như trên là hợp lý.</i> Nội dung định hướng phát triển kinh tế-xã hội các vùng liên huyện khá chi tiết, song vẫn còn đem tính riêng lẻ từng vùng mà chưa thấy sự tác động qua lại và vai trò của vùng huyện đối với cả tỉnh. Định hướng phát triển vùng liên huyện trong Quy hoạch tỉnh tốt sẽ là cơ hội tốt cho việc lập các đồ án xây dựng vùng liên huyện, vùng</p>	Tiếp thu ý kiến và giải trình		<p>Các căn cứ phân vùng liên huyện đã được bổ sung và chỉnh sửa;</p> <p>Nội dung phân tích chi tiết đã được trình bày trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép tiếp thu ý kiến và bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>huyện. <i>Đề nghị</i> phải phân tích theo nội dung tích hợp, tức là phân tích sự tác động của các vùng liên huyện Đông-Tây và vị trí, vai trò của các vùng huyện trong vùng này với nhau và với cả tỉnh Trà Vinh. Để làm được điều này, phải có biểu số liệu các chỉ tiêu vĩ mô như: diện tích, dân số, GRDP, lao động, năng suất lao động, đóng góp ngân sách, đóng góp xuất khẩu và tỷ trọng các chỉ tiêu này so với cả tỉnh. Đồng thời phân tích tính chất và tác động lẫn nhau của các vùng huyện cũng như tác động đến tỉnh của từng vùng qua đó sẽ thấy rõ vai trò, khả năng liên kết vùng huyện và vùng liên huyện với nội tỉnh.</p> <p>Ngòai ra cần nêu rõ hơn mối quan hệ giữa các huyện như thế nào trong từng tiểu vùng và tốt hơn nếu có các định hướng phát triển chung cho các tiểu vùng, qua đó xác định một số khu vực chức năng cho tiểu vùng; lúc này tiểu vùng được coi là một thực thể, không phải là sự ghép nối cơ học giữa các huyện và từ đây xác định vai trò của các huyện</p>			
1.19	1. <i>Về phương án tổ chức không gian đô thị</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Tổ chức không gian đô thị được phân thành 3 vùng. Vùng đô thị trung tâm, vùng phát triển phía Tây và vùng phát triển phía Đông.</p> <p>Trong giai đoạn 2021-2025 toàn tỉnh có 12 đô thị, gồm: 1 đô thị loại II; 01 đô thị loại III; 3 đô thị loại IV và 07 đô thị loại V.</p> <p>Giai đoạn 2026-2030 có 14 đô thị, gồm: 1 đô thị loại II; 01 đô thị loại III; 03 đô thị loại IV; 09 đô thị loại IV và 9 đô thị loại V.</p> <p>Báo cáo mới liệt kê số lượng các đô thị lên loại cho từng thời kỳ, mà chưa có các phân tích dựa trên cơ sở, luận chứng nào để quy hoạch tốc độ phát triển và chuyển đổi nâng loại các đô thị như trên. Hiện nay, dân số đô thị (2021) của tỉnh là 229,6 nghìn người, chiếm 22,7% dân số toàn tỉnh (thấp hơn mức trung bình cả nước là 36,5%). Với đề xuất nâng tỷ lệ đô thị hóa 2030 lên 40% đồng nghĩa với việc sẽ tăng quy mô dân số đô thị năm 2030 ước tính sẽ khoảng hơn 180 nghìn người, dẫn đến tốc độ tăng trưởng dân số đô thị bình quân năm khoảng 7,6%. Đây là một dự báo khó khả thi, cần được xem xét lại. Kinh nghiệm của nhiều</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Tỉ lệ đô thị hóa của Tỉnh Trà Vinh được xác định theo thông tư số 34/2009/TT BXD (2020) là 29,5% tương đương với tỉ lệ đô thị hóa được xác định trong QHXD vùng tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại thời điểm 2020 là 29%. Xấp xỉ tỉ lệ đô thị hóa xác định trong Chương trình phát triển ĐT đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại thời điểm năm 2020 là 30%.</p> <p>Tỉ lệ đô thị hóa được tính toán theo lộ trình phát triển đô thị. Tiếp thu, bổ sung các nội dung tại các mục “3.3.2.</p> <p>Thực trạng phát triển hệ thống đô thị”- phần đánh giá hiện trạng, mục “1.2.1. Kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị tỉnh giai đoạn 2015-2020” (Phần II).</p> <p>Mục Đô thị cấp Quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp Quốc gia, quy hoạch trên địa bàn tỉnh”, mục “Phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>nước trên thế giới và ở Việt Nam nhiều năm qua nhận thấy sự tương quan giữa tốc độ phát triển kinh tế với phát triển đô thị hóa và sự chuyển dịch lao động từ nông dân thành thị dân thấy rằng: cứ 1% tăng trưởng kinh tế tương ứng với 0,3-0,5% tốc độ tăng đô thị hóa. Trà Vinh tăng trưởng khoảng 11,5% thì tốc độ đô thị hóa chỉ có thể tăng với nhịp độ 4-5%.</p> <p>- Phần quy hoạch kết cấu hạ tầng đô thị cũng chưa thể hiện rõ mô hình khu vực đô thị như thế nào? hình thái đô thị trong giai đoạn đến 2030 và sau đó sẽ như thế nào? bố trí trên cao chiều sâu các kết cấu hạ tầng đô thị... Đặc biệt lưu ý đến hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị sẽ bố trí thế nào?</p>			<p>xã, thị trấn.” và mục “1.3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn”- Phần V.</p>
	<p>Trong phương án xây dựng mạng lưới nông thôn, cần phải xác định rõ các khu vực nông thôn chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa cao để định hướng phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh Trà Vinh. Nội dung mục này còn sơ sài, cần đầu tư để nêu kỹ hơn về kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, bố trí các khu vực nông thôn trên toàn tỉnh,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	mô hình khu vực nông thôn trong thời gian tới, kết cấu hạ tầng bộ mặt nông thôn thế nào? cách bố trí không gian nông thôn? (đến 2030 và sau đó)			
	Về các định hướng phát triển và phân loại đô thị đề nghị rà soát, cập nhật các định hướng phát triển đô thị, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tiếp thu ý kiến		
1.20	<i>Phương án quy hoạch các khu chức năng</i>			
	<i>Phương án quy hoạch các khu chức năng</i> (khu/cụm công nghiệp, khu trung tâm kinh tế biển, trung tâm, logistic, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...), chưa được trình bày, cần bổ sung vì nội dung trình bày nặng về quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng cho các khu mà không rõ định hướng chức năng các khu này. Nó cần được luận giải lý do vì sao cần hình thành, chức năng các khu này là gì? dự báo nhu cầu phát triển những hoạt động sản xuất nào,		Bảo lưu	Phương án quy hoạch các khu chức năng đã được trình bày tại mục II, Phần IV. Về các luận giải cụ thể đã được trình bày trong các báo cáo hợp phần liên quan. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp của Thuyết minh quy hoạch tỉnh theo hướng dẫn.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	qui mô phát triển, các tiêu chuẩn lựa chọn và chính sách thu hút các nhà đầu tư...vào các khu chức năng đó...từ đó mới quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ).			
1.21	<i>Phương án phát triển kết cấu hạ tầng</i>			
	<i>Phương án phát triển mạng giao thông, phát triển năng lượng điện, phát triển mạng lưới viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng chuyển đổi số, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt đô thị và nông thôn, các khu xử lý nước thải, và các Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: Nhìn chung rất đầy đủ, chi tiết, kết hợp bản đồ và hệ thống biểu bảng. Tuy nhiên cần chú ý là các nội dung của các phương án này cần có sự kết nối với nhau trong bố trí không gian, ví dụ mạng lưới điện, viễn thông, cấp nước, đường giao thông bộ và hệ thống đô thị và hạ tầng xã hội (hệ thống trường học, nhà ở, bệnh viện...) có gắn kết với nhau, tác động với nhau theo không gian, đòi hỏi phải xử lý tổng hợp, tăng tính kết nối. Hệ thống bản đồ phải thể hiện tổng thể vấn đề này, song các bản đồ minh họa trong báo cáo chỉ thể hiện riêng lẻ từng nội dung</i>	Tiếp thu		Sự liên kết về mặt bố trí không gian giữa các lĩnh vực KCHT trên địa bàn tỉnh đã được thống nhất giữa các đơn vị chủ trì (các sở, ngành, địa phương phụ trách các lĩnh vực). Hệ thống bản đồ được thực hiện theo quy định (tại Công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021) đang được hiệu chỉnh theo các ý kiến đóng góp và đảm bảo theo quy định

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.22	<i>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn Tỉnh</i>			
	<p>Đề bảo vệ, sử dụng có hiệu tài nguyên, báo cáo đã nêu ra 2 nguyên tắc khoanh định <i>vùng cấm và tạm cấm</i> đối với việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên trên địa bàn Tỉnh. Cần bổ sung thêm hai nguyên tắc nữa trong khai thác, sử dụng tài nguyên nữa trên địa bàn tỉnh: “<i>Bảo đảm khai thác, sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu hiện tại, đồng thời có tính đến sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai</i>” và “<i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác</i>”, nếu 2 nguyên tắc được thực hiện nghiêm chỉnh sẽ giúp Tỉnh giữ vững quan điểm phát triển bền vững trong thực hiện quy hoạch</p>		Bảo lưu	Nội hàm việc phân vùng cấm và tạm cấm đối với việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên trên địa bàn Tỉnh đã bao gồm cả việc sử dụng tài nguyên hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững.
1.23	<i>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước</i>			
	<p>Báo cáo chỉ đưa ra “Phân vùng chức năng của nguồn nước”, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất, <i>bổ sung thêm nước mưa</i> (phân dị 2 mùa rõ rệt mùa mưa thừa nước và mùa khô thiếu nước) . Báo cáo cũng đưa ra “Dự</p>		Bảo lưu	Khi có mưa trên địa bàn tỉnh, một phần nước mưa sẽ tụ lại tại các sông, kênh (nước mặt) rồi chảy ra biển; một phần khác ngấm xuống

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	báo xu thế biến động tài nguyên nước và xác định lượng nước có thể sử dụng”, từ đó giúp xác định được tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ tài nguyên nước trong Tỉnh. Có thể xem xét bổ sung thêm vào các nguyên tắc bảo vệ tài nguyên nước đó là: <i>minh bạch và có sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước</i>			đất thành nước ngầm. Vì thế, việc phân bổ chức năng của nước mưa là rất khó xác định.
1.24	<i>Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</i>			
	Ngoài 6 nguyên tắc thực hiện về phòng, chống thiên tai được đưa ra trong Báo cáo, có thể bổ sung nguyên tắc “ <i>cảnh báo sớm</i> ” để giúp người dân phòng tránh được thiên tai. Các giải pháp nêu trong Báo cáo đầy đủ, bao gồm cả các giải pháp công trình, phi công trình, đặc biệt cần chú trọng giải pháp phát triển rừng và quản lý rừng bền vững		Bảo lưu	Cảnh báo sớm có thể được cụ thể hóa trong các đề án, chương trình hành động triển khai thực hiện quy hoạch.
1.25	<i>Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</i>			
	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai là nội dung đặc biệt quan trọng của báo cáo qui hoạch, vì đây là cơ sở để quy hoạch sử dụng đất cấp huyện làm căn cứ xây dựng kế hoạch sử dụng đất và quyết định các dự án đầu	Tiếp thu ý kiến		Đã cập nhật lại theo phân bổ đất đai của Quyết định 326/QĐ-TTg. Trên cơ sở nhu cầu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đã tổng hợp và cân đối các

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>tư. Phương án phân bổ đất cấp tỉnh phải dựa vào các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia (tại quyết định 326/QĐ-Ttg) và phương án quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để tính ra nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích sử dụng. Dựa trên phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng và tiềm năng đất đai để khoanh vùng đất cho mỗi mục đích sử dụng và phân bổ cho địa bàn các huyện.</p> <p>Trong báo cáo quy hoạch này đã dẫn đưa các số liệu chi tiết về phân bổ đất đai cho từng mục đích sử dụng và chia đến từng đơn vị cấp huyện. Tuy nhiên, báo cáo không chỉ ra được cơ sở và căn cứ tính toán như thế nào để có được các con số phân bổ cho từng mục đích sử dụng đất. Báo cáo cũng không viện dẫn lý giải (giải trình) số liệu định hướng về phân bổ mục đích sử dụng đất (nhất là đất phi nông nghiệp cao hơn chỉ tiêu phân bổ quy hoạch đất quốc gia (với QĐ 326/TTg) . Nên có phụ lục làm rõ chi tiết về phương pháp tính toán để ra các số liệu nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích sử dụng đưa vào phương án quy hoạch.</p>			<p>chỉ tiêu sử dụng đất đúng theo tinh thần Quyết định 326/QĐ-TTg. Trong đó đất phi nông nghiệp bằng quốc gia phân bổ. Trong đó đã thể hiện bằng chu chuyển đất đai 10 năm của tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Về thuật ngữ “Đất đô thị” đã được thể hiện trong Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Trong Bảng 7.16 (trang 704, cần lưu ý thuật ngữ “Đất đô thị”, hiện tại không có khái niệm này trong các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, các thuật ngữ liên quan thường là “Đất xây dựng đô thị”, “Đất ở, đất khu chức năng... tại đô thị”			
1.26	<i>Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</i>			
	<p>Nhìn chung giải pháp khá đầy đủ theo đúng với yêu cầu của Luật và Nghị định Chính phủ, tuy nhiên có thể bổ sung thêm một số điểm cho rõ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, mới chỉ nói đến vốn FDI, cần xem xét đến khả năng thu hút nguồn vốn trong dân và ngoại hối. Thực tế vừa qua ở nhiều tỉnh, việc thu hút nguồn vốn trong dân không hề nhỏ, cần đề ra các chính sách thông thoáng và phù hợp thì việc huy động nguồn vốn trong dân sẽ đem lại hiệu quả cao. 		Bảo lưu	Nội dung giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư xã hội đã được trình bày tại tiết 1.2.2, mục I, phần IX. Xin phép được bảo lưu.
	- Báo cáo đã đưa ra 6 bước lựa chọn dự án được xem như tiêu chí để lựa chọn. Tuy nhiên, nội dung của 6 bước mới chỉ lựa chọn được dự án đủ điều kiện chấp nhận, chưa phân biệt được dự án nào là ưu tiên và mức	Tiếp thu ý kiến		Phần lớn các dự án ưu tiên sử dụng vốn NSNN thuộc giai đoạn 2021-2025 đã được rà soát phù hợp với Kế hoạch ĐTC cùng giai đoạn đã được phê duyệt. Đối với các dự án

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	độ ưu tiên để xếp thứ tự. Do vậy, phải bổ sung thêm tiêu chí xác định mức độ ưu tiên (ví dụ như cho điểm...) để từ đó tính ra mức độ ưu tiên của từng dự án và xếp thứ tự dự án ưu tiên.			điều chỉnh, bổ sung đã được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh rà soát trước khi đề xuất. Việc sử dụng thêm tiêu chí cho điểm là một phương pháp rất hay, tuy nhiên khó triển khai trong phạm vi thời gian lập quy hoạch, cũng như chưa có các hướng dẫn cụ thể để đảm bảo tính nhất quán khi cho điểm các dự án thuộc các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu.
	- Đã gọi là dự án ưu tiên đầu tư thì dự án đó phải thể hiện rõ tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng lan tỏa, có thể tháo gỡ các điểm nghẽn làm thay đổi trạng thái và điều kiện phát triển của lĩnh vực đầu tư. Do vậy, số lượng dự án ưu tiên cũng phải giới hạn một số lượng không nhiều dự án như liệt kê trong danh mục báo cáo tại phụ lục 8.1 (khoảng 464 dự án ưu tiên đầu tư, phụ lục 8.2 có trên 186 dự án ưu tiên thu hút đầu tư).	Tiếp thu		Ban soạn thảo đã rà soát và điều chỉnh phù hợp
1.27	Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Hệ thống bản đồ được xây dựng công phu với 54 bản đồ.</p> <p>+ Về nội dung thể hiện:</p> <p>- Đề nghị bổ sung thêm căn cứ để xác định hệ thống bản đồ đã được xây dựng trên nền cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch hay chưa?</p> <p>- Tên các bản đồ quy hoạch: Chưa đúng với quy định trong NĐ37, văn bản 5746 và thống nhất với tên của dự án.</p> <p>- Tên các bản đồ hiện trạng: Tên các bản đồ hiện tại là “<i>Bản đồ hiện trạng phát triển....năm 2020 tỉnh Trà Vinh</i>”. Đề nghị cân nhắc sửa thành “<i>Bản đồ hiện trạng phát triển....tỉnh Trà Vinh năm 2020</i>” để phù hợp với tên của dự án “ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.</p> <p>- Về tỷ lệ bản đồ: Bản đồ được lựa chọn xây dựng ở tỷ lệ 1: 50.000, tuy nhiên các bản đồ dạng PDF trong hồ sơ đang ở nhiều khổ giấy với kích thước khác nhau ví dụ như bản đồ số 5, bản đồ số 11 và các bản đồ khác.</p>	Tiếp thu ý kiến		Tất cả các bản đồ được hiệu chỉnh theo ý kiến đóng góp đảm bảo thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 5746 của Bộ KH&ĐT.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Kiến nghị chỉnh sửa, cập nhật lại cho thống nhất tránh việc hiểu sai thành nhiều tỷ lệ khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về cách thức trình bày bản đồ: + <i>Ghi chú trên bản đồ:</i> <p>Kích cỡ các ghi chú trên bản đồ chưa tương thích với tỷ lệ bản đồ như tên “Biển Đông” quá lớn so với các đối tượng khác; tên đường độ lớn gần tương đương với tên huyện..., tên ghi chú hiển thị của các đối tượng còn quá dài và chưa sát với đối tượng cần mô tả. Kiến nghị chỉnh sửa cho phù hợp.</p> <p>Tên hệ thống thủy như tên sông, suối, ao, hồ, kênh, mương đang sử dụng tông màu đen. Kiến nghị sử dụng tông màu khác cho phù hợp. <i>(Có thể tham khảo thêm quy định về màu sắc do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Cần tập trung thể hiện nổi bật các nội dung chuyên đề theo từng chủ đề bản đồ, cần nhắc không thể hiện các lớp thông tin không liên quan đến chủ đề bản đồ như tại bản đồ về “khu công nghiệp, cụm công nghiệp” thì “lớp đối tượng chợ” có thể không cần thể</i> 			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>hiện; tại “<i>bản đồ hiện trạng phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp năm 2020 tỉnh Trà Vinh</i>” thì lớp đối tượng về “khu công nghiệp, về chợ” có thể không cần thể hiện; bản đồ hiện trạng khu công nghiệp thể hiện cả lớp cụm công nghiệp và bản đồ hiện trạng cụm công nghiệp thể hiện cả lớp khu công nghiệp.</p> <p>+ Về bản đồ phụ: Cân nhắc sử dụng bản đồ thể hiện vị trí tỉnh Trà Vinh trong cả nước thay cho bản đồ vị trí trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang sử dụng. Đồng thời sử dụng 1 bản đồ vị trí cho toàn bộ hệ thống bản đồ để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất chung. Hiện tại các bản đồ chưa sử dụng chung 1 bản đồ phụ.</p> <p>+ Đề nghị chỉnh sửa, cập nhật một số yếu tố khác như: Độ lớn của mũi tên chỉ hướng Bắc chưa phù hợp với tỷ lệ bản đồ; nền màu của huyện Cầu Ngang còn gây nhầm lẫn với nền Biển Đông; thể hiện đầy đủ ranh giới của sông Hậu; sắp xếp, trình bày các bảng biểu thống kê đảm bảo tính thẩm mỹ....</p> <p>- Về bản đồ số 12 “ Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện”: Hiện chia thành 3 bản đồ theo các</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>ngành khác nhau, kiến nghị tích hợp thành 1 bản đồ theo như quy định của ND37.</p> <p>- Đối với bản đồ về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: Tại bản đồ hiện trạng “2_9” đang thể hiện các cấp giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX chung là một đối tượng. Đề nghị xác định rõ các cấp học đồng thời cân nhắc thể hiện các cấp học phù hợp đối với phạm vi của quy hoạch tỉnh. Tại bản đồ phương án phát triển “6_4”, không thể hiện cấp giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX, điều này có thể dẫn tới hiểu thành các cấp học này được bỏ ra khỏi quy hoạch. Do đó kiến nghị thể hiện đầy đủ thông tin giống như bản đồ hiện trạng.</p> <p>- Một số bản đồ mới chỉ mang tính sơ đồ như: Bản đồ số 5 “Bản đồ tổ chức không gian và phân vùng chức năng”; bản đồ số 11 “Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng huyện; bản đồ số “9”. Đề nghị bổ sung thêm các thông tin cơ bản để đảm bảo tính chất của một chủ đề bản đồ.</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Đề nghị cần thống nhất chung về khung ký và đơn vị thực hiện: Hiện tại các bản đồ đang thể hiện sự chưa đồng nhất ví dụ như tại các bản đồ số: 2;22; 11...</p> <p>- Đối với bản đồ số 2; 24: Tên bản đồ chưa đúng theo văn bản 5746; nội dung thể hiện trên bản đồ và bản chú dẫn chưa đồng bộ. Đề nghị cập nhật, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp.</p> <p>- Đối với bản đồ số 1. “Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh”: Bản đồ <i>chưa thể hiện rõ được các hành lang, trục, không gian kết nối liên vùng, liên tỉnh</i>; chưa thể hiện nổi bật được vị trí trung tâm của tỉnh Trà Vinh trong liên kết; chưa thể hiện rõ được tên bản đồ và đâu là bản đồ chính cần thể hiện</p>			
1.28	<i>Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch</i>			
	<p>- Bổ sung thêm phụ lục về số liệu chi tiết về hiện trạng phát triển kinh tế tỉnh và các ngành, lĩnh vực trong 10 năm qua để làm cơ sở so sánh và dự báo cho thời kỳ quy hoạch. Bổ sung phụ lục về phương pháp tính toán các chỉ tiêu quy hoạch để thấy tính khả thi tương đối của Phương án chọn.</p>	Tiếp thu và bổ sung		Đã bổ sung các số liệu và tính toán, dự báo các chỉ tiêu quy hoạch tại phụ lục

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Chưa phân định rõ nội dung đánh giá yếu tố nguồn lực và đánh giá hiện trạng tránh trùng lặp. Cần bổ sung, chỉnh sửa lại phần đánh giá yếu tố nguồn lực trên cơ sở các dự báo. Phần hiện trạng cần rút ra được nhận định về nguyên nhân tồn tại, các nút thắt và bài học kinh nghiệm cho hướng phát triển tới.		Bảo lưu	Đã giải trình tại các ý kiến liên quan ở phần trên
	- Bổ sung phân xây dựng các kịch bản phát triển, quan điểm phát triển đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH cả nước, các quy hoạch cấp trên (quốc gia, vùng...) xác định trên địa bàn tỉnh và xây dựng lựa chọn, luận chứng các phương án phát triển.	Tiếp thu và giải trình		Thực tế các kịch bản đưa ra có nói tới nội dung này rồi và đã tiếp tục bổ sung làm rõ thêm.
	Báo cáo tổng hợp quy hoạch còn khá dài do thiếu xử lý tổng hợp, dẫn tới đáp ứng chưa thật tốt yêu cầu tích hợp, không gian và thị trường . Nên xem xét bổ sung tăng tính tích hợp, để các ngành, các lĩnh vực, các huyện thị, thống nhất ưu tiên thực hiện mục tiêu chung cả tỉnh, trước khi thực hiện mục tiêu riêng của từng ngành, từng huyện thị trong tỉnh.	Tiếp thu		Ban soạn thảo đã cố gắng chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp. Tuy nhiên, có một số khó khăn do các quy định, hướng dẫn yêu cầu các nội dung khá cụ thể. Các góp ý của các thành viên khác của Hội đồng thẩm định cũng có yêu cầu bổ sung khác nhau. Do đó, việc rút gọn dung lượng báo cáo chỉ thực hiện được trong một chừng mực nhất định.
2	PGS.TS. Hồ Quang Đức			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Rà soát và loại bỏ những nội dung trùng lặp; VD: Luật Bảo vệ môi trường... trang 9; Nghị định số 21/2019... trang 10, 11; Quyết định số 150... trang 11; Quyết định số 326/QĐ... trang 12,...	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp
	- Trang 38: Khai thác hải sản: (Đoạn 2 từ dưới lên) có nêu là 3 cửa sông nhưng chỉ mới có 2 (Cung Hầu và Định An), thiếu Láng Nước.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Trà Vinh có 3 cửa sông là Cỏ Chiên, Cung Hầu và Định An
	- Mục 1.4.1.1. (Trang 42): Bổ sung nguồn tài liệu. - Bảng 2.28 (Trang 121): Chuyển dấu (.) sang dấu (,) 4 hàng đầu. - Bảng 2.46 (Trang 157): Chuyển dấu (.) sang dấu (,) 3 hàng đầu, 2 cột cuối; dấu (.) sang dấu (,) hàng và cột cuối.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp
	- Bảng 2.94 (Trang 270): Rà soát và điều chỉnh lại số liệu diện tích, tổng DTTN (1+2+3) là 239.077,18; nếu cộng lại 3 hàng đầu sẽ là 239.077,19; như vậy, cần xem lại số liệu của 1 trong 3 hàng. Lỗi tuy nhỏ nhưng cũng nên chỉnh lại.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Sự chênh lệch về số liệu (nhỏ) là do làm tròn số, đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp.
	- Sửa lại câu cuối (Đoạn 2 từ dưới lên).	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã thay thế thuật ngữ cơ sở hạ tầng bằng kết cấu hạ tầng thuộc một số nội dung phù hợp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Bảng 4.6 (Trang 345): Chuyển dấu (.) sang (,) ở các cột tỷ lệ.</p> <p>- Chuyển cụm từ <i>cơ sở hạ tầng</i> sang <i>kết cấu hạ tầng</i> ở một số chỗ. VD: Trang 390 mục c.; trang 399, trang 406... và các chỗ khác trong Báo cáo.</p> <p>- Chuyển cụm từ <i>khoa học công nghệ</i> sang <i>khoa học và công nghệ</i>, hoặc <i>khoa học-công nghệ</i>, hoặc <i>khoa học, công nghệ</i> trong toàn bộ Báo cáo (Có rất nhiều chỗ trong Báo cáo).</p>			<p>(liên quan đến mạng lưới, hệ thống); bảo lưu tại các nội dung khác (dự án, đầu tư, vv). Sử dụng nhất quán thuật ngữ khoa học và công nghệ trong toàn báo cáo</p>
	<p>- rà soát, hiệu chỉnh số liệu Bảng 7.8 (Trang 688): Cột 4, năm 2030, diện tích đất toàn tỉnh là 444 ha, trong khi đó diện tích đất cộng các đơn vị hành chính lại chỉ có</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>		<p>Sai lệch do làm tròn số, đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	443 ha. Tương tự, Bảng 7.9 (Trang 689), diện tích đất toàn tỉnh là 261 ha, cộng lại là 262 ha. Bảng 7.14 (Trang 699), số liệu cột năm 2030 cũng lệch, toàn tỉnh là 58.868 ha, cộng lại là 58.869 ha.			
	- Rà soát, hiệu chỉnh số liệu Bảng 7.17 (Trang 706): Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 7 ha và 6 ha; Tương tự, đất giao thông, đất xây dựng cơ sở văn hóa và đất ở tại đô thị cũng không khớp nhau.	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Sai lệch do làm tròn số, đã tiếp thu và chỉnh sửa
	- Ở các Bảng 7.18, 7.19, cũng gặp trường hợp tương tự: Đất rừng phòng hộ, đất phi nông nghiệp...	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Sai lệch do làm tròn số, đã tiếp thu và chỉnh sửa
	- Sửa các lỗi chính tả rải rác còn trong Báo cáo. VD: Dòng đầu khổ 2 dưới lên: Phompenh, sửa thành <i>Phnom Penh</i> ; Bảng 2.6. Nguồn: thừa một chữ <i>kê</i> ; Trang 235: giữa đoạn 3, thừa <i>thư viện tỉnh</i> ; Trang 277, a) Đất nông nghiệp, thừa <i>nguyên nhân là do...</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp
3	TS. Trần Anh Tuấn			
3.1	Góp ý chung			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Sự cần thiết lập quy hoạch : (i) Viết rõ hơn nội dung cụ thể hóa QH vùng ĐBSCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (QĐ số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022) cũng như kế thừa các QH đã được Chính phủ phê duyệt (QH liên quan vùng ĐBSCL); (ii) nên cân nhắc nội dung đánh giá (<i>thứ tư</i>) “bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước đang có diễn biến phức tạp và khó lường, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đang diễn ra nghiêm trọng trên toàn thế giới, kinh tế toàn cầu sau đại dịch rất khó lường, phải nhìn nhận lại và chắc chắn sẽ tác động không nhỏ đến phát triển của tỉnh Trà Vinh. <i>Quy hoạch tỉnh Trà Vinh cần phải được xây dựng để phù hợp với các bối cảnh mới này</i>”. Tuy nhiên các nội dung nghiên cứu chưa thấy đề cập;</p> <p>- Mục tiêu quy hoạch: Đồ án xác định gồm Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể là phù hợp. Tuy nhiên cần rà soát phù hợp theo mục tiêu đã được xác định tại QĐ804/QĐ-TTg (Phê duyệt nhiệm vụ QH tỉnh Trà Vinh: QH tổng thể quốc gia, QH vùng ở cấp tỉnh – không nên liệt kê các QH sẽ thiếu; và lưu ý nội dung trong căn</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Bổ sung, chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>cứ pháp lý (không phải là “công cụ” pháp lý -mục thứ 3 – tr.3)); Nếu đã đề xuất mục tiêu cụ thể nên có mục tiêu thời kỳ 2021-2030 sẽ phù hợp hơn;</p> <p>- Về Nguyên tắc và quan điểm lập QH: (i) nên rà soát các nội dung cho phù hợp với nội dung được xác định trong QĐ804/QĐ-TTg(Khoản 3, Điều 1). Các nội dung khác có tính phân tích, diễn giải hoặc yêu cầu của nội dung quy hoạch ít phù hợp nên xem xét lược bỏ (VD: QH phải thống nhất đồng bộ với mục tiêu,... QH cần dựa trên phân tích đầy đủ chính xác,... qH tinh lấy mục tiêu cuối cùng là bảo đảm không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống,... -tr.5-6);</p> <p>- Về căn cứ lập Quy hoạch : bổ sung Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>			
	<p>- Về hệ thống bản đồ quy hoạch: (i) Tên bản đồ rà soát thống nhất: Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Bản đồ..... tỷ lệ.... (quy định tại Mục IX, phụ lục I Nghị định 37/2019/NĐ-CP; (ii) tên</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Hệ thống bản đồ được chỉnh sửa sau khi đã hoàn thiện các phương án quy hoạch theo ý kiến đóng góp, đảm bảo theo các hướng dẫn

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>bản đồ Quy hoạch tổng nhất “Bản đồ phương án...” Bản đồ cần bổ sung Hoa gió của tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ xích, bổ sung bản đồ thu nhỏ (A3) vào thuyết minh tổng hợp và cần làm rõ (có thể đọc được) các nội dung được thể hiện trên bản đồ (tên các sông, kênh chính, các tuyến Cao tốc, Quốc lộ, tỉnh lộ; Đối với bản đồ phương án quy hoạch cần thể hiện rõ các ký hiệu theo các đối tượng HTKT gồm hiện trạng và dự kiến theo thời kỳ quy hoạch; Bản đồ thể hiện trên nền bản đồ địa hình (có tích hợp với bản đồ địa chính – hệ VN 2000).</p>			<p>của Công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021.</p>
3.2	<i>Về hiện trạng hệ thống đô thị , nông thôn và quy mô dân số</i>			
	<p>- Đồ án có đánh giá Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 1336/QĐ-UBND, ngày 15/08/2014) và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 (Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 phê duyệt). Tuy nhiên các nội dung đánh giá chỉ giới hạn ở thống kê chỉ tiêu dân số, tỷ lệ đô thị hòa thiếu các phân tích đánh giá (thuận lợi, khó khăn) đối với các chỉ tiêu không đạt, hoặc</p>		<p>Bảo lưu cơ sở dự báo</p>	<p>Căn cứ vào phương án dự báo dân số cơ sở, chúng tôi tiến hành điều chỉnh lại theo phương án phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển KTXH của tỉnh đến 2030, tầm nhìn đến 2050. Theo đó, để đảm bảo mục tiêu tốc độ đô thị hóa đạt 33% năm 2025, trong khi hiện tỷ lệ này mới đang ở mức trên 17%, thì quy hoạch xây dựng đô</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	các chỉ tiêu không thống nhất cần bổ sung làm cơ sở cho tính toán dự báo (dân số đô thị, dân số nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa – bảng 2.46. tr.157);			thị cần được tính đến khả năng đủ để thu hút dân cư tập trung vào khu vực này
	- Đề án cần rà soát thống nhất các số liệu về hiện trạng dân số đô thị, tại Bảng 2.46: 175.832 người (và đánh giá theo TT34/TT-BXD: 297.841 người) và Bảng 2.47 và Bảng 2.48: 229.601 người. (lưu ý: thống nhất sử dụng cụm từ “dân số đô thị” thay cho cụm từ “dân số thành thị”; đánh dấu “phẩy” “chấm” khi viết các con số);	Tiếp thu và giải trình		Bảng 2.46: 175.832 người theo Niên giám TK; và theo ước tính tại TT34/TT-BXD là 297.841 người. Bảng 2.47: 229.601 người (sở xây dựng) và Bảng 2.48: 277.824 người (cục thống kê). Dữ liệu khác nhau do lấy từ các nguồn khác nhau, trong đó nguồn từ niên giám thống kê cho thấy dân số thành thị là thấp hơn từ các nguồn khác, và nguồn từ Cục thống kê Trà Vinh cho quy mô dân số thành thị ở mức trung bình. Nhóm quy hoạch xây dựng nên lựa chọn nguồn từ Cục thống kê tỉnh Trà Vinh.
	- Nội dung đánh giá Thực trạng khu vực nông thôn: bổ sung nguồn cung cấp các số liệu hạ tầng kỹ thuật (tỷ lệ cấp nước hợp vệ sinh 99,7%,...) và bổ sung đánh giá thu gom, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang,...	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung góp ý đã được tích hợp chung toàn tỉnh, xin phép được bảo lưu nội dung này.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn bổ sung tên các đô thị và khu vực phân bố dân cư nông thôn (theo đánh giá chiếm > 70% dân số toàn tỉnh); và bảng thống kê hệ thống đô thị hiện trạng vào bản đồ.	Tiếp thu ý kiến		Hệ thống bản đồ được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 5746 của Bộ KH&ĐT
3.3	<i>Phân hiện trạng Hạ tầng kỹ thuật</i>			
	- Về Hiện trạng hạ tầng giao thông: (i) nên phân ra theo nội dung Giao thông đối ngoại (gồm các tuyến do thuộc quốc gia do Bộ GTVT quản lý: QL, đường thủy quốc gia,...) và Giao thông nội tỉnh (gồm các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường thủy do tỉnh quản lý); (ii) Nội dung đánh giá chủ yếu là thống kê các thông số cơ bản. tuy nhiên cần bổ sung số liệu định lượng (năng lực vận tải (HK&HH) khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải của các tuyến quốc gia, các tuyến giao thông thuộc tỉnh quản lý, quy mô, khối lượng vận tải của các bến xe, bến phà,...) làm rõ hơn năng lực thực tế của hệ thống giao thông làm cơ sở nghiên cứu đề xuất phương án phát triển hệ thống giao thông cho phù hợp theo các thời kỳ quy hoạch; (iii) Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng giao thông công cộng (chỉ thống kê số lượng bến xe thì chưa		Bảo lưu	Kết cấu đánh giá về hạ tầng giao thông đã phù hợp với các quy định và hướng dẫn hiện hành; Nội dung đánh giá chi tiết được thể hiện trong báo cáo hợp phần, báo cáo thuyết minh được tích hợp để đảm bảo mức độ tổng hợp của các nội dung; Hiện trạng giao thông công cộng của tỉnh chỉ bao gồm mạng lưới xe khách và bến xe, các phân tích đánh giá ở mức độ tích hợp; Bản đồ hiện trạng được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 5746 của Bộ KH&ĐT

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thuyết phục); (iv) Bản đồ hiện trạng kết cấu HT GTVT nên có thể hiện rõ các tuyến GTVT (hơn các bản đồ khác) và bổ sung bảng thống kê các tuyến GTVT (đã có trong thuyết minh) sẽ hoàn chỉnh hơn.			
	- Về Hiện trạng kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi: (i) bổ sung nguồn cấp số liệu Bảng 2.86. Hiện trạng hệ thống đê biển tỉnh Trà Vinh (tr.302); (ii) bổ sung đánh giá thực trạng ảnh hưởng BĐKH, NBD đối với tỉnh Trà Vinh (các khu vực ngập, mức độ ngập, thời gian ngập,... xâm nhập mặn) và các giải pháp ứng phó đã và đang triển khai của tỉnh (nếu có).	Tiếp thu ý kiến và giải trình		Thực trạng ảnh hưởng của BĐKH, NBD đối với Trà Vinh đã được phân tích bổ sung tại Phần I, xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp.
	- Về hiện trạng kết cấu hạ tầng thông tin truyền thông: Các nội dung đánh giá đầy đủ, đặc biệt là nội dung đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác quản lý nhà nước của tỉnh, các doanh nghiệp và phục vụ người dân với các số liệu cụ thể. tuy nhiên nên bổ sung các nguồn cung cấp số liệu sẽ hoàn chỉnh hơn.		Bảo lưu	Nguồn số liệu chi tiết được thể hiện trong báo cáo hợp phần. Báo cáo thuyết minh tích hợp các nội dung đánh giá nên xin phép không nêu lại các nguồn số liệu (trừ các bảng, hình).
	- Đồ án cần bổ sung đầy đủ các nội dung đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng của các khu vực đô thị, khu dân cư, khu-cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh: Cao độ nền,		Bảo lưu	Các nội dung đánh giá chi tiết đã được thể hiện trong các báo cáo hợp phần liên quan. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thoát nước mặt; thoát nước và xử lý nước thải; nghĩa trang.			này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)
3.4	<i>Các phương án phát triển và lựa chọn phương án phát triển</i>			
	- Đồ án đưa ra 3 phương án phát triển (<i>Phương án 1 (Phương án cơ sở); Phương án 2: Nền kinh tế phát triển dựa trên lợi thế kinh tế biển và khu vực đô thị ven biển với động lực thúc đẩy là khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo; Phương án 3: phát triển dựa trên lợi thế nhờ liên kết (hướng tới không gian mở) và chủ động thích ứng với BĐKH (xâm nhập mặn và NBD) là phù hợp</i>) với 8 nhóm chỉ tiêu và đánh giá so sánh lựa chọn Phương án 3. Tuy nhiên các nhóm chỉ tiêu của cả 3 phương án không có nội dung tính toán cho các nhóm chỉ tiêu (mà đưa ra các số liệu có tính mặc định) và không đề xuất căn cứ lựa chọn cho việc lựa chọn phương án phát triển là phương án 3, cần bổ sung làm rõ để đủ khả năng thuyết phục cho việc lựa chọn (VD: <i>Bảng 3.3. nhóm các chỉ tiêu về xã hội chỉ tiêu dân số đô thị dự báo 2025 (tr. 308): 334,29 ngàn dân, năm 2030: 406,47 ngàn dân tăng</i>	Tiếp thu và giải trình		Các chỉ tiêu phát triển được tính toán theo các phương án phát triển (giả định) và lấy các chỉ tiêu kinh tế làm căn cứ (đã bổ sung các phụ lục tính toán). Các chỉ tiêu khác được tích hợp từ các phương án phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan (đã có tính đến phương án chọn). Việc xây dựng kịch bản cho phương án chọn đã tính đến các định hướng quy hoạch vùng ĐBSCL.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p><i>trường “rất cao” so với hiện trạng được đánh giá: 175 ngàn dân (229 ngàn dân). Bảng. 2.46-tr.157 – việc đảm bảo cho quy mô dân số đô thị kèm theo XD cơ sở HTKT, HTKT-XH của đô thị; Chỉ tiêu Môi trường: Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn sử dụng nước sạch 2025-2030: 98,5 – 100% - QC nước sạch phục vụ sinh hoạt khác nước sạch hợp vệ sinh; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp xử lý tập trung 2025-2030: 100%- hiện trạng đánh giá cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng,.. tỷ lệ chất thải rắn đô thị, nông thôn được đề xuất nhưng chưa có nội dung phân đánh giá hiện trạng, ...);</i></p> <p>- Ngoài ra việc đề xuất cũng như lựa chọn phương án phát triển của tỉnh Trà Vinh cần rà soát thống nhất định hướng phát triển của tỉnh Trà Vinh trong quy hoạch Vùng ĐBSCL tại Quyết định số 287/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch Vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;</p>			
	<p>- Về phương hướng phát triển dân số của tỉnh Bảng 4.11. dự báo quy mô dân số 2025 - 2030 toàn tỉnh: 1.013 ngàn – 1.016 ngàn dân và chỉ tính tỷ lệ dân số tăng tự nhiên</p>		Bảo lưu	-Hiện nay Trà Vinh là tỉnh có di dân thuần âm, có nghĩa là số nhập cư ít hơn số xuất cư, khiến giảm tốc độ tăng dân số chung. Hiện

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(0,75 – 0,8%) là chưa phù hợp cần rà soát lại (tỷ lệ tăng dân số bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học).			chúng tôi đang dự báo dựa trên giả định Trà Vinh sẽ phát triển và dần thu hút lao động trẻ ở lại tỉnh làm việc, có thể thu hút thêm nhân lực từ tỉnh khác, tình trạng di dân thuần âm sẽ giảm dần cho đến khi đạt được di dân thuần dương vào năm 2030 - Trà Vinh có mức sinh thấp hơn mức thay thế, là hậu quả của di dân thuần âm (lượng thanh niên trẻ đi khỏi vùng lớn), vì vậy tỷ lệ tăng tự nhiên có xu hướng giảm và ở mức thấp hơn 1%
3.5	<i>Phương án tổ chức phát triển không gian</i>			
	Phương án phát quy hoạch phân vùng không gian triển vùng liên huyện (chia 2 vùng Phía Đông và phía Tây): (i) cần làm rõ cơ sở phân vùng (chỉ nêu chung chung chưa thuyết phục tr.365); (ii) rà soát khi đề xuất Trung gtaam vùng liên huyện phía Đông là TP Duyên Hải (TX Duyên Hải lên thành phố) – (tr.366). Tuy nhiên Bảng 5.6. quy mô bố trí không gian phát triển các cụm đô thị: Huyện Duyên Hải chỉ có 2 đô thị loại V (năm 2030 và 2050: 7500 – 9000 dân – lưu ý kiểm tra lại quy mô dân	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Đã làm rõ cơ sở phân vùng (chia thành 02 vùng) Đã chỉnh sửa sai sót về dân số của các cụm đô thị và bảo lưu con số quy mô dân số dự báo vì đây là kết quả tính toán dự báo.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	số ĐT Ngũ Lạc – 20.000); (iii) Rà soát lại số lượng đô thị (Đồ án đề xuất 2030: toàn tỉnh có 14 đô thị-tr.380), quy mô dân số cho phù hợp với QĐ số 1799/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2030: có 20 đô thị). <i>(lưu ý khi dự báo quy mô dân số các giai đoạn tương lai không nên chính xác đến hàng đơn vị? nên làm tròn số hàng nghìn- Bảng 5.1.)</i>			
3.6	<i>Phương án phát triển mạng lưới giao thông</i>			
	- Về dự báo nhu cầu giao thông vận tải (hành khách và hàng hóa) trên cơ sở phân định cho các giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân đều là 6,2% – 6,5%/năm (HH) và 6% - 6,2%/năm là chưa thuyết phục cần rà soát lại cho phù hợp; và cũng cần lý giải thêm khi phân định vận tải đường bộ 2025 -2030: 80% - 75% và đường thủy 2025 – 2030: 20% - 25% (còn phụ thuộc nhiều yếu tố, đặc thù, loại hình hàng hóa, chất lượng hạ tầng, phương tiện,..);		Bảo lưu	Căn cứ, phương pháp và các số liệu dự báo được trình bày cụ thể trong Báo cáo hợp phần và đã được cơ quan tham mưu (Sở GTVT) rà soát, thông qua. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Về phương án phát triển GTVT nên bổ sung thuyết minh rõ hơn mối liên kết của hệ thống GTVT của tỉnh với GTVT vùng, Quốc gia và kết nối các đô thị, khu vực phát triển kinh tế, khu vực nông thôn nhằm tạo động lực phát triển tỉnh Trà Vinh (khác với việc liệt kê các công việc cụ thể cho từng tuyến giao thông – nội dung này nên được đề xuất khi xây dựng dự án đầu tư ưu tiên);</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		<p>Đã bổ sung quan điểm kết nối hệ thống giao thông của tỉnh với của vùng ĐBSCL (coi đây là một đột phá để tháo gỡ nút thắt về hạ tầng GTVT)</p>
	<p>- Về Giao thông đô thị: cần bổ sung rõ được các nội dung chính kết nối các đô thị cấp tỉnh với hệ thống GTVT của tỉnh, vùng và quốc gia (xác định các nút giao đường bộ, cảng bến đường thủy,... về số lượng, quy mô, tính chất); Việc đề xuất các nút giao với các quốc lộ QL 53, QL 54, QL60,... (tr.502) là nút giao cùng mức đơn giản (hình xuyên) là chưa phù hợp, cần đề xuất hình thức, quy mô sử dụng đất, các yêu cầu kỹ thuật cơ bản để dự phòng cho giai đoạn triển khai sau này;</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Các đề xuất chi tiết (kỹ thuật) về các nút giao sẽ được cụ thể hóa trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch</p>
	<p>- Dự báo quy mô sử dụng đất (bảng 5.22: phục vụ bến xe, trạm dừng nghỉ,.. là 21ha; và Cảng , bến tàu khách là 14 ha cần rà soát và phân bố cụ thể đối với các bến,</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Các đề xuất chi tiết (sử dụng đất) được cụ thể hóa trong báo cáo hợp phần. Xin phép</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cảng,... theo các địa phương làm cơ sở các quy hoạch cấp dưới; Bổ sung phương án phát triển giao thông công cộng;			được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Bản đồ phương án phát triển GTVT bổ sung ký hiệu các tuyến GTVT theo thời kỳ QH (Hiện trạng, thời kỳ 2021-2030 và sau 2030).	Tiếp thu ý kiến		Bản đồ phát triển GTVT được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5746 của Bộ KH&ĐT
3.7	<i>Phương án phát triển mạng lưới điện</i>			
	- Dự báo nhu cầu sử dụng điện: nên bổ sung chỉ tiêu cấp điện và bảng tính cụ thể cho các nhu cầu sử dụng điện và bản tính toán chi tiết dự báo cho nhu cầu cấp điện các ngành và bảng tính dự báo cho các vùng phụ tải được đề xuất (Đồ án chỉ có bảng thể hiện kết quả tổng hợp chưa thuyết phục);		Bảo lưu	Các dự báo và tính toán nhu cầu đã được trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo tích hợp các số liệu tổng hợp để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh tổng hợp. Xin phép được bảo lưu nội dung này.
	- Về phương án phát triển cho các khu vực cù lao chưa có điện cần viết cụ thể hơn. Lưu ý phương án cấp điện cho Cồn Hồ (chỉ tính 14-3tr hộ hiện chưa có điện (tr.520) là chưa phù hợp) cần dự báo cho phát triển cho các thời kỳ quy hoạch	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa thuyết minh phù hợp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.8	<i>Phương án phát triển mạng lưới thông tin - truyền thông</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung dự báo nhu cầu thông tin viễn thông cần được bổ sung cụ thể (định lượng) cho các thời kỳ quy hoạch (chỉ định tính thì chưa thuyết phục); - Việc đề xuất Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) giai đoạn 2021-2025 và Xây dựng thêm 01 Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng cần phải xác định vị trí, quy mô, phạm vi phục vụ và các yêu cầu kỹ thuật cụ thể 	Tiếp thu ý kiến		Các đề xuất cụ thể đã được thể hiện trong Báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép tiếp thu ý kiến và bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.
3.9	<i>Phương án phát triển mạng lưới cấp nước</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung cấp nước được lồng ghép trong Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi (Mục 4.5. tr.539). Các nội dung chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn về phương án cấp nước sinh hoạt và sản xuất viết sơ sài: về nguồn nước lựa chọn là nước mặt phục vụ nông nghiệp và sinh hoạt, tuy nhiên chất lượng nước “Vùng ngọt quanh năm” xác định theo ranh mặn 4g/lít (tr.650) không phù hợp với nguồn nước phục vụ sinh hoạt (Nguồn cấp 	Tiếp thu ý kiến		<p>Nội dung phát triển hạ tầng cấp nước sinh hoạt đã được tách riêng khỏi lĩnh vực cấp nước-thủy lợi, được trình bày tại điểm 4.8, mục V, Phần V.</p> <p>Nhu cầu sử dụng nước phục vụ công nghiệp, dịch vụ đã được tính toán và thống nhất với cơ quan tham mưu (Sở Công thương), được trình bày cụ thể cơ sở tính toán và kết quả</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>nước cho mục đích sinh hoạt – QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: quy định hàm lượng Cl⁻ : 250-350mg/lít);</p> <p>- Dự báo nhu cầu sử dụng nước phục vụ: cần rà soát khu cụm công nghiệp, dịch vụ 2030 với 40.104ha: 108.800 m³/ngày (tr.541) và 2025: 64.662m³/ngày, 2030: 74.233m³/ngày; và nước cho sinh hoạt 2025: 102.286m³/ngày, 2030: 116.691m³/ngày (tr.645) là chưa phù hợp và cần có bảng tính dự báo cụ thể;</p> <p>- Đề nghị nội dung phương án phát triển cấp nước cần viết thành mục riêng và làm rõ các nội dung: dự báo nhu cầu sử dụng nước cho thời kỳ quy hoạch 2021-2030 và tầm nhìn 2050 (cho khu vực đô thị, khu công nghiệp, dân cư nông thôn), Nguồn nước, quy mô các nhà máy nước và phương án phát triển cấp nước cho khu vực đô thị, khu cụm công nghiệp, khu vực dân cư nông thôn;</p> <p>- Lưu ý vùng ĐBSCL ảnh hưởng BĐKH, NBD và xâm nhập mặn vào sâu trên sông Tiền, sông Hậu và ảnh hưởng nguồn cấp nước cả vùng, đặc biệt 7 tỉnh ven biển ĐBSCL (cần được đánh giá cụ thể đối với khu vực tỉnh</p>			<p>tính toán trong báo cáo hợp phần. Xin phép tiếp thu ý kiến và bảo lưu nội dung này.</p> <p>Các nội dung quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đã được tham khảo khi xây dựng phương án cấp nước và tích hợp theo quy định.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Trà Vinh). Thủ tướng Chính phủ phê duyệt QH cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 2140/QĐ-TTg) nhằm ứng phó BĐKH,NBD và định hướng cấp nước cho các tỉnh ĐBSCL và nội dung này được thể hiện trong QH vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 287/QĐ-TTg). Đồ án cần nghiên cứu cập nhật và đề xuất phương án cấp nước cho tỉnh Trà Vinh cho phù hợp			
3.10	<i>Phương án phát triển hạ tầng khu xử lý chất thải</i>			
	- Các nội dung cần được rà soát và sắp xếp lại cho rõ và bổ sung: đề xuất chỉ tiêu CTR phát sinh; dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh cho các thời kỳ quy hoạch 2021- 2030 (CTR sinh hoạt (đô thị, nông thôn), CTR công nghiệp, CTR, CTR y tế, CTR nguy hại,...); Phương án thu gom các loại CTR khu vực đô thị, khu vực nông thôn, khu công nghiệp, làng nghề; Dự kiến các cơ sở xử lý CTR (6 cơ sở - tr.559) cần làm rõ quy mô công suất, diện tích sử dụng đất, phạm vi phục vụ và dự kiến công nghệ xử lý CTR;	Tiếp thu ý kiến và giải trình		<p>Các nội dung góp ý đã được thể hiện chi tiết trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>Nội dung các bảng 5.43, 5.44, 5.45 đã được hoàn thiện theo ý kiến đóng góp (chuyển sang phụ lục).</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với CTR nguy hại cần tính toán dự báo khối lượng phát sinh và xem xét theo liên kết vùng theo QĐ 287/QĐ-TTg; - Về các nội dung liệt kê chi tiết Bảng 5.43-5.44-5.45 công cụ, thiết bị cụ thể có thể lược bớt hoặc đưa vào phụ lục 			
3.11	<i>Phương án phát triển mạng hạ tầng xử lý nước thải</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án cần bổ sung làm rõ: <ul style="list-style-type: none"> + Tính toán dự báo lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải các khu cụm công nghiệp cần xử lý theo các thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030, tầm nhìn 2050; + Đề xuất phương án thu gom và xử lý nước thải cho khu vực đô thị, khu cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn quy mô công suất, phạm vi sử dụng đất, phạm vi phục vụ, chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn tiếp nhận nước thải; - Việc đề xuất 50% các KCN và làng nghề có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi phải có giấy phép theo 	Tiếp thu ý kiến		Đã cân nhắc, tính toán và chỉnh sửa

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	quy định cần có căn cứ cụ thể khi đề xuất ?. Cần lưu ý, thực tế các công trình thủy lợi hiện cũng là nguồn cấp nước cho dân sinh đặc biệt là khu vực nông thôn và ô nhiễm do xả thải không chỉ tính theo tỷ lệ các làng nghề xả thải mà còn phụ thuộc vào thành phần chất độc hại và lưu lượng nước xả thải			
3.12	<i>Phương án Cao độ nền, thoát nước mặt, Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng</i>			
	đề nghị bổ sung nội dung này		Bảo lưu	Các phương án kỹ thuật (theo ý kiến đóng góp) được tính toán và đề xuất khi triển khai thực hiện quy hoạch thông qua các đề án, dự án, vv.
3.13	<i>Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện</i>			
	- Đồ án đề xuất danh mục dự án đầu tư ưu tiên lĩnh vực kết cấu HTKT gồm 10 dự án là các tuyến quốc gia (quốc lộ, đường hành lang ven biển) và 44 dự án cấp nước nông thôn sử dụng ngân sách Trung ương; và 43 dự án đường tỉnh phân theo các thời kỳ 2021-2025 và 2026-2030 sử dụng NSNN cơ bản phù hợp. Tuy nhiên cần bổ sung thêm các quy mô công suất các dự án cấp nước và	Tiếp thu và chỉnh sửa		Một số dự án đề xuất (đặc biệt cho giai đoạn 2026-2030) chưa thể dự tính được đầy đủ các thông tin, do đó xin phép được bỏ trống một số trường thông tin.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>bổ sung các dự án ưu tiên đầu tư HTKT trong các lĩnh vực khác; xử lý nước thải, Chất thải rắn,...;</p> <p>- Nên sắp xếp riêng các dự án thuộc các công trình liên kết giao thông quốc gia vào riêng mục nguồn vốn NSTW; Lưu ý Mục 2.1 và 2.2 có tên trùng nhau (tr. 723);</p> <p>- Một số dự án hạ tầng cấp nước, cơ sở xử lý chất thải rắn có thể sử dụng vốn đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa có thể không sử dụng NSNN nên làm rõ và có đề xuất cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư cụ thể hơn;</p> <p>- Đối với các dự án của địa phương nên xem xét đề xuất giao các cơ quan của địa phương tổ chức thực hiện sẽ tăng tính khả thi.</p>			
4	TS. Phạm Hoài Chung			
4.1	<i>Nhóm vấn đề về tính pháp lý và các căn cứ</i>			
	Mục 3.1. trang 6 nên xem xét bỏ cụm từ: “3.1. Các văn bản chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam” do trong mục này chủ yếu là Nghị quyết và Văn kiện của Đảng chủ yếu là chủ trương, đường lối, định hướng phát triển; còn tổ chức thực hiện của các cơ quan thuộc Chính phủ mới	Tiếp thu ý kiến		Đã sửa lại theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chủ yếu là văn bản chỉ đạo, điều hành. Đề nghị tư vấn rà soát, sửa cho đúng.			
	Mục 3.2. trang 8. BCTH phân Căn cứ lập quy hoạch: cân bỏ nội dung căn cứ pháp lý: Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do chưa phê duyệt.	Tiếp thu và chỉnh sửa		
	Tư vấn cần sửa lại nhiều từ, mục còn không chính xác và không phản ánh đúng thuật ngữ chuyên môn như: quy hoạch cấp trên (mục 3.4 trang 12...); đồng thời đề nghị loại bỏ nhiều rất nhiều căn cứ vào các quy hoạch đã không còn hiệu lực bị thay thế bằng quy hoạch mới được phê duyệt như: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/3/2016 Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định	Tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	hướng đến năm 2030 ... và nhiều quyết định phê duyệt quy hoạch khác dạng tương tự cũng cần rà lại toàn bộ.			
	Lỗi chính tả trong báo cáo còn nhiều, đề nghị rà soát, sửa lại cho đảm bảo chất lượng trình bày	Tiếp thu và chỉnh sửa		
4.2	<i>Nhóm vấn đề về chuyên môn</i>			
	- Đề nghị cân nhắc rà lại trong báo cáo để đảm bảo tính thống nhất trong phần đánh giá “thực trạng” hay “hiện trạng”, do các mục đang trình bày lẫn lộn giữa 2 khái niệm này như mục 2.1, 2.2, 2.3 là thực trạng, 2.4, 2.5 là hiện trạng.		Bảo lưu	Có sự khác nhau về ý nghĩa của “thực trạng”: chỉ những gì đang diễn ra <i>so với</i> “hiện trạng”: chỉ tình trạng hiện tại. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này.
	- Đề nghị chuẩn hóa lại báo cáo: chỗ đánh giá có 3 quốc lộ, chỗ báo cáo có 4 quốc lộ		Bảo lưu	Đã rà soát các nội dung trình bày, các phân tích và đánh giá là chính xác. <i>QL53B được thành lập mới năm 2018 và chỉ kết nối một số địa phương trong tỉnh.</i>
4.2.1	<i>Về hiện trạng phát triển hệ thống giao thông (trang 182 – 191)</i>			
	- Đánh giá tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn về GTVT chưa nổi bật, chưa rõ vai trò, vị thế của Tỉnh trong liên kết vùng của Trà Vinh trên hàng lang vận tải Tp HCM – Cần Thơ – Cà Mau còn kém, mờ nhạt vai trò trong hệ thống	Tiếp thu ý kiến		Đã giải trình ở trên (3.6)

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	giao thông kết nối liên vùng, liên tỉnh chưa phát triển, cụ thể: chưa có cao tốc qua địa bàn tỉnh; có 04 quốc lộ (QL53, QL53B, QL54 và QL60) nhưng chất lượng chưa tốt, còn nhiều cầu yếu chưa đồng cấp với đường bộ; hệ thống đường địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường GTNT) còn nhiều cầu yếu, chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải khối lượng lớn.			
	- Về hiện trạng kết cấu hạ tầng đường bộ: làm rõ vai trò kết nối đối ngoại theo trục dọc, trục ngang của hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh, đồng thời phân tích, đánh giá vai trò hỗ trợ, kết nối nội tỉnh của hệ thống đường tỉnh, từ đó làm rõ các tồn tại, bất cập của mạng giao thông đường bộ (thiếu cầu lớn vượt sông, trục dọc quy mô chưa đáp ứng v.v...) để đề xuất phương án phát triển phù hợp.	Tiếp thu ý kiến		Đã giải trình ở trên (3.6)
	- Về hiện trạng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa: đề nghị tách riêng 02 nội dung về đường thủy nội địa và hàng hải (hiện đang gộp chung vào kết cấu hạ tầng đường thủy) đã góp ý 02 lần chưa sửa, bổ sung hành lang vận tải thủy nội địa đi qua địa bàn tỉnh để phân tích sự	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	kết nối, lưu thông hàng hóa trên các tuyến vận tải thủy nội địa.			
	<p>- Đề nghị xem xét bổ sung đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch trước đây về giao thông vận tải (so sánh và đánh giá kết quả đạt được của kỳ quy hoạch trước, tại sao chưa đạt yêu cầu...); hoạt động vận tải (số lượng phương tiện, sản lượng vận tải, thị phần vận tải của các phương thức vận tải v.v...); hệ thống trung tâm logistics, hệ thống cảng cạn; trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho KCHT giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua</p>	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung đánh giá chi tiết đã được trình bày trong báo cáo hợp phần. Nội dung đánh giá chung (tổng hợp) đã được tích hợp trong báo cáo thuyết minh. Xin phép được bảo lưu.
4.2.2	<i>Về phương án phát triển hệ thống giao thông (trang 487 - 507)</i>			
	<p>- Chưa có tính đột phá rõ, đề nghị rà soát, điều chỉnh lại quan điểm phát triển hệ thống giao thông vận tải gắn liền với quan điểm quy hoạch tỉnh, định hướng phát triển không gian của tỉnh (phát triển kinh tế biển và ven biển, hạ tầng giao thông vận tải là một trong các đột phá v.v...), đồng thời phù hợp với đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh.</p>	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Đề nghị bổ sung Dự báo nhu cầu giao thông trên mạng giao thông tỉnh (hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa) từ đó đề xuất phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tương ứng với nhu cầu vận tải.</p>	Tiếp thu ý kiến		Đã có nội dung dự báo liên quan
	<p>- Về kết cấu hạ tầng đường bộ: Xem xét lại tính khả thi của đề xuất quy hoạch nâng cấp, mở rộng 04/04 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2025, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực đầu tư công hiện nay chủ yếu tập trung vào mục tiêu xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc.</p>	Tiếp thu ý kiến		Đề xuất quy hoạch phát triển các tuyến QL trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan tham mưu (Sở GTVT) rà soát và thống nhất đề xuất.
	<p>- Về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa: đề nghị tách riêng 02 nội dung về đường thủy nội địa và hàng hải (hiện đang gộp chung vào kết cấu hạ tầng đường thủy), ngoài ra còn đang nhầm lẫn giữa các tuyến luồng hàng hải và tuyến đường thủy nội địa. Đối với quy hoạch hệ thống bến thủy nội địa cần gắn với kết nối đường bộ và tập trung tại các khu vực tiềm năng phát triển gắn liền với các trung tâm sản xuất, hàng hóa lớn (vùng nguyên liệu, khu công nghiệp v.v...).</p>	Tiếp thu ý kiến		Đã điều chỉnh theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Về kết cấu hạ tầng hàng không: tại trang 433, mục c, định hướng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, BCTH có đề xuất “quy hoạch xây dựng sân bay Long Toàn và cảng hàng không tại xã Ngũ Lạc” tuy nhiên, báo cáo chưa luận giải rõ việc đề xuất sân bay Long Toàn, cảng hàng không tại xã Ngũ Lạc, chưa có qui mô, công năng của CHK là như thế nào, mối quan hệ với hệ thống CHK, sân bay của Vùng ĐBSCL và Vùng Tp Hồ Chí Minh cũng như Đông Nam Bộ và khu vực, quốc tế. Do đó, đề nghị luận giải kỹ cơ sở đề xuất sân bay, cảng hàng không, cũng như đề nghị cập nhật báo cáo Quy hoạch CHK, SB mới nhất của Bộ GTVT đã trình TTCP.</p>	Tiếp thu và giải trình		<p>Tỉnh Trà Vinh đã thống nhất chưa đề xuất quy hoạch xây dựng sân bay Long Toàn và CHK. Các nội dung liên quan đã được chỉnh sửa.</p>
	<p>-Về Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư: tại Phụ lục 8.2 Giao thông vận tải, mục 1. “Xây dựng bến xe hàng tại TP Trà Vinh”, phần ghi chú: “Chưa đủ thông tin”, dự án ưu tiên thu hút đầu tư nên xem lại, ưu tiên các dự án đường bộ, cầu lớn,... có tính chất kết nối và đáp ứng tiêu chí</p>	Tiếp thu ý kiến		
4.2.3	<i>Về hệ thống bản đồ</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đề nghị rà soát lại hướng tuyến quy hoạch hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc trên địa bàn tỉnh phù hợp với hướng tuyến đã quy hoạch tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hiện nay đang có một số vị trí chưa chính xác, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sai hướng tuyến so với QĐ 1454 của QH mạng lưới đường bộ Việt Nam về cao tốc TP Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre – Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33) do cao tốc trên có hướng tuyến độc lập với Quốc lộ 60 mới, tuy nhiên trên bản đồ đang thể hiện đi trùng với QL 60 mới đoạn qua địa bàn huyện Tiểu Cần và huyện Trà Cú. + Sai hướng tuyến so với QĐ 1454 của QH mạng lưới đường bộ Việt Nam về cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36) có điểm cuối trên địa bàn tỉnh là khu bến Định An, tuy nhiên trên bản đồ chỉ thể hiện đến giao với tuyến đường bộ cao tốc TP Hồ Chí Minh - Tiền Giang -Trà Vinh - SócTrăng (CT33) trên địa bàn huyện Châu Thành. + Phần kí hiệu bản đồ: thiếu kí hiệu đường bộ cao tốc 	Tiếp thu và chỉnh sửa		Hệ thống bản đồ được hiệu chỉnh theo hướng dẫn tại công văn 5746 của Bộ KH&ĐT

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Nguyễn Đức Hùng			
5.1	<i>Căn cứ lập quy hoạch</i>			
	Các căn cứ, thông tin, số liệu, dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh đã được thể hiện tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần bổ sung một số văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/9/2022... và nghiên cứu các văn bản để đưa nội dung định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực tương ứng, phù hợp với đặc thù, tính chất và điều kiện của tỉnh.	Tiếp thu ý kiến		
5.2	<i>Phương pháp lập quy hoạch</i>			
	Cần trình bày các phương pháp chính: phương pháp điều tra, khảo sát; phương pháp dự báo; phương pháp phân tích so sánh; chuyên gia và việc áp dụng các phương pháp này như thế nào vào trong quá trình lập quy hoạch. Lưu ý: phương pháp chồng chập bản đồ... chỉ là các kỹ thuật sử dụng vào trong quá trình lập quy hoạch; phương pháp mô hình là một trong các kỹ thuật sử dụng trong quá	Tiếp thu và chỉnh sửa		Nội dung áp dụng các phương pháp lập quy hoạch được giải trình chi tiết trong các báo cáo hợp phần, ban soạn thảo xin phép bảo lưu (có điều chỉnh một số thuật ngữ) cho phù hợp với mức độ tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>trình dự báo các nội dung quy hoạch, trong phần này cần làm rõ việc áp dụng mô hình nào, phần mềm gì để dự báo tính toán các chỉ tiêu kinh tế...; chưa thể hiện được các nội dung cụ thể tính toán các nội dung quy hoạch như đất đai, nông nghiệp ...</p> <p>Về phương pháp tích hợp: thể hiện trùng, đề nghị cần nhắc và viết chính xác nếu có thể, hiện tại viết như thuyết minh là chưa chính xác “phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững”. “Phương pháp tích hợp các kết quả của các Nội dung đề xuất (phần quy hoạch) và một số phương pháp kỹ thuật khác như: điều tra, khảo sát trực tiếp, xử lý thống kê, ma trận đối chứng, các phương pháp ngoại suy,...”</p> <p>Đề nghị viết chính xác lại các phương pháp áp dụng, đây là nội dung rất quan trọng, qua đó đánh giá mức độ tin cậy của các nội dung quy hoạch của tỉnh Trà Vinh</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5.3	<i>Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh</i>			
	<p>Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá về nguồn nhân lực và lao động, thể hiện qua một số chỉ tiêu trong giai đoạn 2011 - 2020: (1) số lượng người của từng dân tộc, giới tính; khu vực thành thị, khu vực nông thôn; về học vấn, trình độ chuyên môn và tay nghề (công tác đào tạo, bồi dưỡng chất lượng nguồn lực); (2) tính đặc thù của lao động trong tỉnh; (3) lực lượng lao động theo từng lĩnh vực như thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng... và (4) so sánh với các tỉnh lân cận và trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Phân tích tình trạng xuất nhập cư của Trà Vinh trong một thập niên qua, hiện tượng xuất cư (với tỷ lệ trung bình 0,5%/năm), hầu hết là dân số thuộc lứa tuổi lao động (15-50 tuổi), cho thấy sự kém hấp dẫn của tỉnh, đối mặt với nguy cơ thiếu lao động. Sự suy giảm lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm từ 616,6 ngàn người (năm 2011) xuống còn 579,9 ngàn người (năm 2015) và còn 550,03 ngàn người (năm 2020).</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Các ý kiến đóng góp đã được tiếp thu, bổ sung và tích hợp vào các nội dung báo cáo liên quan.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá về đặc trưng văn hóa, dân tộc, tôn giáo của người dân trên địa bàn tỉnh và tác động của văn hóa, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p> <p>Báo cáo đã đánh giá về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế GRDP, lao động và thực trạng phát triển các ngành sản xuất của tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2020, tuy nhiên để thấy rõ sự phát triển kinh tế của tỉnh so với các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đề nghị bổ sung (i) số liệu, phân tích về phát triển kinh tế của tỉnh so với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Vĩnh Long; (ii) đánh giá kết quả thực hiện so với các chỉ tiêu đã được phê duyệt trong các quy hoạch và các chỉ tiêu đã đặt ra trong các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, phân tích nguyên nhân dẫn đến kết quả không đạt được (nếu có); (iii) phân tích những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế của từng ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2011 – 2020.</p> <p>Về thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: (i) báo cáo đã nhận định “khu vực nông nghiệp vẫn</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>đang là khu vực sản xuất đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của tỉnh” (trang 70) tuy nhiên chưa làm rõ được tiềm năng, thế mạnh và khả năng phát triển, chưa có sự liên hệ với sự phát triển các sản phẩm của tỉnh với các tỉnh lân cận trong vùng để có thể thấy được khả năng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông, thủy sản có quy mô đủ lớn để thu hút phát triển các hoạt động công nghiệp hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản; (ii) mức độ tập trung về lao động để xác định khả năng tạo công ăn việc làm cho người lao động; mức độ tập trung về giá trị sản xuất để xác định tiềm năng phát triển làm cơ sở để đề xuất, lựa chọn cơ cấu phát triển một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm phát huy được các tiềm năng và lợi thế của ngành nông nghiệp;</p> <p>Về hiện trạng sử dụng đất, biến động và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020: (i) bổ sung phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất khu kinh tế Định An; (ii) trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đã được Chính phủ giao theo từng thời kỳ, cần rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở nghiên cứu,</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>phân tích, dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030. Làm rõ nguyên nhân nhóm các chỉ tiêu quy hoạch thực hiện đạt tỷ lệ thấp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 3%...). Đồng thời rà soát, đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ.</p> <p>Bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai (Điều Nghị định 37), đây là nội dung rất quan trọng, là cơ sở căn cứ để phân vùng sử dụng đất, bố trí sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, đặc điểm, điều kiện tự nhiên của tỉnh.</p>			
5.4	<i>Phân tích điểm mạnh điểm yếu</i>			
	<p>Báo cáo đã phân tích khá đầy đủ các điểm mạnh, điểm yếu của Trà Vinh, tuy nhiên còn phân tích khá chung chung, chưa đề làm sâu sắc, rà soát lại các thế mạnh “Trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh đã xây dựng được hệ thống các quy hoạch phát triển”; Lợi thế dân số vàng, điểm này cần xem xét lại trong bối cảnh xuất cư ngày một gia tăng trong giai đoạn qua, nên tập trung vào các vấn đề cốt lõi về điểm mạnh, điểm yếu của tỉnh.</p>	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5.5	<i>Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và các ngành khác</i>			
	<p>Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cần bổ sung thêm phương hướng tổ chức không gian phát triển, hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>Đối với ngành công nghiệp cần đưa ra phương hướng ưu tiên thu hút đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực sản xuất có tiềm năng như công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến thiết bị điện,...</p>	Tiếp thu ý kiến		Các định hướng chi tiết phát triển các ngành được trình bày trong phương án tổ chức không gian, xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp
5.6	<i>Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>			
	<p>Phương án phát triển các khu chức năng: bổ sung mục tiêu phát triển, các giải pháp, nguồn lực thực hiện của từng khu chức năng.</p> <p>Phương án quy hoạch phân vùng không gian phát triển liên huyện: cần làm rõ cơ sở thực tiễn của việc phân vùng, hiện tại mới chỉ nêu lý thuyết về phân vùng, chưa gắn vào điều kiện cụ thể của Trà Vinh: “Cơ sở phân định các</p>	Tiếp thu ý kiến		Các căn cứ xây dựng phương án phát triển (khu chức năng, phân vùng, phát triển đô thị, vv) được luận giải chi tiết trong các báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>vùng liên huyện dựa vào đặc điểm, tính chất và trình độ phát triển KTXH của các đơn vị hành chính cấp huyện và chú ý tới các tiêu chí tương đồng của các yếu tố phát triển KTXH và các yếu tố về địa lý.</p> <p>Theo đó mỗi vùng liên huyện bao gồm các địa phương gần nhau, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, xã hội, trình độ phát triển, quan hệ hữu cơ về địa lý lãnh thổ, văn hóa, tập quán, liên kết giao thông thuận lợi, có thể cùng sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế như: xử lý chất thải, nghĩa trang, điện, nguồn nước, văn hóa, y tế, giáo dục, trung tâm bảo trợ xã hội...”</p> <p>Tương tự đối với Phương án phát triển không gian đô thị cũng cần làm cụ thể cơ sở phân vùng không gian phát triển đô thị.</p> <p>Phương án phát triển và phân bố không gian và kết cấu hạ tầng quốc phòng, an ninh: đề nghị bám sát nội dung theo hướng dẫn tại Văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>			<p>Phương án phát triển các lĩnh vực quốc phòng, an ninh đã được hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Xin phép được bảo lưu.</p>
5.7	<p><i>Về nội dung phân VII “phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất”</i></p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai là một trong những nội dung chính của Quy hoạch tỉnh; là phương án tích hợp của tất cả cả ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất; giải quyết, xử lý mâu thuẫn, chồng chéo trong việc sử dụng đất nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và địa phương trên cơ sở quỹ đất hiện có, tiềm năng và nguồn lực để phát triển; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay nội dung này thể hiện trong báo cáo còn mờ nhạt, mới chỉ là các con số mà chưa phân tích, luận giải đầy đủ các căn cứ, cơ sở theo các nội dung chính tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Phương án phân bố và khoanh vùng sử dụng đất đã được xây dựng với quá trình tích hợp tuân thủ theo quy định, đã báo cáo Bộ TN&MT và hoàn thiện, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp. Các căn cứ, luận giải, tính toán cụ thể được thể hiện trong báo cáo hợp phần. Xin phép được bảo lưu.</p>
	<p>- Về quan điểm sử dụng đất: Báo cáo thể hiện 6 quan điểm, tuy nhiên còn viết khá dài, cần viết cô đọng, xúc tích. Quan điểm về Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai còn lẫn quan điểm về Biển “Quản lý, khai thác sử dụng triệt để không gian biển thuộc địa phận lãnh thổ tỉnh phục vụ phát triển kinh tế (khai thác, nuôi trồng hải sản, phát triển sản xuất điện gió xa bờ, du lịch biển) và bảo đảm an ninh biển.”</p>	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và hoàn thiện nội dung này

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Về các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030: các chỉ tiêu sử dụng đất do UBND tỉnh Trà Vinh xác định trong báo cáo được dựa trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, định hướng quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, quá trình tính toán quy hoạch cần xem xét, đánh giá xu thế biến động, chuyển dịch đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 – 2020; bổ sung giải trình đầy đủ về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học để tính toán, cân đối, xác định và phân bổ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Các chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai chưa có sự gắn kết với các mục tiêu, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất (như đất an ninh, đất giao thông, đất thủy lợi, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao, đất xây dựng cơ sở văn hóa,...).</p> <p>Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất do UBND tỉnh Trà Vinh xác định cao hơn chỉ tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ như đất rừng phòng hộ cao hơn 1.637 ha; đất</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Đã rà soát và chỉnh sửa các nội dung tích hợp.</p> <p>Việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện dựa trên các căn cứ theo quy định và được giải trình trong các báo cáo hợp phần.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>rừng sản xuất cao hơn 592 ha; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh cao hơn 1.871 ha; đất xây dựng cơ sở y tế cao hơn 10 ha; đất công trình năng lượng cao hơn 461 ha; đất công trình bưu chính, viễn thông cao hơn 7 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải cao hơn 8 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa cao hơn 13 ha. UBND tỉnh Trà Vinh giải trình, làm rõ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học để đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.</p> <p>Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh xác định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tăng nhiều trong kỳ quy hoạch như đất thương mại, dịch vụ tăng 1.915 ha (hiện trạng 226 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 503 ha (hiện trạng 467 ha, đất ở tại đô thị tăng 1.393 ha (hiện trạng 975 ha),... đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh cần xem xét kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 – 2030, khả năng bố trí đầu tư công của toàn tỉnh, khả năng thu hút đầu tư,... để bố trí quỹ đất cho phù hợp với điều kiện giới hạn về tổng diện tích, đáp ứng nhu cầu của tất cả các ngành, lĩnh vực và các địa phương.</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đề nghị Cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, rà soát đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ, theo đó các chỉ tiêu sử dụng đất: đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; đất cơ sở tôn giáo; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất có di tích lịch sử văn hóa và đất bãi thải, xử lý chất thải không thuộc chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh. Tại phụ lục 54 Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các chỉ tiêu: đất xây dựng kho dự trữ quốc gia, đất có di tích lịch sử - văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải không thuộc chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh.</p>			
	<p>Về chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất: theo dự thảo quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, cần chuyển 9.959 ha đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp (trong đó có 489 ha đất rừng phòng hộ), thực hiện thu hồi 7.753 ha (trong đó có 113 ha đất rừng phòng hộ). Tỉnh cần làm rõ nguồn lực thực hiện, căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học của việc chuyển mục đích sử dụng, thu</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa</p>		<p>Đã rà soát, chỉnh sửa các chỉ tiêu liên quan</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>hồi đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ rừng và chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 để đảm bảo tính khả thi, tránh lãng phí đất khi chuyển mục đích nhưng không sử dụng; đồng thời cần thống nhất diện tích cần chuyển mục đích, thu hồi đất giữa các bảng biểu, nội dung thuyết minh (bảng 7.17 đất chuyên trồng lúa nước cần thu hồi là 747 ha tuy nhiên tại bảng 7.18 chỉ có 730 ha đất chuyên trồng lúa nước cần chuyển mục đích sử dụng đất; tại bảng 7.18 có 214 ha đất trồng lúa chuyên sang đất trồng cây lâu năm tuy nhiên tại trang 685 chỉ thể hiện chuyển 67 ha).</p>			
	<p>- Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh xác định, bổ sung diện tích các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản (bao gồm đất, cát) đang đề xuất khoáng định, khai thác theo các giấy phép đã được cấp cho phù hợp với các quy định tại Điều 9 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</p>	Tiếp thu ý kiến		Đã bổ sung và chỉnh sửa

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
II	GIẢI TRÌNH THEO Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG (ĐẠI DIỆN BỘ, NGÀNH)			
1	Bộ Ngoại giao (CV Số 4377/BNG-THKT, ngày 10.10.2022)			
	<i>Về văn cứ lập QH:</i> đề nghị tiếp tục rà soát, bỏ các văn bản bị trùng lặp và văn bản chưa được ban hành (Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030...), bổ sung các văn bản liên quan như Luật Biên giới quốc gia 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức CP và Luật tổ chức chính quyền địa phương (2019), NQ 143/NQ-CP...	Tiếp thu và chỉnh sửa		
	<i>Về phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:</i> đề nghị cân nhắc bổ sung một số văn bản liên quan, là cơ sở để xác định phần không gian biển như Luật TNMT và hải đảo 2015, ND 40/2016/ND-CP, đồng thời cân nhắc sửa lại như sau “phần không gian biển được xác định trên cơ sở..”	Tiếp thu và chỉnh sửa		
	<i>Về phương án phát triển KTXH:</i> cân nhắc lồng ghép một số nội dung để đạt mục tiêu: (i) gắn kết triển khai đồng bộ hội nhập kinh tế với khu vực phía Nam và ĐBSCL, tận dụng triệt để hiệu quả các FTAs song	Tiếp thu		Đồng ý tiếp thu và đã bổ sung vào bản báo cáo tổng hợp quy hoạch

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>phương và đa phương, thông qua đầu tư và mở rộng thị trường; (ii) đảm bảo phát triển địa phương gắn với mục tiêu quốc gia về chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh, bền vững, song song với quy hoạch ĐBSCL với mục tiêu xây dựng đồng bộ, hiện đại, phân bổ hợp lý và thích ứng với BĐKH, tạo môi trường sống bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân gắn với bảo tồn thiên nhiên và hệ sinh thái của địa phương</p>			
	<p><i>Về dự thảo quyết định phê duyệt:</i></p> <p>Tại điểm 1, điều 1, cần nhắc chỉnh sửa như sau: Phần không gian biển được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam, Luật TNMT và Hải đảo 2015, Nghị định 40/2016/NĐ-CP, Nghị định 11.2021/NĐ-CP và các quyết định có liên quan</p> <p>Tại điểm II.1.b, điều 1: đề nghị sửa lại như sau “ phát triển đồng bộ, có kế thừa và phù hợp với Chiến lược phát triển KTXH...”</p> <p>Tại điều 2: đề nghị sửa lại như sau “sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt...”</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (CV số 6480/BNN-KH, ngày 27.09.2022)			
2.1	<i>Các quy hoạch thời kỳ trước đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>			
	<p>Đề nghị bổ sung các quy hoạch sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 639/QĐ-BNN-KH, ngày 02/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu. - Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 định hướng đến 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng 		Bảo lưu	Các căn cứ trên đã được tính đến trong căn cứ xây dựng Quy hoạch phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2.2	<i>Về thực trạng phát triển các ngành kinh tế</i>			
	- Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế của tỉnh: phần tác động đến sản xuất nông nghiệp đề nghị bổ sung tác động đến chăn nuôi, trồng trọt, đặc biệt	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung đánh giá theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	là tác động đến sản xuất lúa của tỉnh để có giải pháp phát triển phù hợp.			
	- Đề nghị đánh giá tình hình xây dựng nông thôn mới của Tỉnh trong thời gian qua (số lượng các xã, các huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao...).		Bảo lưu	Nội dung tích hợp đánh giá tình hình xây dựng NTM và gắn với phát triển kinh tế đã được trình bày tại điểm 2.3.3, mục 2.3, phần II. Xin phép được bảo lưu.
	- Hiện trạng sử dụng đất, trong đó có hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp đề nghị có so sánh với các chỉ tiêu đất được phân bổ tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Trà Vinh.	Tiếp thu ý kiến		Nội dung này đã được trình bày chi tiết trong báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
	- Đề nghị bổ sung đánh giá về tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh, tình hình chuyển đổi từ đất lúa sang nuôi trồng thủy sản, cây ăn trái...		Bảo lưu	Các nội dung phân tích và đánh giá về chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp đã được tích hợp trong báo cáo, xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp.
	- Thực trạng phát triển các ngành nông lâm nghiệp thủy sản đề nghị bổ sung đánh giá phần phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh...		Bảo lưu	Diễn biến cơ cấu các ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC, vv đã được tích hợp trong nội dung 2.2.1, mục 2.2, phần II. Xin phép được bảo lưu.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.3	<i>Về mục tiêu phát triển</i>			
	- Mục tiêu cụ thể đề nghị tham khảo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.		Bảo lưu	Các mục tiêu xây dựng NTM của tỉnh đã được xây dựng dựa trên các văn bản cập nhật mới nhất.
2.4	<i>Về quan điểm phát triển</i>			
	Đổi với nông nghiệp cần thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là lúa sang tuy duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường, chuyển từ phát triển số lượng sang chất lượng; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển mạnh mẽ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã rà soát và chỉnh sửa phát biểu về quan điểm và mục tiêu phát triển nông nghiệp theo các ý kiến đóng góp.
2.5	<i>Về phương hướng phát triển</i>			
	- Phương án phòng chống thiên tai: Đề nghị rà soát, tiếp thu đầy đủ các nội dung đã góp ý tại văn bản 3080/BNN-KH ngày 17/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung góp ý tại văn bản 3080/BNN-KH đã được tiếp thu đầy đủ trong báo cáo thuyết minh

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Phát triển nông thôn, phù hợp với Quy hoạch thủy lợi phòng chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai xây dựng.			
	- Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng cho nông nghiệp (hạ tầng phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy sản...).		Bảo lưu	Phương án phát triển hạ tầng phòng chống thiên tai, vv đã được trình bày tại phần VI của báo cáo thuyết minh, xin phép được bảo lưu
	- Phân bố không gian phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản: Đề nghị bổ sung chi tiết diện tích sản xuất các đối sản phẩm: Diện tích trồng lúa tập trung chất lượng cao, diện tích cây ăn trái, diện tích nuôi trồng thủy sản...		Bảo lưu	Diện tích phát triển các cây trồng chính đã được trình bày tại điểm 2.2, mục II, phần IV. Xin phép được bảo lưu để tránh trùng lặp.
2.6	<i>Danh mục các dự án ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch</i>			
	đề nghị bổ sung các dự án sau: - Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản các xã Dân Thành, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và bổ sung các dự án có căn cứ pháp lý

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án Công trình thủy lợi vùng Nam Mãng Thít - Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên. - Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn. - Dự án Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè với số vốn 100 tỷ đồng. - Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải. 			
2.7	<i>Ý kiến khác</i>			
	<p>Hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cơ bản hoàn thành Hồ sơ xây dựng 04 Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực nông nghiệp (Lâm nghiệp; Phòng, chống thiên tai và thủy lợi; Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá) và đang hoàn thiện các thủ tục để thành lập Hội đồng thẩm định. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong</p>	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đề án Quy hoạch Tỉnh phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên			
3	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (CV số /LĐTBXH-KHTC, ngày .10.2022)			
3.1	<i>Về căn cứ lập quy hoạch</i>			
	<p>- Tại điểm 3.2.2. Các Luật có liên quan khác (trang 8-9): Đề nghị bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH14 vì có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực.</p> <p>- Tại điểm 3.3. Các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (từ trang 9- 13): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Tại điểm 3.4. Các quy hoạch cấp trên (từ trang 13-15): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.			
3.2	<i>Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh</i>			
	- Đề nghị sửa tiêu đề để thống nhất với điểm a khoản 2 Mục IV Điều 1 Quyết định số 804/QĐ-TTg nêu trên và quy định về nội dung quy hoạch tỉnh tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (có nội dung dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Trà Vinh).	Đã tiếp thu và chỉnh sửa		
	- Tại điểm 1.2.2. Nguồn lao động (trang 28-29): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung dự báo về dân số, lực lượng lao động, cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng nghề		Bảo lưu	Nội dung dự báo nhu cầu nguồn lực được trình bày chi tiết trong các báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này
3.3	<i>Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng đất</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Tại điểm 2.2.1. Thực trạng dân số, lao động (từ trang 121-132): Nội dung này đã đánh giá khá đầy đủ về thực trạng lao động, việc làm, an sinh xã hội. Các nội dung liên quan đến quy mô, chất lượng nguồn nhân lực được phân tích, đánh giá kỹ, thông tin, số liệu đầy đủ. Tuy nhiên, để làm rõ hơn về nguồn nhân lực chủ yếu phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian qua, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá cơ cấu lực lượng lao động theo nhóm tuổi; nhân lực làm việc trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng, chủ lực của tỉnh.</p>	Tiếp thu và giải trình		Cơ cấu lao động theo ngành đã được phân tích chi tiết trong báo cáo hợp phần và được tích hợp tại điểm 2.2.1, mục 2.2, phần II.
	<p>+ Tại điểm 2.5.1.2. Cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp (từ trang 226-229): Nội dung này đã đánh giá khá đầy đủ về thực trạng hạ tầng giáo dục, đào tạo của tỉnh. Trong đó có thực trạng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (về số lượng, phân bố không gian, sử dụng đất). Tuy nhiên, đề nghị sửa tiêu đề cho phù hợp vì hệ thống giáo dục nghề nghiệp bao gồm trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; bổ sung thêm đánh giá về quy mô đào tạo của cả hệ thống các cơ sở đào tạo của tỉnh theo các cấp trình độ</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đánh giá chi tiết về số lượng và chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã được phân tích trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính chất tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các vấn đề đặt ra đối quy hoạch thời kỳ 2021-2030.			
	+ Tại điểm 2.5.5. Kết cấu hạ tầng an sinh xã hội và các kết cấu hạ tầng khác (từ trang 242-245): Nội dung này đã đánh giá đầy đủ về hạ tầng dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy) về số lượng, quy mô, phân bố không gian và sử dụng đất	Tiếp thu ý kiến		
3.4	<i>Quan điểm, các phương án phát triển, mục tiêu, chỉ tiêu và các khâu đột phá trong phát triển tỉnh</i>			
	- Điểm 3.2 Mục III về phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo (từ trang 339-347): Đề nghị rà soát, thống nhất 01 mục riêng về phương án phát triển giáo dục nghề nghiệp (<i>trong đó, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dạy nghề</i>), từ mục tiêu, định hướng phát triển trong thời kỳ quy hoạch.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã điều chỉnh theo ý kiến đóng góp
	- Mục IV. Phương hướng phát triển dân số - lao động - việc làm - an sinh xã hội (từ trang 355, 356): Đề nghị nghiên cứu, lược bỏ “quan điểm phát triển” và tập trung xác định mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ,		Bảo lưu	Quan điểm của ban soạn thảo vẫn để nội dung “Quan điểm phát triển” để thống nhất với tất cả các lĩnh vực khác

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	giải pháp phát triển các lĩnh vực này trong thời kỳ quy hoạch			
3.5	<i>Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>			
	- Về phương án phát triển hạ tầng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: Về cơ bản Quy hoạch tỉnh Trà Vinh đã đề cập đầy đủ đến phương án phát triển các cơ sở thuộc hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội theo quy định của Luật Quy hoạch, bao gồm cả quy mô, định hướng phân bố không gian, sử dụng đất cho các cơ sở.	Tiếp thu ý kiến		
	- Tại điểm 5.1 Mục V về phương án phân bố không gian và kết cấu hạ tầng phát triển giáo dục (từ trang 571- 582): Đề nghị rà soát, thống nhất 01 mục riêng về phương án phát triển hạ tầng các cơ sở đào tạo đại học và giáo dục nghề nghiệp (<i>trong đó, các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp gồm các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dạy nghề</i>); làm rõ hơn từ mục tiêu, định hướng, phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch (<i>về số lượng cơ sở, quy mô đào tạo, phân bố không gian,</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã điều chỉnh theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<i>nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời kỳ quy hoạch, phát triển giáo viên, cơ sở vật chất nhằm bảo đảm chất lượng công tác đào tạo...).</i>			
	- Tại điểm 5.4. Phương án phân bố không gian và kết cấu hạ tầng an sinh xã hội (từ trang 599-603): Nội dung này đã thể hiện đầy đủ phương án phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung phương án phát triển Trung tâm dịch vụ việc làm (thuộc Danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ).	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung nội dung phát triển Trung tâm dịch vụ việc làm.
3.6	<i>Danh mục dự án ưu tiên</i>			
	Đề nghị rà soát, xây dựng danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện, nhu cầu vốn và phân bố không gian, sử dụng đất... (các dự án từ cấp liên huyện trở lên); đối với các dự án, công trình quy mô nhỏ (cấp huyện, xã...) có thể nghiên cứu để đưa vào các danh mục khác.	Tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đồng thời, đề nghị rà soát kỹ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy), nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách.</p>		Bảo lưu	<p>Các dự án đề xuất đã được đơn vị chủ trì (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) rà soát và thống nhất với dự thảo</p>
4	<p>Bộ Nội vụ (CV số 4950/BNV – CQĐP, ngày 05.10.2022)</p>			
	<p>Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 1866/BNV-CQĐP ngày 09/5/2022 (kèm theo) gửi UBND tỉnh Trà Vinh góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh gửi kèm theo Văn bản số 6578/HĐTĐ-CV của Hội đồng thẩm định chưa có nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Nội vụ về đề nghị bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của</p>		Bảo lưu	<p>Trong giai đoạn 2019 - 2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội mới ban hành chủ trương bằng một văn bản quy phạm pháp luật về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021. Còn thời gian trước năm 2021, không có chủ trương của cấp thẩm quyền về việc Quy hoạch đơn vị hành chính hoặc việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đảng. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Nội vụ			Ngày 12/9/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 595/2022/NQ-UBTVQH15 về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Do các tỉnh còn phải chờ cấp thẩm quyền ở Trung ương... tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện cụ thể chuyên môn nghiệp vụ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn sắp tới, nên tỉnh Trà Vinh chưa hội đủ căn cứ pháp lý để Quy hoạch đơn vị hành chính hoặc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
	Về phương án phát triển hệ thống đô thị (tại khoản 3 mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1.2 mục I Phần V Báo cáo tổng hợp): Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh rà soát, bảo đảm thống nhất giữa Dự thảo Quyết định của Thủ tướng và Báo cáo tổng hợp. Tại trang 378 Báo cáo tổng hợp định hướng đô thị Duyên Hải được công nhận là đô thị loại	Tiếp thu ý kiến		Ban soạn thảo đã rà soát và điều chỉnh thống nhất giữa Báo cáo thuyết minh tổng hợp và Dự thảo quyết định của TTg (TX Duyên Hải đạt tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025).

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	III trong giai đoạn 2021-2025 và thành lập thành phố trong giai đoạn sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, trang 19 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ lại định hướng đô thị Duyên Hải hoàn thành các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 (chưa được công nhận loại III) và thành lập thành phố vào năm 2030,...			
5	Bộ Thông tin và Truyền thông (CV số 4884/BTTTT-VCL, ngày 30.09.2022)			
5.1	<i>Ý kiến góp ý tổng thể</i>			
	<p>Thế kỷ XXI là thế kỷ của 2 cuộc chuyển đổi quan trọng nhất: chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Chuyển đổi xanh và chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển. Chuyển đổi xanh cần gắn liền, song hành với chuyển đổi số, công nghiệp xanh gắn liền với công nghiệp số.</p> <p>Dữ liệu đang trở thành nguồn tài nguyên mới, là yếu tố đầu vào mới của nền kinh tế. Áp dụng các công nghệ số, hạ tầng vật lý trở nên “thông minh hơn” nhờ sinh ra dữ liệu số giúp quản lý, khai thác hiệu quả hơn</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>trong quá trình vận hành hạ tầng vật lý. Đây là quá trình chuyển đổi số hạ tầng. Do vậy, trong quy hoạch phải bao gồm tài nguyên dữ liệu. Các quy hoạch hạ tầng (giao thông, năng lượng..) phải song hành, đồng bộ cùng hạ tầng số.</p> <p>Kinh tế số sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong nền kinh tế. Quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm/động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế phải đi cùng quy hoạch các trung tâm dữ liệu.</p> <p>Các công nghệ số đóng vai trò chủ chốt trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Muốn phát triển công nghiệp, tỉnh cần phải xác định công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp then chốt.</p> <p>Báo chí, xuất bản, truyền thông phải là một loại hạ tầng xã hội để có đầu tư tương xứng.</p>			
5.2	<i>Ý kiến góp ý cụ thể</i>			
	Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 1739/BTTTT-VCL ngày 10/05/2022 về việc tham gia ý kiến quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm		Bảo lưu	Các nội dung giải trình quy hoạch của các Bộ, Ngành đã được tổng hợp trong Báo cáo giải trình gửi kèm hồ sơ quy hoạch tỉnh.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, một số nội dung chưa được tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa.			
	<p>Đề nghị bổ sung những căn cứ lập quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 8/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030. - Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. - Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. - Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. 	Tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</p> <p>- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</p>			
	<p>Trang 210, mục 2.4.5.2. Mạng lưới viễn thông, đề nghị nghiên cứu điều 27, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 để xác định rõ khái niệm, phạm vi hạ tầng viễn thông bao gồm tuyến viễn thông quốc tế; quốc gia; liên tỉnh; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh. Bổ sung những nội dung còn thiếu theo quy định tại điều 27, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và đánh giá hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số.</p>		Bảo lưu	<p>Các nội dung phân tích đã được trình bày đầy đủ tại nội dung 2.4.5, mục 2.4, Phần II của báo cáo thuyết minh. Xin phép được bảo lưu nội dung này.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Trang 214, mục 2.4.5.5. Hạ tầng báo chí và truyền thông, đề nghị bổ sung hiện trạng của mạng lưới thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho việc xây dựng định hướng và phương án phát triển hạ tầng báo chí và truyền thông tại phần d. Hạ tầng phát thanh, truyền hình, báo chí, ... thuộc mục 4.4. Phương án phát triển mạng lưới thông tin – truyền thông, trang 532.	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung phân tích và đánh giá theo ý kiến đóng góp đã được Sở TTTT thống nhất trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần, được tích hợp trong báo cáo thuyết minh. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)
	Trang 215, mục 2.4.5.6. Hạ tầng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp (tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4), tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ; hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh; hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, nhân lực số và đánh giá về hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung phân tích và đánh giá theo ý kiến đóng góp đã được Sở TTTT thống nhất trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần, được tích hợp trong báo cáo thuyết minh. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)
	Trang 530, phần c. Hạ tầng CNTT, an toàn thông tin, ứng dụng CNTT, đề nghị bổ sung phương án/định hướng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong các cơ quan nhà	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung góp ý đã được Sở TTTT thống nhất trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần, được tích hợp trong báo cáo thuyết

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nước; mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế số, xã hội số và nguồn nhân lực số.			minh. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp
	<p>Trang 538. Mục 6. An toàn thông tin, đề nghị bổ sung những định hướng sau:</p> <p><i>Chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia tại tất cả các mảng của an toàn thông tin mạng; nâng cao chất lượng nhân lực an toàn thông tin mạng của tỉnh so với khu vực và cả nước.</i></p> <p><i>Kinh phí bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt tối thiểu 10% kinh phí khoa học công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.</i></p> <p><i>Đảm bảo mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước có một bộ phận được giao nhiệm vụ làm đầu mối, chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Khuyến khích các doanh nghiệp khác có một đơn vị bảo đảm an toàn, an ninh mạng.</i></p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		
	Bản đồ	Tiếp thu ý kiến		Hệ thống bản đồ được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5746 của Bộ KH&ĐT

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Bản đồ hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động: đề nghị bổ sung mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh, hạ tầng phát thanh, truyền hình tỉnh, huyện.</p> <p>Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: đề nghị bổ sung quy hoạch ngầm hóa mạng cáp.</p>			
6	Bộ Tư pháp (CV số 3598/BTP-PLDSKT, ngày 26.09.2022)			
	<p>Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch là những vấn đề mang tính chuyên môn sâu, không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định; nội dung QH tỉnh Trà Vinh không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp thuộc phạm vi tích hợp trong quy hoạch tỉnh, do đó Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này.</p>	Tiếp thu ý kiến		
7	Bộ Xây dựng (CV số 4597/BXD-QHKT, ngày 12.10.2022)			
7.1	Về phân tích, đánh giá hiện trạng			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đánh giá các ảnh hưởng của vấn đề ngập úng và xâm nhập mặn tại Trà Vinh, đặc biệt là các ảnh hưởng khi có tổ hợp triều cường, NBD và lũ sông đến khả năng tiêu thoát nước; cũng như ảnh hưởng của triều cường, NBD và mùa kiệt với ngư cơ xâm nhập mặn, do đặc thù tỉnh ở ven biển và giới hạn bởi 2 nhánh sông lớn là sông Cổ Chiên và sông Hậu</p>		Bảo lưu	<p>Các nội dung phân tích và đánh giá đã được trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)</p>
	<p>Theo số liệu thống kê, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh hiện ở mức thấp (khoảng 20%) và chỉ đạt 50% so với chương trình phát triển đô thị của tỉnh. TP Trà Vinh, TX Duyên Hải hiện có quy mô dân số thấp hơn so với tiêu chuẩn đô thị loại III. Điều này cho thấy cần phải có nhiều giải pháp phấn đấu để hệ thống đô thị của tỉnh đạt được các mức theo quy hoạch, chương trình đô thị đã được phê duyệt;</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Các giải pháp đã được trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)</p>
	<p>Bổ sung trích dẫn nguồn tài liệu đối với các số liệu hiện trạng, số liệu đánh giá về BDKH cập nhật đến thời điểm 2020; bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng về hạ tầng nghĩa trang, hạ tầng xử lý chất thải, hạ tầng cấp nước đô thị.</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Nội dung Phương án tổ chức không gian phát triển nên tách thành 02 mục riêng là Phương án tổ chức hệ thống đô thị-nông thôn và Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện. Làm rõ được định hướng phân vùng là 02 vùng (liên huyện) hay 03 vùng (đô thị).	Tiếp thu và giải trình		Nội dung các phương án tổ chức không gian đã tách biệt khá rõ: không gian phát triển vùng liên huyện (02 vùng); vùng huyện; phát triển không gian đô thị (03 vùng) và nông thôn. Xin phép được bảo lưu nội dung này.
	Theo đánh giá hiện trạng, đề nghị nghiên cứu phương án phân chia 03 vùng phát triển trong đó vùng phía Tây có thể tách thành Tây Bắc (trung tâm là TP Trà Vinh) và vùng Tây Nam (trung tâm là đô thị Tiểu Cần).		Bảo lưu	Bảo lưu ý kiến chia thành 2 vùng liên huyện vì việc tách thành 3 không có hiệu ứng tốt hơn mà lại làm chia cắt vùng phía Tây thành 2 vùng là không hợp lý.
	Rà soát, bổ sung đánh giá phân loại đô thị đối với hệ thống đô thị của tỉnh; trên cơ sở quy mô diện tích và dân số được rà soát, đề xuất các quy hoạch hành chính lãnh thổ, làm cơ sở thực hiện mở rộng, sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh theo tinh thần NQ số 37-NQ/TW ngày 24/12/22018 của BCT về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.	Tiếp thu và giải trình		Các nội dung phân tích và đánh giá chi tiết đã được thể hiện trong báo cáo hợp phần. Báo cáo thuyết minh đã tích hợp các nội dung đánh giá, xin phép được bảo lưu để đảm bảo mức độ tích hợp.
7.2	<i>Về các chỉ tiêu phát triển đô thị</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đề nghị nghiên cứu, xác định các mục tiêu cụ thể về hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế đô thị đảm bảo tinh thần nghị quyết 06-NQ/TW của BCT	Tiếp thu và giải trình		Các mục tiêu phát triển đô thị được trình bày tại điểm 1.2, mục I, Phần V.
7.3	<i>Về định hướng phát triển đô thị</i>			
	Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung đánh giá khả năng thực hiện định hướng phát triển đô thị, đơn vị hành chính đô thị của tỉnh trong thời gian tới đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế phát triển địa phương;	Tiếp thu và giải trình		Bổ sung tại mục “3.3.2. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị”- phần đánh giá hiện trạng, mục “1.2.1. Kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị tỉnh giai đoạn 2015-2020”-Phần II. Mục “Đô thị cấp Quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp Quốc gia, quy hoạch trên địa bàn tỉnh”, mục “Phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn” mục” 1.2.7.3. Đơn vị hành chính” – Phần V.
	Đề nghị rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển, xác định các chỉ tiêu chính phát triển đô thị, các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về Phân loại đô thị.	Tiếp thu ý kiến		Bổ sung tại mục “3.3.2. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị”- phần đánh giá hiện trạng, mục “1.2.1. Kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị tỉnh giai đoạn 2015-2020” – Phần II. Mục “Đô thị cấp Quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				cấp Quốc gia, quy hoạch trên địa bàn tỉnh”, mục “Phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn.” – Phần V
	Bổ sung các phân tích về tính khả thi và hệ lụy của việc dự báo tăng trưởng dân số rất cao tại các đô thị Trà Vinh, Tiểu Cần, Càng Long, Cầu Ngang (gấp 2,5 lần so với hiện trạng năm 2020). Nội dung định hướng phát triển từng đô thị nên hướng tới việc làm cơ sở cho công tác quy hoạch đô thị, cụ thể là các nội dung liên quan đến tính chất, chức năng, khung định hướng phát triển không gian đô thị, mô hình phát triển, đặc trưng đô thị và một số chỉ tiêu chính của từng đô thị	Tiếp thu và giải trình		Phương án quy hoạch các đô thị bao gồm việc mở rộng địa giới hành chính, dẫn đến quy mô dân số có sự thay đổi lớn (nhất là đô thị Trà Vinh, Tiểu Cần). Các phương án này đã được cơ quan tham mưu (Sở Xây dựng) rà soát và thống nhất đề xuất. Xin phép được bảo lưu nội dung này.
	Xem xét, nghiên cứu định hướng phát triển các trung tâm cụm xã tập trung với quy mô 1500 người để phù hợp mô hình định cư và canh tác hiện nay của vùng nông thôn tỉnh Trà Vinh; làm rõ nội dung cần hướng tới của các Bảng 5.2, 5.7 (đề xuất tách hay gộp các xã).	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã tiếp thu và chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến đóng góp
	Định hướng phát triển nhà ở nên gộp chung thành một mục cho cả phần đô thị và nông thôn, lưu ý chỉ tiêu 12m ² sàn nhà ở/người cho khu vực đô thị là quá thấp,	Tiếp thu và chỉnh sửa		Bổ sung và hoàn thiện tại các nội dung 1.2 và 1.3, mục I, Phần V

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	không phù hợp Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, chưa đảm bảo tiện nghi cho người dân đô thị.			
7.4	<i>Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện</i>			
	Các nội dung đưa vào chủ yếu liên quan đến tính chất, chức năng, khung định hướng phân vùng chức năng, hệ thống đô thị - nông thôn, và một số chỉ tiêu chính của từng vùng liên huyện, vùng huyện làm cơ sở cho việc thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Các nội dung chi tiết về KTXH, định hướng không gian, đất đai, hạ tầng của từng huyện không nên đưa vào nội dung Báo cáo QH tỉnh.	Tiếp thu ý kiến		Nội dung chi tiết quy hoạch vùng huyện đã được cơ quan chức năng (Bộ KH&ĐT) tham gia góp ý bằng văn bản. Ban soạn thảo xin phép ghi nhận ý kiến đóng góp và bảo lưu nội dung này.
7.5	<i>Về hạ tầng kỹ thuật</i>			
	Các nội dung về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1,2,3,4 và 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung sau: Làm rõ quan điểm, mục tiêu về phát triển hạ tầng kỹ thuật. Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố công trình hạ tầng kỹ thuật – cấp nước, thoát	Tiếp thu và giải trình		Các phân tích, đánh giá, dự báo, xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cho từng lĩnh vực đã được trình bày trong các nội dung trước đó (đánh giá thực trạng, phương án phát triển lĩnh vực...). Phần phương án phát triển kết cấu hạ tầng không thể tách rời các nội dung của phương án phát triển lĩnh vực

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nước, xử lý CTR... trong đó bổ sung đánh giá hiện trạng, phân tích xác định nhu cầu, dự báo quy mô công trình hạ tầng theo từng giai đoạn quy hoạch và đề xuất nội dung quy hoạch cần cụ thể, căn cứ trên thực tế, đánh giá từ hiện trạng, dự báo nhu cầu còn thiếu làm cơ sở đề xuất giải pháp đáp ứng năm mục tiêu (2025, 2030, 2050); diễn giải cơ sở tính toán, các chỉ tiêu, bổ sung các bảng tính toán dự báo khối lượng, quy mô cho các giai đoạn phát triển			liên quan. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu để tránh trùng lặp.
	Bổ sung, đánh giá hiện trạng tình hình triển khai 02 Khu liên hiệp xử lý CTR tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành và Khu xử lý liên huyện tại xã Long Hữu, huyện Duyên Hải theo quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 14/01/2013...nhằm đảm bảo phù hợp với các khu vực sẽ quy hoạch mới, các khu hiện hữu cần mở rộng và nâng cấp (nếu có)	Tiếp thu và chỉnh sửa		Nội dung góp ý đã được bổ sung tại điểm 2.4.6, mục 2.4, Phần II
	Tại mục 4.6 Phương án HTKT khu xử lý CTR: cần đưa ra phương án cụ thể và so sánh với quy hoạch đã và đang triển khai; bổ sung thông tin quy mô diện tích đối với 06ha địa điểm quy hoạch; không đề xuất đơn vị quản	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và chỉnh sửa theo nội dung góp ý

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	lý vận hành hay chủ trương đầu tư trong hồ sơ quy hoạch vì không có căn cứ và không phù hợp quy định			
	Làm rõ phương án kết nối hệ thống hạ tầng cấp nước của tỉnh với hệ thống KCHT cấp nước quốc gia và vùng, phương án phát triển hạ tầng cấp nước sạch trên phạm vi toàn tỉnh. Bổ sung thông thôn, nội dung quy hoạch trong hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch (vị trí: nêu rõ tên nhà máy, quy mô công suất hiện trạng, đề xuất mới và quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước quy mô vùng, tỉnh.	Tiếp thu và giải trình		Theo Quyết định số 2140/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 08/11/2016 về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đầu tư và xây dựng tuyến ống tải nước của nhà máy nước liên tỉnh sông Tiền 2 và cũng như tại các phân vùng khác trên địa bàn tỉnh
	Về chỉ tiêu cấp nước, đề nghị thống nhất chỉ tiêu về tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch tại khu vực đô thị, nông thôn đến năm 2025 và 2030 (trang 309 và 646). Tính đến năm 2025, dự kiến dân số toàn tỉnh được sử dụng nước sạch đạt khoảng 99%, đây là một chỉ tiêu khó thực hiện, cần nghiên cứu, đánh giá các giải pháp tổ chức thực hiện nhằm đạt được chỉ tiêu này phù hợp với thực tế địa phương	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Các nội dung chi tiết được thể hiện trong các báo cáo hợp phần có liên quan. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này cho phù hợp với tính chất tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp).

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Bổ sung phụ lục tính toán nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và năm 2030 trong đó tính toán lượng nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công cộng, dịch vụ, tưới cây rửa đường, sản xuất TTCN, nước thất thoát, vv	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Các nội dung chi tiết được thể hiện trong các báo cáo hợp phần có liên quan. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này cho phù hợp với tính chất tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Các chỉ tiêu tính toán lại Bảng 3.3 (mục 3.3), các số liệu đưa ra cần căn cứ đánh giá thực tế và nhu cầu phát triển, khả năng, nguồn lực đầu tư để đạt được mục tiêu (VD: CTR, nghĩa trang, vv)	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Các chỉ tiêu đề xuất đã được tính toán và đề xuất bởi cơ quan tham mưu (các sở liên quan) và được trình bày trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này cho phù hợp với tính chất tích hợp của báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Đề nghị bổ sung phương án phát triển mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch ĐBSCL, bổ sung mạng lưới cấp nước liên huyện theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 27 của Luật quy hoạch	Tiếp thu và chỉnh sửa		Theo Quyết định số 2140/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 08/11/2016 về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đầu tư và xây dựng tuyến ống tải nước của nhà máy nước liên tỉnh sông Tiền 2.
8	Bộ Công An (CV số 3683/BCA-ANKT, ngày 24/10/2022)			
8.1	Về quy hoạch SDD an ninh			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Theo thông kê của BCA, tổng diện tích đất an ninh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh do BCA đang quản lý, sử dụng là 237,99ha. Đối chiếu với số liệu tại bảng 7.2 (trang 678) dự thảo Báo cáo quy hoạch tỉnh Trà Vinh, hiện trạng đất an ninh có diện tích 238ha, là phù hợp với số liệu của BCA	Tiếp thu ý kiến		Sự chênh lệch (nhỏ) về số liệu là do làm tròn số, đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp
	Tại bảng 5.19 (trang 484) của dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh Trà Vinh: số liệu về diện tích đất trụ sở CA huyện Tiểu Cần do CA tỉnh Trà Vinh giao cho địa phương quản lý giai đoạn 2021-2030 (2,4ha) là chưa chính xác. Đề nghị điều chỉnh: diện tích đất trụ sở CA huyện Tiểu Cần giao cho địa phương quản lý là 2,404ha, gồm 2 vị trí: (1) Khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần với diện tích là 1,6210ha và 92) Ấp Cây Hẹ, Phú Cần, huyện Tiểu Cần với diện tích là 0,7830ha.	Tiếp thu và chỉnh sửa		
	Tại điểm b, mục 3.3.2 (trang 689): đất an ninh quy hoạch giảm 6ha trong giai đoạn 2020-2030, tại trang 706 diện tích đất an ninh bị thu hồi là 5ha, tại mục 2.2 (Bảng 7.17) diện tích đất an ninh bị thu hồi là 5ha, trong đó TP Trà Vinh là 1ha và TX Duyên Hải là 4ha. Đề nghị làm	Tiếp thu ý kiến		-2 vị trí đất: Trụ sở Công an tỉnh (Cơ sở I và Bến tạm giữ phương tiện vi phạm TTATGT đường thủy nội địa và kho vật chứng trên sông huyện Tiểu Cần đã được sự thống nhất của Bộ Công an và UBND tỉnh loại ra khỏi

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	rõ: vị trí đất an ninh quy hoạch giảm, thu hồi (địa điểm đến đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất) và lý do của việc quy hoạch giảm, thu hồi đất an ninh này có thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển KTXH vì lợi ích quốc gia công cộng theo quy định tại Điều 62, 63, 66 của Luật Đất đai 2013?			đất an ninh, đang chờ để trình TTg phê duyệt Vị trí của - Trụ sở phòng ngoại tuyến di dời về trụ sở mới của Công an tỉnh - Trụ sở Công an huyện Tiểu Cần (Cơ sở 1 và cơ sở 2), trụ sở Công an huyện Cầu Kè, trụ sở Công an huyện Càng Long sẽ bàn giao cho địa phương quản lý và xin ý kiến Bộ Công an bán tài sản trên đất để có kinh phí xây dựng trụ sở mới
	Hiện nay BCA đang triển khai lập quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, dự kiến quy hoạch SDD an ninh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là 312,73ha (số lượng, vị trí, diện tích cụ thể sẽ được thống nhất và thể hiện trong quy hoạch SDD an ninh), cao hơn 51,73ha so với chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg (261ha). Do đó, đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh rà soát, hiệu chỉnh số liệu chỉ tiêu diện		Bảo lưu	Hiện tại tỉnh đề xuất theo kế hoạch phân bổ quốc gia (quyết định 326). Tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để cập nhật tình hình và thống nhất phương án xử lý.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	tích đất an ninh trên địa bàn tỉnh theo số liệu dự kiến của BCA. BCA sẽ phối hợp với Bộ TN&MT và UBND tỉnh Trà Vinh báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ đất an ninh giữa các địa Phương theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Luật Quy hoạch và quy định tại Điều 3, Quyết định số 326/QĐ-TTg.			
	Về quy hoạch hạ tầng PCCC: Báo cáo quy hoạch đã có nội dung phân tích, đánh giá về thực trạng hạ tầng PCCC, đã xây dựng Phương án phát triển hạ tầng PCCC và bố trí dự án ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng PCCC. Tuy nhiên, những nội dung trên nằm trong các nội dung phân tích, đánh giá về tình hình ANTT. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu, bố trí nội dung riêng dành cho (1) Thực trạng hạ tầng PCCC và (2) Phương án phát triển hạ tầng PCCC. Đồng thời, bổ sung nội dung phê duyệt Phương án phát triển hạ tầng PCCC vào dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Trà Vinh để làm cơ sở triển khai thực hiện.	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung về PCCC và CNCH thuộc lĩnh vực ANTT (theo quyết định 804/QĐ-TTg) nên không tách rời khỏi lĩnh vực ANTT (đã có nội dung đánh giá và quy hoạch riêng). Xin phép được bảo lưu. Tiếp thu ý kiến và tách riêng nội dung phê duyệt KCHT PCCC&CNCH trong dự thảo quyết định phê duyệt của Thủ tướng.
8.2	<i>Về quy hoạch công tác Y tế</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Theo Đề án tổng thể phát triển mạng lưới Y tế CAND đến năm 2030 của BCA, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 03 cơ sở y tế CAND gồm: Bệnh xá CA tỉnh Trà Vinh, Bệnh xá Trại giam CA tỉnh Trà Vinh, Bệnh xá Trại giam Bến Giá. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung thông tin về các cơ sở y tế của CAND trong phần nội dung đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế.	Tiếp thu ý kiến		Nội dung đánh giá và quy hoạch Bệnh xá CAT đã có trong báo cáo hợp phần. Các nội dung về 02 bệnh xá thuộc trại giam hiện chưa có dữ liệu, đang phối hợp với CAT để làm rõ.
	Tại phần II, mục 2.2.2.2: Phân mạng lưới y tế, CSSK và đội ngũ y tế (trang 142-143), cần chia các mục thời gian tương đồng để đánh giá khách quan và có ý nghĩa thống kê, ví dụ: 2010, 2015, 2020 như Bảng 2.41 (trang 143), số liệu hiện tại: 2010-2020, 2019 (trang 142-144, 230), 2016-2020 (trang 233);	Tiếp thu và giải trình		Các số liệu phân tích được thống nhất sử dụng theo thời điểm (đầu, cuối các giai đoạn 5 năm) và cả giai đoạn. Số liệu 2019 đã được cập nhật theo năm 2020
	Mục 2.5.2 (trang 230), số liệu đánh giá về giường bệnh/vạn dân trùng lặp nội dung với đánh giá phần mạng lưới y tế, CSSK (trang 142)	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa các nội dung theo góp ý
	Lưu ý đối với bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn tỉnh cần thực hiện các yêu cầu về BVMT, cụ thể như: thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về BVMT	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	trước khi xả thải ra môi trường; phân loại CTR tại nguồn, ưu tiên lựa chọn công nghệ đốt thân thiện với môi trường và đáp ứng yêu cầu về BVMT trong xử lý chất thải y tế lây nhiễm; khuyến khích khử khuẩn chất thải y tế trước khi chuyển về nơi xử lý tập trung; có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về BVMT; xây dựng, vận hành công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải theo quy định			
8.3	<i>Về công tác BVMT, PCTT và ứng phó BĐKH</i>			
	Phần VI, mục 1 (trang 570): đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022	Tiếp thu ý kiến		
	Phần VI, mục 4 (trang 631): đề nghị bổ sung các nội dung, Phương án thực hiện kiểm kê phát khí thải nhà kính			
	Phần VI, mục 3.2 (trang 624): đề nghị bổ sung các chỉ tiêu về số lượng nước tiêu thụ tối thiểu, tỷ lệ % người dân sử dụng nước sạch tại khu vực nông thôn đến năm 2050.	Tiếp thu và chỉnh sửa		- Đến năm 2050, 99,5% người dân đô thị, 99% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% các trường học được cung cấp đủ nước sinh hoạt

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9	Bộ Công thương (CV số /BCT-KH, ngày 9 tháng 9 năm 2022)			
9.1	Vê công nghiệp			
	- Đối với hạ tầng công nghiệp, đề nghị nghiên cứu bố trí diện tích sử dụng đất cho các cụm công nghiệp với quy mô phù hợp, không quá nhỏ, lẻ nhằm tăng hiệu quả đầu tư. Ngoài ra, đề nghị rà soát, thống nhất diện tích các cụm công nghiệp (Sa Bình, Tân Ngại, Phú Cần) tại Bảng 5.10 (trang 461) và Phụ lục 8.2.	Tiếp thu ý kiến		Diện tích các cụm công nghiệp đã được rà soát phù hợp với các quyết định đầu tư
	Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư (trang 924). Để có cơ sở triển khai quy hoạch, đề nghị thể hiện trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch Danh mục các khu, cụm công nghiệp dự kiến phát triển (gồm: tên gọi cụ thể, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, phân kỳ đầu tư...).	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và bổ sung tại Phụ lục 8.2
	- Đề nghị bổ sung các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp và thống nhất trong giải pháp chung thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 (không chỉ nêu trong các hợp phần).		Bảo lưu	Các giải pháp đã được cân nhắc và đề xuất, tuy nhiên, để đảm bảo mức độ tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp) theo quy định, ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9.2	<i>Về Thương mại</i>			
	- Đề nghị bổ sung định hướng về thị trường trong nước, thương mại điện tử, hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại vùng nông thôn;	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung góp ý đã được trình bày tại nội dung 2.3.2, điểm 2.3, mục II, Phần IV
	Bổ sung phương án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, luận chứng lựa chọn các chương trình, dự án ưu tiên thu hút đầu tư để phát triển thương mại của Tỉnh.		Bảo lưu	Phương án phát triển KCHT thương mại đã được trình bày trong báo cáo thuyết minh tổng hợp. Các đề xuất dự án đầu tư đã được cơ quan tham mưu (Sở Công thương) nghiên cứu, lập luận và đề xuất phù hợp, được trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần. Xin phép được bảo lưu
	- Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, trên cơ sở dự báo nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh và Vùng xác định tổng quy mô sức chứa trong thời gian tới, đề nghị xác định hệ thống dự trữ xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh và định hướng phát triển hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt (hệ thống cửa hàng xăng dầu, trạm chiết nạp khí đốt...) trên địa bàn Tỉnh đảm bảo an ninh		Bảo lưu	Các nội dung tích hợp đã được trình bày trong báo cáo thuyết minh tổng hợp. Các nội dung chi tiết được trình bày cụ thể tại báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>năng lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, đồng thời bố trí quỹ đất phù hợp. Theo đó, đề nghị: (i) cập nhật thực trạng hệ thống kho dự trữ xăng dầu quy mô dưới 5.000 m³ (như Kho xăng dầu súc chứa 2.000 m³ và Kho súc chứa 500 m³, Kho petro Mekong súc chứa 1.800 m³ tại thành phố Trà Vinh; Kho Petrol Life súc chứa 4.800 m³ tại huyện Càng Long ...); (ii) hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh định hướng phát triển trong kỳ quy hoạch; (iii) cập nhật hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia để bố trí quỹ đất và triển khai thực hiện đồng bộ.</p>			
9.3	<i>Vê lĩnh vực năng lượng và phương án phát triển điện lực</i>			
	<p>- Đề nghị bổ sung định hướng phát triển năng lượng của tỉnh Trà Vinh, trong đó bên cạnh việc thực hiện các dự án trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, cần nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện tái tạo không nối lưới để sản xuất hydrogen, amoniac xanh, tiến tới xuất khẩu. Ngoài ra, cần có nghiên cứu giải pháp, cơ chế chính sách phù hợp để thu hút đầu tư phát triển</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Định hướng phát triển năng lượng (điện) đã được trình bày trong báo cáo thuyết minh. Các giải pháp cụ thể được trình bày trong báo cáo hợp phần, Ban soạn thảo xin phép bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	các ngành khác đề tăng phụ tải, khai thác hiệu quả các dự án nguồn điện trên địa bàn Tỉnh.			
	<p>- Hiện nay, tỉnh Trà Vinh định hướng phát triển và đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hydro xanh Trà Vinh bằng phương pháp điện phân. Do đó, đề nghị nghiên cứu việc sử dụng tại chỗ nguồn năng lượng tái tạo không nổi lưới như đã nêu trên. Trường hợp sử dụng lượng lớn điện năng từ lưới điện quốc gia, đề nghị cần xem xét, cân đối về việc cung ứng điện năng phục vụ sản xuất cũng như đánh giá nhu cầu tiêu thụ hydro cho năng lượng, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch năng lượng quốc gia và Quy hoạch điện VIII.</p>	Tiếp thu ý kiến		Tiếp thu ý kiến đóng góp. Báo cáo đã xem xét tới việc sử dụng nhiều hơn nguồn điện tại chỗ có tiềm năng lớn của tỉnh
	<p>- Tiếp tục bám sát, cập nhật, rà soát để đảm bảo thống nhất giữa phương án phát triển điện lực của Tỉnh với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, không đưa các nội dung không có trong quy hoạch cấp quốc gia vào trong quy hoạch tỉnh để tránh điều chỉnh khi được phê duyệt. Ngoài ra, đối với định hướng phát triển lĩnh vực điện chỉ nên đề cập về định hướng phát triển các dự án điện phù hợp theo Quy hoạch điện VIII (không nêu cụ</p>	Tiếp thu ý kiến		Báo cáo đã tham khảo những dự án của Quy hoạch điện VIII. Cố gắng bám sát những nội dung của QH, hạn chế đưa quá chi tiết trong báo cáo.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thể từng dự án, vị trí, quy mô công suất...) để đảm bảo tính khả thi.			
	- Cơ quan lập quy hoạch và đơn vị tư vấn tiếp tục tham vấn và tiếp thu ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam đối với nội dung phương án cấp điện trên địa bàn Tỉnh trong quá trình hoàn thiện quy hoạch	Tiếp thu ý kiến		Quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh đã tham vấn ý kiến của các đơn vị được nêu và đã tiếp nhận các ý kiến bằng văn bản, bổ sung, chỉnh sửa và tích hợp vào báo cáo thuyết minh tổng hợp.
9.4	<i>Về danh mục các dự án đầu tư</i>			
	Để có cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch và đảm bảo tính khả thi của quy hoạch, ngoài các dự án ưu tiên đầu tư, cần phải xác định danh mục các công trình, dự án cần triển khai thực hiện trong giai đoạn quy hoạch. Ngoài ra, đối với các dự án thuộc các quy hoạch ngành quốc gia không phải đối tượng của quy hoạch tỉnh nhưng cần cập nhật để bố trí quỹ đất, triển khai thực hiện đồng bộ		Bảo lưu	Các yêu cầu được nêu đã được tính đến trong quá trình lập quy hoạch, và được thể hiện trong các phụ lục của Báo cáo thuyết minh
10	Bộ Tài Chính (CV số /BTC-NSNN, ngày tháng 10 năm 2022)			
10.1	<i>Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch): Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các quy hoạch có thể lập đồng thời; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước; sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn. Vì vậy, đề nghị Tỉnh rà soát, xây dựng quy hoạch tỉnh trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt. Khi Quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia trong thời kỳ 2021-2030 được phê</p>	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	duyệt, trường hợp quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn phải điều chỉnh theo quy định			
10.2	<i>Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; độ tin cậy và sự đầy đủ của số liệu, dữ liệu</i>			
	- Quy hoạch tỉnh được lập trên cơ sở các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội các huyện; thị xã; thành phố; các quy hoạch phát triển ngành của tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và các nội dung còn hiệu lực, còn phù hợp với giai đoạn 2021-2030; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của trung ương đối với tỉnh Trà Vinh còn hiệu lực. Qua rà soát, hồ sơ quy hoạch bám sát, phù hợp với nội dung nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 804/QĐ-TTg ngày 09/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến		
	- Độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin, số liệu; tính khoa học và khách quan, tính đồng bộ và thống nhất của thông tin, số liệu dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh: Quy hoạch tỉnh	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa thực tế của địa phương với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế của các chuyên gia, nhà khoa học từ các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế... kết hợp với các chuyên gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh vì vậy độ tin cậy và phương pháp lập đã sát với thực tiễn tỉnh Trà Vinh.</p>			
10.3	<i>Tính hợp lý và khả thi của phương án phát triển được lựa chọn và phương án bố trí các nguồn lực</i>			
	<p>Căn cứ báo cáo Quy hoạch của Tỉnh (tại khoản 2.2 Phần III – trang 301 và khoản 1.1 Phần IX – trang 724 Báo cáo tổng hợp), kịch bản chọn của Tỉnh là Kịch bản cao cho cả 2 giai đoạn, cụ thể: Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,81%/năm cho giai đoạn 2021-2025 và 12,17%/năm cho giai đoạn 2026-2030; tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021-2030 cần khoảng 387,763 nghìn tỷ đồng (trong đó, giai đoạn 2021-2030 là 160 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 là khoảng 227,763 nghìn tỷ đồng). Do kịch bản chọn của Tỉnh dựa trên dự báo mức tăng trưởng ở mức khá cao và phụ thuộc lớn vào khả năng huy động được nguồn lực từ</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Các dự báo có gắn với thực hiện mục tiêu đạt ra trong văn kiện Đại hội tỉnh, vì thế cần bảo lưu các mục tiêu và chỉ tiêu này, quan trọng là xác định quyết tâm và ý chí để thực hiện</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	những nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động và Tỉnh chưa có đột phá trong cơ chế thu hút vốn đầu tư, vì vậy đề nghị tỉnh Trà Vinh rà soát nguồn lực đảm bảo tính khả thi, trên cơ sở đó xác định thứ tự ưu tiên của các dự án, công trình quan trọng và phân kỳ từng năm, trong đó chi tiết cơ cấu từng nguồn vốn của từng dự án để làm cơ sở thực hiện			
10.4	<i>Tính khả thi, hiệu quả của các giải pháp thực hiện quy hoạch</i>			
	Đề nghị Tỉnh rà soát và xác định cụ thể các dự án ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước, các dự án sử dụng nguồn vốn khác; trên cơ sở đó xác định quy mô tổng vốn, cơ cấu vốn và phân kỳ vốn dựa trên khả năng huy động vốn dự kiến; từ đó có giải pháp về huy động vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả, khả thi	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát theo các ý kiến đóng góp
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo (CV số .../BGDDT-KHHC ngày tháng 10 năm 2022)			
11.1	<i>Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 2.2.2.1 trang 133)</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Về kết quả phát triển giáo dục và đào tạo (Mục a trang 133): Đề nghị rà soát, bổ sung Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 để làm rõ thêm căn cứ, cơ sở đánh giá đạt/không đạt đối với một số nội dung về giáo dục và đào tạo như: “Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học và tỷ lệ học sinh đúng độ tuổi học tiểu học và THCS là đạt so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch. Đối với cấp học THPT, thì cả 2 chỉ tiêu trên đều không đạt”; “Bậc học tiểu học và THPT có tỷ lệ trường đạt chuẩn đạt so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch. Đối với bậc học mầm non và THCS là những bậc học có tỷ lệ trường đạt chuẩn thấp hơn so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch”, đối với các chỉ tiêu phát triển giáo dục của tỉnh tại Bảng 2.34 (trang 133),... Ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá, so sánh với cả nước và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long để thấy được vị trí của giáo dục và đào tạo của tỉnh hiện nay cũng như để xác định rõ hơn mức đạt được so với điều kiện, tiềm năng của tỉnh</p>	Tiếp thu và giải trình		<p>1) Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đề ra chỉ tiêu đến năm 2020 như sau (căn cứ để đánh giá đạt/không đạt đối với một số nội dung về GD-ĐT):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động trẻ 05 tuổi vào mẫu giáo đạt 99,5%. - Huy động học sinh trong độ tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%. - Huy động học sinh trong độ tuổi vào THCS đạt 98,5%. - Huy động học sinh trong độ tuổi vào THPT và GD thường xuyên hướng nghiệp dạy nghề đạt 80%. - Các trường trong tỉnh đạt chuẩn chiếm tỷ lệ trên 30% ở các cấp học. <p>2) So với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chất lượng giáo dục và đào tạo hiện nay của tỉnh Trà Vinh đạt mức trung bình.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				3) Căn cứ vào Quyết định số 1119/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 16/6/2017 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; nội dung đánh giá tại BC tổng hợp dự án và số liệu Bảng 2.34 (Kết quả một số chỉ tiêu lĩnh vực giáo dục năm 2020) đã nêu ở mục a trang 133 của BC tổng hợp dự án về kết quả phát triển GD-ĐT là chính xác.
	Về mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo (Mục b trang 135): Đề nghị rà soát các thuật ngữ về giáo dục và đào tạo đảm bảo đúng với quy định tại Luật Giáo dục (Ví dụ: thay từ “tiểu học cơ sở” thành “cấp tiểu học” hoặc “giáo dục tiểu học”, thay từ “bậc học” thành “cấp học”, thay từ “cháu” thành “trẻ” đối với đánh giá về giáo dục mầm non và thành “học sinh” đối với đánh giá về giáo dục phổ thông,...)	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo các nội dung góp ý
	Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý (Mục c trang 138): Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về thực	Tiếp thu và giải trình		Các nội dung góp ý đã được phân tích và đánh giá cụ thể trong báo cáo hợp phần, ban

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	trạng đội ngũ nhân viên ngành giáo dục; thực trạng công tác bồi dưỡng, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên ngành giáo dục của tỉnh trong thời gian qua; bổ sung đánh giá về tồn tại, hạn chế cụ thể đối với công tác phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên ngành giáo dục (cả về số lượng và chất lượng)			soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề để làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới		Bảo lưu	Các nội dung góp ý đã được phân tích và đánh giá cụ thể trong báo cáo hợp phần, các đánh giá chung đã được tích hợp trong phần II của Báo cáo tích hợp. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
11.2	<i>Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2.5.1 trang 223)</i>			
	Đề nghị rà soát đảm bảo số liệu thống nhất, chính xác (Ví dụ: số liệu về trường trung học cơ sở là 98 trường (bảng 2.71 trang 224) hay 100 trường (Bảng 2.72 trang 224) số liệu về trường trung học phổ thông là 29 trường	Tiếp thu và chỉnh sửa		Số liệu rà soát và tổng hợp theo NGTK tỉnh Trà Vinh năm 2021: - cấp THCS có 100 trường (bao gồm 96 trường THCS và 4 trường PTCS);

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(Bảng 2.71 trang 224) hay 36 trường (Bảng 2.72 trang 224) ,...)			- cấp THPT có 36 trường (bao gồm 29 trường THPT và 7 trường PT)
	Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn so với quy mô dân số; đánh giá những nguyên nhân của hạn chế, tồn tại của mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020 làm căn cứ, cơ sở quy hoạch thời kỳ tới		Bảo lưu	Nội dung góp ý đã được phân tích và đánh giá cụ thể trong báo cáo hợp phần, ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
	Đề nghị rà soát, xem lại số liệu diện tích đất Trường Đại học Trà Vinh cơ sở chính, chi nhánh Duyên Hải và chi nhánh Cầu Ngang (507.254 m ²) để đảm bảo chính xác, thống nhất với số liệu hiện trạng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh với diện tích chỉ là 365 ha (Mục b trang 275)		Bảo lưu	Đã rà soát số liệu hiện trạng diện tích đất của GD mầm non, phổ thông, GD thường xuyên, các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp trên địa bàn tỉnh, trong đó: Trường ĐH Trà Vinh: 507.254 m ² (50,7ha) là chính xác.
11.3	<i>Về đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phát triển tỉnh (Mục 2.9 trang 285)</i>			
	Đề nghị rà soát, xem lại đánh giá điểm mạnh về giáo dục và đào tạo của tỉnh: “Trong thời gian qua, tỉnh luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về giáo dục, đào tạo (tỷ lệ đến trường của học sinh các cấp, tỷ lệ phổ cập giáo dục, tỷ lệ lao động qua đào tạo” (trang 288) để phù	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo các nội dung góp ý

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	hợp với đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của tại Mục 2.2.2.1 (trang 133)			
11.4	<i>Về các phương án phát triển và lựa chọn phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch (Mục II trang 297)</i>			
	Đề nghị nghiên cứu tính toán đến yếu tố nguồn nhân lực, lực lượng lao động khi xây dựng các kịch bản phát triển để đảm bảo khả thi, thực hiện được các mục tiêu đề ra. Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế, bổ sung dự báo về nguồn nhân lực, lực lượng lao động phân theo trình độ tương ứng với các kịch bản phát triển để xây dựng các phương án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực	Tiếp thu ý kiến		Các yếu tố nguồn lực đã được tính đến khi xây dựng kịch bản phát triển, được trình bày chi tiết trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này.
11.5	<i>Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.2 trang 338)</i>			
	- Đề nghị bổ sung dự báo quy mô dân số trong độ tuổi đi học để là căn cứ dự báo quy mô học sinh và xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới		Bảo lưu	Nội dung góp ý đã được dự báo cụ thể trong báo cáo hợp phần về dân số, lao động. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo xây dựng mục tiêu dựa trên căn cứ này. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đề nghị rà soát mục tiêu, định hướng và phương án phát triển Trường Đại học Trà Vinh tại báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh để đảm bảo thống nhất và phù hợp quy định hiện hành (Ví dụ: “Đầu tư, phát triển Trường Đại học Trà Vinh thành Đại học Trà Vinh, định hướng ứng dụng điển hình xuất sắc và đặc thù” (trang 339); “Đến năm 2025, phát triển theo mô hình Đại học tiên tiến, phát triển Trường Đại học Trà Vinh thành Đại học Trà Vinh (trang 341); “Tiếp tục đầu tư, phát triển Đại học Trà Vinh thành trường đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao” (trang 580))</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		<p>Ban soạn thảo đã rà soát và bảo lưu các nội dung góp ý ở trang 339 và 341 (các phát biểu không có mâu thuẫn với nhau). Nội dung góp ý ở trang 580 đã được chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp.</p>
	<p>Đề nghị bổ sung nội dung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo theo đó có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua</p>		Bảo lưu	<p>Các giải pháp phát triển giáo dục được trình bày trong báo cáo hợp phần. Nội dung giải pháp trong Báo cáo thuyết minh được tích hợp từ các hợp phần và đảm bảo tính tích hợp theo quy định. Xin phép bảo lưu nội dung này.</p>
11.6	<p><i>Về phương án phân bổ không gian và phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 5.1 trang 571)</i></p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>- Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>		<p>Bản đồ quy hoạch được xây dựng theo hướng dẫn tại CV 5746 của Bộ KH&ĐT và được trình bày riêng cùng hồ sơ quy hoạch tỉnh.</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung làm rõ thêm phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.</p>	<p>Tiếp thu và giải trình</p>		<p>- Báo cáo hợp phân đã trình bày cụ thể phương án quy hoạch số lượng trường mầm non trên địa bàn tỉnh, trong đó đã trình bày rõ phương án sử dụng đất các trường ngoài công lập nói chung và giáo dục mầm non ở các khu CN, cụm CN nói riêng và được tích hợp vào các nội dung liên quan. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các trường mầm non và tiểu học được thành lập mới chủ yếu ở các khu, cụm công nghiệp mới và khu đô thị mới. + Mỗi xã, phường, thị trấn có từ 1 đến 2 trường mầm non, từ 1 đến 2 trường tiểu học; Ở các thành phố, khu đô thị, khu công nghiệp, cần sắp xếp linh hoạt, bảo đảm quy mô và bán kính phục vụ của các trường, không nhất thiết xác định theo địa giới hành chính/trường. + Mỗi huyện, thị xã và TP Trà Vinh cần dành ít nhất 5.000 m² làm quỹ đất dành cho

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<p>xã hội hóa giáo dục tại các khu vực có điều kiện KT-XH thuận lợi.</p> <p>+ Tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung đông công nhân, cần dành tối thiểu 3.000 m² để xây dựng nhà trẻ, trường mầm non.</p>
	<p>- Đề nghị rà soát, làm rõ nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong hồ sơ quy hoạch của tỉnh đến năm 2030 hiện đang cao hơn so với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu của tỉnh xác định tại phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai (Mục III trang 677) là 589 ha</p>		<p>Bảo lưu</p>	<p><i>Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025 đã xác định: chỉ tiêu kế hoạch và quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 là 503 ha; năm 2030 là 589 ha.</i></p> <p>Tổng diện tích đất quy hoạch cho các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GD thường xuyên và các trường ĐH, CĐ, trung cấp đến năm 2025 là: 404,674 ha; năm 2030 là: 548,674 ha, phù hợp với <i>Quyết</i></p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<i>định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.</i>
11.7	<i>Về danh mục dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Phụ lục 8.1 và Phụ lục 8.2)</i>			
	Các dự án ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn rất hạn chế, đề nghị xem xét bổ sung để cụ thể hóa phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo tại quy hoạch tỉnh và dành ưu tiên hơn đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và nhằm thực hiện được các mục tiêu đề ra của quy hoạch tỉnh		Bảo lưu	Danh mục dự án đầu tư đã được đơn vị chủ trì (sở GD&ĐT) rà soát, thống nhất đề xuất đưa vào quy hoạch
12	Bộ Khoa học và Công nghệ (CV số 2905/BKHCN-ĐTĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022)			
12.1	<i>Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) (trang 149)</i>			
	Tại Công văn số 1011/BKHCN-ĐTĐ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã lưu ý bổ sung nội dung “thực trạng về đầu tư cho hoạt động KH&CN của tỉnh cũng như hoạt	Tiếp thu ý kiến đóng góp		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... của tỉnh Trà Vinh trong thời gian vừa qua để từ đó xác định những thách thức và các triển vọng phát triển KH&CN của tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050". Tuy nhiên, nội dung này chưa được tiếp thu, chỉnh sửa. Bên cạnh đó đề nghị bổ sung hoạt động quản lý công nghệ của tỉnh Trà Vinh, đặc biệt là đối với việc thẩm định các công nghệ nhằm lựa chọn được công nghệ tiên tiến, ngăn chặn, loại bỏ các công nghệ lạc hậu, không phù hợp đối với các dự án đầu tư tại tỉnh</p>			
12.2	<i>Về quan điểm phát triển (trang 296)</i>			
	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung quan điểm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lấy con người làm trung tâm, coi trọng việc thu hút nhân tài, lực lượng lao động tay nghề cao trong nước và ngoài nước trong quan điểm phát triển của tỉnh Trà Vinh tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>		Bảo lưu	Quan điểm này được thể hiện trong phương án phát triển dân số, lao động
	<p>Tại quan điểm phát triển thứ (5), nên thể hiện rõ hơn việc phát triển kinh tế - xã hội hay phát triển tỉnh nói</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chung dựa vào KH&CN hiện đại... Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý chỉnh sửa “ ứng dụng công nghệ cao” trong các ngành, lĩnh vực mà tỉnh Trà Vinh có thể mạnh để góp phần đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra			
12.3	<i>Về phương hướng phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo (trang 337)</i>			
	- Về quan điểm phát triển: đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về đổi mới cơ chế quản lý đối với KH&CN, chính sách đối với đội ngũ trí thức KH&CN trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và khai thác hiệu quả nhất mọi tiềm năng trí tuệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Bên cạnh đó thể hiện được quan điểm về thúc đẩy cơ chế liên kết hợp tác giữa nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Các nội dung góp ý đã được bổ sung và trình bày trong báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Về mục tiêu phát triển: căn cứ vào điều kiện của tỉnh và nhu cầu phát triển để đưa ra mục tiêu cụ thể về	Tiếp thu và chỉnh sửa		Các nội dung góp ý đã được bổ sung và trình bày trong báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050			
12.4	<i>Đôi với phương án phân bố không gian và kết cấu hạ tầng xã hội (mục V trang 571)</i>			
	Đề nghị bổ sung phương án phân bố không gian và kết cấu hạ tầng phát triển KH&CN của tỉnh Trà Vinh trong thời kỳ quy hoạch		Bảo lưu	Phương án phân bố không gian và KCHT phát triển KH&CN đã được tích hợp tại nội dung 2.4, mục II, Phần V. Xin phép được bảo lưu
13	Ủy ban Dân tộc (CV số 1659/UBNDT-KHTC, ngày 4 tháng 10 năm 2022)			
13.1	<i>Phần V, “Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội” (tr365)</i>			
	Đề nghị bổ sung mục “Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực và những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn”, để làm cơ sở xác định các dự án ưu tiên đầu tư (phần này đã được nêu trong công văn số 762/UBNDTKHTC ngày 23/5/2022 của UBNDT gửi UBND tỉnh Trà Vinh về việc tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh Trà Vinh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến		Bảo lưu	Đã có phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực. Đối với khu vực khó khăn, hiện tại Trà Vinh không còn các đơn vị (cấp xã) thuộc khu vực khó khăn. Cụ thể: Theo quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	năm 2050, tuy nhiên chưa được tính tiếp thu và giải trình)			<p>đoạn 2021 – 2025, Trà Vinh không có xã đặc biệt khó khăn.</p> <p>Theo kế hoạch số 66/KH-BCĐ về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022. Năm 2022, Trà Vinh dự kiến có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Kim Sơn, Hàm Giang và Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú; nâng tổng số Toàn tỉnh có 100% xã đạt chuẩn NTM.</p> <p>Theo điều 4, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025 ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được xác định là xã khu vực I (xã bước đầu phát triển). Như vậy, đến nay Trà Vinh không còn xã thuộc khu vực đặt biệt khó khăn hoặc xã khó khăn.</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13.2	<i>Phân VIII, “Tiêu chí xác định dự án ưu tiên” (tr719)</i>			
	Đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.		Bảo lưu	Tỉnh Trà Vinh hiện tại không có địa bàn cấp xã thuộc phân loại khu vực khó khăn
13.3	<i>Một số kiến nghị khác</i>			
	Trà Vinh là tỉnh có 28 dân tộc thiểu số với 325.348 người, chiếm 32,24% dân số toàn tỉnh. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm 11,2%, hộ cận nghèo chiếm 13,2%. Vì vậy Quy hoạch cần đi sâu đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường	Tiếp thu		Bảo lưu vì trong các nội dung phân tích thực trạng đã phân tích lồng ghép các yếu tố dân tộc. Không thể phân tích quá cụ thể trong thực trạng để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh
14	Bộ tổng tham mưu_BQP (CV không số của Cục tác chiến, ngày 2 tháng 11 năm 2022)			
	Ngày 20/5/2022, BQP đã có CV số 1527/BQP-TM tham gia ý kiến và thống nhất với Quy hoạch tỉnh	Tiếp nhận ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quá trình lập quy hoạch tỉnh, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch; tích hợp có bản đầy đủ các nội dung, trong đó đã chủ động phối hợp với Quân khu 9 thực hiện cơ bản việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng và quy hoạch tỉnh. Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cơ bản phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch; các giải pháp, cũng như nguồn lực tổ chức thực hiện về tổng quan đảm bảo khả thi. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để Hội đồng xem xét, thẩm định.</p>			
	<p>Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh – cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh - tiếp tục phối hợp với Quân khu 9 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của BQP và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Hệ thống bản đồ được xây dựng theo các quy định và hướng dẫn tại công văn số 5746 của Bộ KH&ĐT</p>

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>số 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 6/11/2020 về tích hợp quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển KTXH vào hệ thống quy hoạch tỉnh để đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, kết hợp phát triển KTXH với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường (CV số/BTNMT-KHTC, ngày tháng năm 2022)			
15.1	Bộ TN&MT đã có CV số 3031/BTNMT-KHTC ngày 1/6/2022 gửi UBND tỉnh Trà Vinh ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, dự thảo kèm theo CV số 6578/HĐTĐ-CV chưa tiếp thu, giải trình các ý kiến của Bộ TN&MT tại CV nêu trên, trong đó có các nội dung về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu đo đạc bản đồ. Đề nghị đơn vị lập quy hoạch bổ sung nội dung tiếp thu, giải trình.	Tiếp thu ý kiến		Các ý kiến đóng góp tại cv số 3031/BTNMT-KHTC cơ bản đã được giải trình trong Báo cáo giải trình kèm theo hồ sơ quy hoạch tỉnh.
15.2	<i>Rà soát, đối chiếu lại một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất như sau:</i>			

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>(1) Đất nông nghiệp:</p> <p>(a) Đất rừng phòng hộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 có 6.925ha; - QH sử dụng đất đến năm 2030 có 6.180ha. Đến năm 2030, diện tích đất thực giảm 745ha so với năm 2020 và cao hơn chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg là 1.637ha - Chỉ tiêu quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg là 4.543ha <p>(b) Đất rừng sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 không có đất rừng sản xuất - Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 có 4.296ha. Đến năm 2030, diện tích đất tăng tuyệt đối 4.296ha so với năm 2020 và cao hơn chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ quốc gia đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg là 592ha <p>Chỉ tiêu quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg là 3.704ha</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp		Theo Công văn số 1812/QCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 18/7/2022 của Tổng cục quản lý đất đai về việc có ý kiến về hồ sơ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai thuộc Quy hoạch tỉnh Trà Vinh. Hợp phần phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tuân thủ chỉ tiêu Quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>(2) Đất phi nông nghiệp:</p> <p>(a) Đất phát triển hạ tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 có 14.050ha; - QH sử dụng đất đến năm 2030 có 17.663ha. Đến năm 2030, diện tích đất tăng 3.613ha so với năm 2020 và cao hơn chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg là 1.871ha - Chỉ tiêu quốc gia phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg là 15.792ha 	Tiếp thu và chỉnh sửa		- Đất phát triển hạ tầng sau khi tiếp thu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 16.465 ha, cao hơn chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia 673 ha
15.3	<i>Về phân vùng môi trường</i>			
	Đề nghị bổ sung yêu cầu về BVMT theo phân vùng môi trường được quy định tại Khoản 4, Điều 23, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường		Bảo lưu	Phương án phân vùng môi trường đã được thực hiện theo các quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
15.4	<i>Về Quản lý chất thải</i>			
	Bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh trong đó bao gồm các nội dung: sự phù hợp với quy hoạch của tỉnh trong kỳ quy hoạch trước và số lượng bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.	Tiếp thu và chỉnh sửa		Hiện trạng kết cấu hạ tầng xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh được bổ sung tại điểm 2.4.6, mục 2.6, Phần II của báo cáo thuyết minh.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>Đề nghị xem lại các quy đổi CTR giữa đơn vị tấn/ngày và m³/ngày cho đúng với thực tế. rà soát, bổ sung chỉ tiêu môi trường: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp, tỷ lệ bãi chôn lấp/cơ sở xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu BVMT</p>			
	<p>Xem xét, bổ sung nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đã đóng cửa, bổ sung nội dung phân loại CTR sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn và việc xử lý chất thải sau phân loại theo quy định tại Luật BVMT</p>		Bảo lưu	<p>Các giải pháp cụ thể được trình bày trong báo cáo hợp phần. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>Cụ thể hóa phương án phát triển các khu xử lý chất thải, trong đó cần nêu rõ mục tiêu dự kiến đạt được đến năm 2030 và đến năm 2050, nêu rõ có quy hoạch cơ sở xử lý chất thải nguy hại đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh hay không.</p>	Tiếp thu ý kiến		<p>Quy hoạch khu xử lý CTR nguy hại liên vùng được thực hiện theo quy hoạch vùng ĐBSCL. Phương án thu gom, xử lý CTR đã được bổ sung, hoàn thiện trong báo cáo thuyết minh.</p>
15.5	<p>Đôi với các nội dung có sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong việc phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đặc điểm khí hậu, thủy văn thủy triều và tình hình xâm nhập mặn của tỉnh Trà Vinh cần được trích</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	dẫn đầy đủ nguồn gốc số liệu theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 32, Luật Khí tượng thủy văn và Điều 22, Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 5/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.			
15.6	<i>Về nội dung phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai</i> và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai trong BCTH Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Bộ TNMT đang thực hiện các hoạt động phân vùng rủi ro thiên tai theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 7/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối, hạn hán, xâm nhập mặn. Vì vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch cần phối hợp với cơ quan KTTV tại địa phương để triển khai nội dung này.	Tiếp thu ý kiến		
15.7	Trong quá trình thực hiện quy hoạch nêu trên, đề nghị <i>xem xét việc đảm bảo hành lang kỹ thuật đối với các</i>	Tiếp thu ý kiến		

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<i>công trình KTTV quốc gia</i> theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; điểm b, khoản 5, Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 38/2016/NĐ-CP nhằm đảm bảo quy hoạch phát triển KTXH và quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV quốc gia, góp phần đáp ứng hiệu quả và nâng cao chất lượng nguồn cung cấp thông tin dữ liệu cho công tác cảnh báo, dự báo KTTV, phòng, chống thiên tai, ứng phó BĐKH.			
15.8	<i>Đối với nội dung Phương án phát triển không gian biển</i> , đề nghị bổ sung nội dung làm rõ cơ sở, tiêu chí phân vùng chức năng KGB khu vực tỉnh Trà Vinh		Bảo lưu	Trong báo cáo hợp phân đã phân tích chi tiết các tiêu chí căn cứ phân vùng chức năng KGB theo Điều 10 của Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT qui định phương pháp và tiêu chí phân vùng chức năng KGB. Ban soạn thảo xin phép bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp).
15.9	<i>Về nội dung Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên</i> trên địa bàn tỉnh (mục II, phần VI) chỉ mới đề	Tiếp thu ý kiến		Tài nguyên biển của tỉnh Trà Vinh chưa được khảo sát và đánh giá chuyên ngành, do

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cập đến tài nguyên khoáng sản mà chưa có các dạng tài nguyên khác, đặc biệt là các loại tài nguyên biển. Do vậy đề nghị rà soát, bổ sung			đó không có căn cứ để đánh giá. Hiện tại, cát ven biển đang là tài nguyên có giá trị đối với tỉnh.
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (CV số 3897/BVHTTDL-KHTC ngày 7/10/2022)			
16.1	<i>Về phân căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung một số văn bản sau:</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; - Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. - Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các 	Tiếp thu và bổ sung		Đã rà soát, bổ sung theo góp ý

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.			
16.2	<i>Một số nội dung cần chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp</i>			
	<p>Tại 1.4 (trang 38), đề nghị bổ sung nội dung diễn biến chất lượng môi trường, sự cố môi trường của tài nguyên đất, nước, không khí; tình hình phát sinh các loại chất thải và dự báo về quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh trong kỳ quy hoạch và công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.</p> <p>- Phần II Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng đất (trang 66), đề nghị bổ sung nội dung thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng cấp thoát nước, thu gom xử lý chất thải của tỉnh</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp
16.3	<i>Về lĩnh vực du lịch</i>			
	<p>- Mục 1.3.5.3. Tiềm năng du lịch biển (trang 35) đổi tên mục thành “Tài nguyên du lịch” để phù hợp với các nội dung bên trong mục.</p> <p>- Thực trạng ngành du lịch (trang 99) đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trong</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	ngành du lịch; tác động của đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch của tỉnh.			
	- Mục 2.6.5. Hiện trạng kết cấu hạ tầng khu du lịch (trang 266) đặt thành mục “Hiện trạng kết cấu hạ tầng du lịch”, đề nghị bổ sung các nội dung đánh giá chi tiết hiện trạng kết cấu hạ tầng tại từng khu, điểm du lịch hiện đang khai thác của tỉnh như: khu du lịch biển Ba Động, điểm du lịch biển Mỹ Long...	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung đánh giá chi tiết được thể hiện trong báo cáo hợp phần, xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	- Mục 2.6.6. Đánh giá chung về cơ sở hạ tầng các khu chức năng (trang 267) đề nghị bổ sung nội dung đánh giá chung về cơ sở hạ tầng các khu du lịch trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung đánh giá chi tiết được thể hiện trong báo cáo hợp phần, xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	- Mục b. Chỉ tiêu phát triển (trang 307) đề nghị bổ sung các nội dung, số liệu về mục tiêu khách du lịch (khách du lịch quốc tế, khách du lịch nội địa); tổng thu từ du lịch của tỉnh Trà Vinh. - Mục b. Các điểm du lịch trọng điểm đến năm 2030 (trang 474) nên đổi tên mục thành “Các khu du lịch trọng điểm đến năm 2030” để phù hợp với các nội dung bên	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã bổ sung các chỉ tiêu theo ý kiến đóng góp; Điều chỉnh tên của mục theo góp ý

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	trong mục và nội dung tại mục 2.7.2. Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các khu du lịch (trang 474).			
	<p>- Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu, xem xét một số khái niệm sử dụng trong báo cáo, cụ thể:</p> <p>+ Sử dụng khái niệm “tổng thu từ du lịch” thay cho khái niệm “doanh thu du lịch” để phù hợp với khái niệm dùng chung trong ngành du lịch.</p> <p>+ Không sử dụng khái niệm “du lịch tâm linh”.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa		Đã rà soát, chỉnh sửa tại các nội dung phù hợp;.
16.4	<i>Về văn hóa, thể thao</i>			
	<p>- Tại trang 352 mục 6.3 cần chi tiết hơn nữa về đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho văn hóa-thể thao:</p> <p>+ Tăng cường đội ngũ cán bộ văn hóa có trình độ chuyên môn cao về các lĩnh vực bảo tàng, thư viện và nghệ thuật biểu diễn;</p> <p>+ Tăng cường công tác đào tạo và liên kết đào tạo đối với đội ngũ hướng dẫn viên thể thao quần chúng tại cấp cơ sở; Thường xuyên bồi dưỡng và nâng cao</p>	Tiếp thu ý kiến		Các nội dung đánh giá chi tiết được thể hiện trong báo cáo hợp phần, xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính tích hợp của báo cáo thuyết minh tổng hợp.

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu và chỉnh sửa	Bảo lưu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chất lượng chuyên môn cho đội ngũ huấn luyện viên các môn thể thao thành tích cao có thể mạnh của tỉnh Trà Vinh;			
	- Thể thao Trà Vinh nên bám sát vào chiến lược phát triển các môn thể thao nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 của ngành Thể dục thể thao để đầu tư trọng điểm, tránh dàn trải.	Tiếp thu ý kiến		Đã rà soát và điều chỉnh phù hợp